



**LUẬN VĂN:**

**Kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện  
Yên Châu tỉnh Sơn La**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Lương thực thực phẩm là vấn đề muôn thuở của xã hội, dù thế giới ngày nay có phát triển đến đâu đi nữa, xã hội loài người muôn tồn tại, các ngành kinh tế muốn phát triển mọi thành viên trong xã hội phải được cung cấp đầy đủ lương thực và thực phẩm, cho đến ngày nay cho thấy những sản phẩm ấy chỉ có thể do nông nghiệp (Nông, Lâm, Ngư nghiệp) cung cấp. Mặt khác, nông nghiệp tạo ra sản phẩm là nguồn nguyên liệu hết sức quan trọng của công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến. Đã từ lâu Các Mác cho rằng: "*...Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất chủ yếu của xã hội, sản xuất của nông nghiệp là nhu cầu tối căn bản của con người*" .

Ở nước ta Đảng, Nhà nước luôn quan tâm đúng mức đến phát triển nông nghiệp và phát triển xây dựng nông thôn mới. Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong quá trình phát triển kinh tế đất nước. Những năm qua thực hiện đường lối công nghiệp hoá - hiện đại hoá cả nước cũng như từng địa phương đã tập trung triển khai thực hiện mạnh mẽ dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá để từng bước góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Huyện Yên Châu là một huyện thuộc miền núi phía Tây Bắc Bộ thuộc tỉnh Sơn La, nền kinh tế còn đơn điệu với dân số trên 6,7 vạn người, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và khai thác lâm sản. Nhiều năm qua Yên Châu đã có cố gắng nhất định trong việc tổ chức phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn với chính sách giao đất, giao rừng đến từng hộ nông dân đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong đời sống của nhân dân trong toàn huyện. Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương và hướng dẫn của các ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể ... cùng sự đoàn kết, cần cù sáng tạo của các hộ nông dân (Tổng số hộ nông dân toàn huyện là 13735, chiếm 91% số hộ trong toàn huyện Yên Châu, đời sống của các hộ nông dân từ chỗ thiếu lương thực, đói ăn, nghèo khó sang đủ ăn và có một phần của cải vật chất dự trữ để phục vụ đời sống. Đặc biệt một số hộ đã dịch chuyển sản xuất nông nghiệp nông thôn theo hướng kinh tế trang trại “VAC” là vườn rừng, ao, chăn nuôi đã thu lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho nhân dân thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Châu.

Tuy nhiên từ thực tế chung của nhiều vùng trong tỉnh và cả nước, ở huyện Yên Châu quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn còn gặp nhiều khó khăn bất cập đó là: Tình trạng sản xuất vẫn còn mang dáng dấp kinh tế tự cung tự cấp, người dân đã chú ý đến sản xuất hàng hoá, song việc sản xuất hàng hoá mới dừng lại trong việc sản xuất ra của cải như: Lúa, ngô, sắn, chè, chuối ... và các gia súc, gia cầm trâu, bò, dê, gà ... Tạo nên thị trường cung cầu không ổn định. Khi mùa đến thì dư thừa sản phẩm, không bán được hoặc bán giá rẻ không đủ chi phí sản xuất hoặc có những nơi sản phẩm làm ra bị ứ đọng gây thiệt hại cho nông dân và ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự bê tắc hoặc bị quan trọng sản xuất phát triển kinh tế ... Đây cũng là nguyên nhân mặt hạn chế trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn đối với huyện miền núi Yên Châu cũng như các huyện miền núi Tây Bắc.

Do đó, trách nhiệm phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn Yên Châu đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải tìm ra những giải pháp và hướng đi phù hợp: Phát triển con gì? theo mô hình nào? thị trường ra sao? ... để nông nghiệp nông thôn Yên Châu có bước chuyển đổi tích cực theo hướng từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn.

Từ những nhu cầu cấp thiết đặt ra đối với địa phương huyện Yên Châu cần phải tìm ra một hướng đi đúng thay phát triển nông nghiệp nông thôn nói chung và phát triển kinh tế hộ nông dân nói riêng để từng bước đưa Yên Châu thoát khỏi huyện nghèo nàn lạc hậu. Xuất phát từ thực tế đó, tôi chọn đề tài: ***Kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Yên Châu tỉnh Sơn La***, làm đề tài luận văn Thạc sĩ Kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Thời gian qua kể từ khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn theo đường lối đổi mới của Đảng ở nước ta, vấn đề phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn luôn là đề tài được nhiều tổ chức và cá nhân quan tâm với những mức độ khác nhau đã có nhiều công trình nghiên cứu và nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu như:

- *Phát triển kinh tế hộ gia đình miền núi trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường*, Luận án tiến sĩ kinh tế (2000) của Sa Trọng Đoàn.

- Hồng Vinh (chủ biên), *CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- *Phát triển nông nghiệp nông thôn ở đồng bằng sông cửu long theo hướng CNH, HĐH*, Luận án Tiến sĩ kinh tế (1999) của Phạm Châu Long.

- *Bàn về sự hình thành và kết hợp các lợi ích kinh tế của nông nghiệp tập thể hiện nay ở nước ta*, Luận án Phó Tiến sĩ kinh tế (1998) của Nguyễn Duy Hùng.

- *Quan hệ lợi ích kinh tế người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ kinh tế (2006) của Nguyễn Quang Tuệ Minh và nhiều công trình nghiên cứu khác...

Tuy nhiên vấn đề phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Yên Châu tỉnh Sơn La còn ít công trình nghiên cứu. Vì thế đề tài luận văn này rất cần thiết và có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn trong việc phát triển kinh tế xã hội ở huyện miền núi Yên Châu tỉnh Sơn La.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu luận văn**

- **Mục đích:** Làm rõ bản chất nội dung và thực trạng của kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Yên Châu, là người được giao quyền sử dụng đất nông nghiệp trong mối qua hệ lợi ích với nhà nước và chủ đầu tư và việc canh tác sản xuất trên diện tích đất của hộ nông dân và hướng chuyển đổi sản xuất đối với kinh tế hộ nông dân đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

#### **- Nhiệm vụ:**

+ Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tế trong việc phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Yên Châu

+ Phân tích khi hộ nông dân chuyển một phần đất nông nghiệp được giao sang đóng góp cổ phần với doanh nghiệp để phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất cây công nghiệp

+ Nghiên cứu kinh nghiệm giải quyết các mối quan hệ trong quá trình sản xuất và phát triển hộ nông dân sang kinh tế mang tính tập thể (HTX và đóng góp cổ phần)

+ Đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản và phát triển kinh tế hộ nông thôn trong thời gian tới.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu:* Kinh tế hộ nông dân trong sự phát triển kinh tế vườn đồi và đóng góp cổ phần với các chủ đầu tư là các doanh nghiệp trên địa bàn.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Trên địa bàn huyện Yên Châu từ khi Yên Châu được Trung ương, tỉnh phê duyệt cho phép phát triển cây cao su và cây chè, cây lâm nghiệp trên địa bàn huyện Yên Châu đến nay.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

- *Cơ sở lý luận:* Dựa trên quan điểm Chủ nghĩa Mác – Lê Nin tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà Nước và các lý luận kinh tế liên quan

- *Phương pháp nghiên cứu:* Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp khoa học của kinh tế chính trị Mác – Lê nin và các phương pháp cụ thể như: Phương pháp khảo sát, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp nghiên cứu và tổng kết thực tiễn ...

#### **6. Đóng góp mới của luận văn**

Những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc hoạch định cơ sở phát triển kinh tế xã hội ở các huyện miền núi nói chung và huyện Yên Châu nói riêng trong việc phát triển kinh tế hộ nông dân nhằm mang lại lợi ích cho người nông dân, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế mang tính bền vững và ổn định hướng người nông dân nhận thức đúng tác dụng của việc phát triển kinh tế hộ nông dân gắn với sản xuất hàng hoá, việc cổ phần hoá và hợp tác hoá trong sản xuất nông nghiệp góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH – HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế và trực tiếp đưa huyện Yên Châu thoát khỏi huyện đặc biệt khó khăn trở thành một huyện có nền kinh tế ổn định và phát triển

- Xác lập những phương hướng và giải pháp có tính khả thi cho công tác phát triển kinh tế hộ nông dân ở các tỉnh miền núi theo hướng CNH – HĐH và từng bước đưa kinh tế hộ nông dân tiến tới mô hình kinh tế hợp tác và kinh tế tập thể kiểu mới.

- Có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu giảng dạy ở các chuyên đề kinh tế liên quan.

### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn gồm 3 chương và 6 tiết.

**Chương 1**  
**KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở MIỀN NÚI TÂY BẮC**  
**TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**1.1. KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRONG VIỆC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI TÂY BẮC**

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân luôn có một vị trí quan trọng trong đường lối lãnh đạo của Đảng ở các giai đoạn cách mạng. Từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng của vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trong quá trình đổi mới, với đường lối đúng đắn của Đảng trong phát triển nông nghiệp nông thôn đã khơi dậy nguồn động lực to lớn của nhân dân và đưa đến những thành tựu quan trọng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong hơn 20 năm đổi mới (1986 - 2009), Đảng ta càng thấy rõ hơn vai trò của nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội. Trong những năm gần đây, tình hình hình nông nghiệp, nông thôn và đời sống của nông dân đã có những bước tiến bộ khá toàn diện và to lớn: nông nghiệp tiếp tục phát triển với nhịp độ khá cao theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; xuất khẩu nông - lâm - thủy sản tăng nhanh. Tiến độ kỹ thuật được áp dụng rộng rãi, công nghiệp chế biến được tiếp tục phát triển, góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề đã góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tăng cường, nhất là giao thông, thủy lợi, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở hầu hết các vùng nông thôn ngày nay (*trong đó có nông dân miền núi Tây Bắc*) được nâng lên rõ rệt; xoá đói, giảm nghèo, được đánh giá là một trong những thành tựu lớn nhất của nước ta. Những thành tựu đó đã góp phần quan trọng vào sự ổn định và

phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đồng thời khẳng định vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông thôn và nông dân nước ta.

Như vậy, chủ trương đổi mới quản lý nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đưa cuộc sống người dân ngày càng được cải thiện và phát triển đi lên. Nghị quyết các Đại hội VII, VIII, IX và X của Đảng càng khẳng định vai trò của kinh tế hộ nông dân tự chủ đã trở thành hình thức kinh tế hấp dẫn ở nông thôn. Kinh tế hộ nông dân đã tạo ra động lực lớn, giải phóng sức lao động sản xuất, gắn bó lao động với đất đai, khai thác mọi nguồn lực để phát triển sản xuất. Mặt khác, với chủ trương của Đảng về kinh tế hộ là: Từng bước dịch chuyển kinh tế hộ nông dân từ tự túc, tự cấp sang sản xuất nông nghiệp theo kinh tế hàng hoá, đã tạo động lực mạnh mẽ cho hộ nông dân tự chủ tốt hơn, người nông dân tự tìm tòi, lựa chọn các phương án sản xuất, kinh doanh làm giàu có hiệu quả. Điều đó càng khẳng định kinh tế hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, là hạt nhân vô cùng quan trọng và tích cực để phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và cả nước.

Đối với miền núi Tây Bắc những năm qua, tuy kinh tế người nông dân cơ bản thoát khỏi đói nghèo, đời sống được nâng lên, nhưng không ổn định và không bền vững. Những năm qua, bằng những chính sách ưu tiên, hỗ trợ của Đảng và Nhà nước và sự mong muốn làm giàu của hộ nông dân, cùng với chính sách giao đất, giao rừng đến từng hộ dân để quản lý và sử dụng, song trình độ dân trí của nhiều người dân còn thấp và vẫn còn mang nặng tư tưởng tự cung, tự cấp, sản xuất mang tính bột phát, theo trào lưu "*một người làm có hiệu quả, mọi người làm theo*", từ đó dẫn đến việc sản xuất không gắn với cung - cầu, gây nên tình trạng khi thừa, lúc thiếu, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được hoặc không đủ vốn đầu tư sản xuất, thời gian lao động khi thì quá cường độ, lúc thì không có việc làm... Từ thực tế sản xuất của hộ nông dân miền núi Tây Bắc, ở nhiều địa phương hộ nông dân gặp lúng túng trong vấn đề phát triển kinh tế hộ, họ luôn đặt ra câu hỏi: Phát triển kinh tế hộ như thế nào cho phù hợp? làm như thế nào để thu được hiệu quả kinh tế cao? làm như thế nào để đi vào chuyên canh sản xuất mà không phải phân vân suy nghĩ trồng cây gì?, nuôi con gì ?, làm như thế nào trên mảnh đất của hộ nông dân được giao quyền sử dụng đất. Đây thực sự không phải chỉ là sự trăn trở của mỗi người



dân miền núi Tây Bắc mà cũng là sự quan tâm, trăn trở của Đảng và Nhà nước cùng cấp uỷ, chính quyền của mỗi địa phương để tìm ra hướng đi đúng đắn, hiệu quả để giúp người nông dân miền núi Tây Bắc yên tâm sản xuất, biết đổi mới tư duy trong việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Đặc điểm dân cư của vùng Tây Bắc:* Với địa thế cao, phần lớn đất đai là đồi núi, thảm thực vật lớn, là nơi tập trung sinh sống của các dân tộc anh em, như: Mường, Thái, Mông, Dao, Sinh Mun, Khơ Mú... Làng, bản được tạo lập là nơi có các nguồn nước và sườn đồi thấp. Miền núi Tây Bắc có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn và có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên khoáng sản phong phú, đa dạng.

*Về vị trí địa lý:* Nằm ở phía Tây Bắc của Tổ quốc ta, có đường biên giới giáp nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Là vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và là địa bàn chiến lược về quốc phòng, "phên dậu" vững chắc bảo vệ an ninh Tổ quốc, đồng thời là cửa ngõ thông thương giao lưu phát triển kinh tế - văn hoá với các nước láng giềng. Với vị trí vô cùng quan trọng như vậy cùng với sự tác động của những yếu tố khách quan nên hộ gia đình nông dân và kinh tế hộ nông dân miền núi phía Tây Bắc có những đặc điểm riêng, đó là:

+ Hộ nông dân miền núi là những hộ gia đình dân tộc ít người, cư trú sinh sống không tập trung (có những bản mỗi hộ ở một quả đồi độc lập). Dưới tác động của nhiều nguyên nhân, trong đó có trình độ dân trí thấp nên tốc độ tăng dân số tự nhiên và cơ học đã tạo nên số lượng hộ gia đình tăng nhanh, vì vậy mà các hộ sản xuất nông nghiệp cũng tăng nhanh.

+ Hộ nông dân chiếm đa số tỉ lệ dân số miền núi. Sự tồn tại và phát triển kinh tế hộ nông dân gây tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội mỗi địa phương và cả vùng Tây Bắc.

+ Hộ nông dân miền núi Tây Bắc là tế bào của xã hội các dân tộc, mang đậm tính truyền thống, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và ý thức của từng tộc người, mang nặng tính huyết thống, dòng họ, bản làng hợp thành một xã hội tự quản vận hành theo luật (phép nước, lệ làng). Do vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội thường mang tư tưởng "ăn chắc, mặc bền" thích ứng với việc trồng cây lương thực, nuôi gia súc, gia cầm

để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của mỗi gia đình và là h't nh©n v« cũng quan trọng, tÝch cùc trong viÖc ph,t triÓn kinh tÕ- x· héi ®Pa ph-ñng còng nh- c¶ n-íc.

Tuy nhiên, ®èi vói miÒn nói T©y B<sup>3/4</sup>c nh÷ng nãm qua ®-íc sù quan t©m của §¶ng vµ Nhµ n-íc, sù cè g<sup>3/4</sup>ng của cËp uú chÝnh quyÒn mçi ®Pa ph-ñng, sù kh<sup>3/4</sup>c phóc khã kh"n vµ v-ñn l"n của mçi hé n«ng d©n, kinh tÕ hé n«ng d©n ®· cũ nh÷ng chuyÓn biÕn tÝch cùc, ng-êi n«ng d©n c" b¶n tho,t nghì, ®èi sèng cũ ®-íc n©ng l"n song kh«ng æn ®Þnh vËn trong t×nh tr'ng nghì, chÊt l-ìng cuéc sèng cßn qu, thÊp. §Ó kh<sup>3/4</sup>c phóc nh÷ng nãm gÇn T©y, b»ng nh÷ng chÝnh s, ch -u ti"n, hç trÝ của §¶ng vµ Nhµ n-íc cũng vói sù m«ng muèn lµm giÇu của bµ con hé n«ng d©n tã viÖc giao ®Êt, giao rông ®Õn tång hé n«ng d©n ®Ó qu¶n lý vµ khai th,c sø dông kÕt hìp vói c,c ch-ñng tr×nh vay vèn, hç trÝ của §¶ng, Nhµ n-íc, c,c tæ chøc trong vµ ngoµi n-íc, song do tr×nh ®é d©n trÝ của nhiÒu ng-êi d©n cßn thÊp vËn cßn mang nÆng t- t-èng tù cung tù cËp, s¶n xuÊt mang tÝnh bét ph,t theo trµo l-u "Mét ng-êi lµm cũ hiÖu qu¶, mãi ng-êi à 't lµm theo..." .đến ®Õn viÖc s¶n xuÊt kh«ng g<sup>3/4</sup>n vói cung- cÇu, s¶n phÈm lµm ra kh«ng ti"u thô ®-íc g©y t×nh tr'ng khi thõa- lóc thiÖu, t'ò sù ph©n ho, nhanh trong kinh tÕ khu vùc n«ng th«n miÒn nói ng-êi lµm "n hiÖu qu¶ th× thiÖu vèn ®Ó mẽ rúng s¶n xuÊt, ng-êi lµm "n kÐm hiÖu qu¶ th× nî tån ®äng khã tr¶. Ngoµi ra do thiÖu tÝnh to,n trong viÖc ph©n c«ng lao ®éng n"n thêi gian lao ®éng khi qu, c-èng ®é lao ®éng khi th× nhµn rçi kh«ng cũ viÖc lµm... Tã thùc tÕ khã kh"n vµ nh-ng bÊt cËp trong s¶n xuÊt của hé n«ng d©n miÒn nói T©y B<sup>3/4</sup>c, nhiÒu ®Pa ph-ñng c,c hé n«ng d©n h×nh thụn sù lóng tóng trong vËn ®Ò ph,t triÓn kinh tÕ hé nh- thÕ nµo cho phĩ hìp? nh- thÕ nµo ®'t ®-íc hiÖu qu¶ kinh tÕ cao? n"n s¶n xuÊt c©y con g×? lµm nh- thÕ nµo?... tr"n m¶nh ®Êt ®-íc giao quyÒn sø dông vµ sø dông vèn vay cũ hiÖu qu¶. Tã thùc tÕ vµ nh÷ng tr"n trê của hé n«ng d©n miÒn nói T©y B<sup>3/4</sup>c, vËn ®Ò ®Æt ra cho c,c cËp uú, chÝnh quyÒn ®Pa ph-ñng, cÇn t×m ra nh÷ng b-íc ®i ®óng ®<sup>3/4</sup>n, phĩ hìp, hiÖu qu¶ ®Ó gióp ng-êi n«ng d©n miÒn nói T©y B<sup>3/4</sup>c ®æi mii t- duy kinh tÕ, y"n t©m s¶n xuÊt, ph,t triÓn s¶n xuÊt cũ hiÖu qu¶, tång b-íc ®-a kinh tÕ hé n«ng d©n miÒn nói T©y B<sup>3/4</sup>c lµ nguån lùc trÝnh trong chiÕn l-íc p©ast triÓn kinh tÕ- x· héi vïng T©y B<sup>3/4</sup>c vµ mçi hé n«ng d©n lµ mét c"n cø ®Pa

vấn đề trong việc bảo vệ an ninh biên giới, an ninh an ninh- chính trị - xã hội và phát triển kinh tế xã hội.

## **1.2. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH TẾ MIỀN NÚI TÂY BẮC**

### **1.2.1. Quá trình vận động và phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi**

Từ thực tế phát triển kinh tế hộ nông dân của thế giới và nước ta cho thấy, kinh tế hộ nông dân là một loại hình kinh tế tương đối phổ biến và được phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới cũng như ở nhiều địa phương nước ta. Nó có một vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển kinh tế, nhất là trong nông nghiệp. Các thành viên kinh tế hộ nông dân là những người có quan hệ hôn nhân hoặc huyết thống, người chủ quản lý kinh tế hộ nông dân là chủ hộ. Trong khuôn khổ của nền kinh tế, hộ nông dân tham gia vào các khâu trong quá trình sản xuất và tái sản xuất. Chủ hộ điều hành mọi quá trình sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm vô hạn về hoạt động của mình. Ở nước ta, kinh tế hộ nông dân là một mô hình phổ biến chủ yếu phát triển ở nông thôn, đôi khi còn gọi là kinh tế hộ gia đình nông dân.

Khái niệm hộ nông dân gần đây còn được định nghĩa: "*Nông dân là các nông hộ, thu hoạch các nông sản từ ruộng đất, sử dụng chủ yếu là lao động gia đình trong sản xuất nông trại (phần đất được giao quyền sử dụng). Nằm trong một hệ thống kinh tế rộng hơn, nhưng về cơ bản nó mang đặc trưng bằng việc tham gia một phần trong thị trường hoạt động với một trình độ hoàn chỉnh không cao*". Hộ nông dân có những đặc điểm là: Một đơn vị kinh tế cơ sở, vừa là đơn vị sản xuất, vừa là đơn vị tiêu dùng. Quan hệ giữa tiêu dùng và sản xuất biểu hiện ở trình độ phát triển của hộ từ tự cấp, tự túc hoàn toàn đến sản xuất hàng hoá hoàn toàn. Trình độ này quyết định quan hệ giữa hộ nông dân có khả năng thích ứng và tồn tại ngay trong quá trình chuyển đổi của nền kinh tế tự cung, tự cấp sang kinh tế hàng hoá, nó có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế hộ nông dân có khả năng thích ứng về khai thác cao nhất "thặng dư" lao động ở nông thôn. Kinh tế hộ nông dân là một trong những hình thức tổ chức sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy trong từng giai đoạn kinh tế hộ nông dân đều có một vị trí, vai trò quan trọng, đó là: Cung cấp lương thực, thực phẩm - nhu cầu tối cơ bản cho con người, nguyên liệu cho công nghiệp, sản phẩm cho

xuất khẩu. Trong những năm gần đây, vai trò của loại hình kinh tế này trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái được gắn với các hình thức kinh tế khác, đặc biệt là kinh tế hợp tác, kinh tế Nhà nước được nhiều quốc gia quan tâm.

Kinh tế hộ nông dân miền núi Tây Bắc cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động, trong những năm qua kinh tế hộ đã từng bước có những biến đổi căn bản về cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, từ việc canh tác lạc hậu mang tính chất tự cung, tự cấp sang canh tác dựa trên kỹ thuật và công nghệ hiện đại gắn với sản xuất hàng hoá... tạo nên sự tăng trưởng vượt bậc. Từ thực tế phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi Tây Bắc những năm qua, để mang lại hiệu quả cao, cần tập trung khai thác ở một số nội dung cơ bản sau:

***\* Tạo điều kiện sử dụng hợp lý các nguồn lực, khai thác phát huy lợi thế so sánh của từng hộ, tổng vãng:***

Hộ gia đình nông dân là tế bào kinh tế - xã hội, là hình thức tổ chức kinh tế cơ sở của nông nghiệp và nông thôn, các thành viên trong hộ gắn bó với nhau chặt chẽ trước tiên bằng quan hệ hôn nhân và dòng máu, dựa trên cơ sở huyết thống, ngoài ra còn do truyền thống qua nhiều thế hệ, do phong tục tập quán, tâm lý đạo đức gia đình và dòng họ.

Về kinh tế, các thành viên trong hộ gắn bó với nhau trên các mặt sở hữu, quản lý và phân phối, mà cốt lõi của nó là quan hệ lợi ích kinh tế, họ có cùng mục đích và cùng lợi ích chung là làm cho hộ mình ngày càng phát triển, ngày càng khá giả. Do thống nhất về lợi ích nên các thành viên trong hộ đều làm việc hết mình với sự tự nguyện, tự giác cao nhằm đạt mức thu nhập cao nhất trong gia đình. Trong mỗi hộ, thông thường bố, mẹ vừa là chủ hộ, vừa là người tổ chức hiệp tác, phân công lao động, vừa là người lao động trực tiếp. Các thành viên trong hộ cùng lao động nên gần gũi và rất hiểu trình độ, tình hình và hoàn cảnh của nhau, điều đó đã tạo điều kiện phân công và hợp tác lao động trong hộ được hợp lý, hiệu quả hơn.

Mỗi gia đình nông dân đều có các tài sản chung, như: ruộng đất, trâu bò, nông cụ sản xuất lao động..., các thành viên trong hộ sử dụng thường xuyên nên hiểu khá rõ đặc

điểm các tài sản. Họ thường sử dụng có hiệu quả và có ý thức chăm sóc, bảo quản, giữ gìn các tài sản để họ có thể sử dụng lâu dài.

Trong kinh tế hộ gia đình, quan hệ giữa quản lý sản xuất và người trực tiếp sản xuất luôn có sự thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau, cho nên các thông tin được xử lý nhanh, kịp thời, các quyết định quản lý, sản xuất thường đúng đắn và có sức thuyết phục.

Về quan hệ phân phối, các thành viên trong hộ cùng làm, cùng ở, cùng ăn, dưới sự sắp xếp bố trí của chủ hộ. Nhờ đó, các mâu thuẫn trong phân phối (nếu có phát sinh) cũng được giải quyết một cách thuận lợi. Khi con cái trưởng thành tách lập ra hộ khác, bố, mẹ có trách nhiệm giải quyết việc phân chia tài sản gia đình cho con cái trên cơ sở bàn bạc dân chủ.

Chính vì những lợi thế đó đã tạo cho "hộ hàng hoá" những điều kiện thuận lợi để sử dụng hợp lý các nguồn lực, khai thác và phát huy những lợi thế so sánh của từng hộ gia đình.

Mặt khác, trong nông nghiệp, lao động của hộ gia đình luôn có quan hệ mật thiết với điều kiện tự nhiên và quá trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi. Hiệu quả sản xuất của kinh tế hộ nông dân không những chỉ phụ thuộc vào chất lượng tác động của con người mà còn phụ thuộc vào đặc tính của ruộng đất, điều kiện địa lý. Từng hộ, nhóm ở từng vùng, từng quốc gia đều có những ưu thế riêng trong việc sản xuất một số loại sản phẩm nào đó với chất lượng cao, chi phí thấp so với các quốc gia, các vùng khác, việc chuyển sang sản xuất hàng hoá, vận động theo cơ chế thị trường sẽ tạo điều kiện cho hộ gia đình khai thác tốt các nguồn lực đó để phát triển.

**\* Thúc đẩy đổi mới kỹ thuật, khoa học, công nghệ và quản lý sản xuất kinh doanh**

Chuyển sang sản xuất hàng hoá yêu cầu mỗi chủ thể kinh doanh, trong đó có kinh tế hộ gia đình nông dân phải chấp nhận cạnh tranh, tìm mọi biện pháp kinh doanh có hiệu quả để tăng lợi nhuận. Ngoài việc bố trí cơ cấu sản xuất phù hợp với từng vùng sinh thái, họ phải thường xuyên lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi mới, thực hiện cơ giới hoá, hợp lý hoá quá trình sản xuất kinh doanh và không chỉ dừng ở lại những tác động trực tiếp vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, mà còn phải căn cứ vào nhu cầu thị trường về

chất lượng sản phẩm, với tiêu chuẩn vệ sinh khắt khe, để đáp ứng kịp thời, đầy đủ đúng yêu cầu. Quá trình đó tất yếu thúc đẩy sự đổi mới công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến nông sản và tổ chức khoa học quy trình phân phối lưu thông hàng hoá nông sản.

**\* Thúc đẩy năng suất lao động nông nghiệp và năng suất lao động xã hội**

Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm khác sản xuất công nghiệp. Đối tượng sản xuất của nông nghiệp là sinh vật (thực vật, động vật). Do yêu cầu của quy luật sinh học đối với cây trồng, vật nuôi, đòi hỏi các chủ hộ phải thường xuyên điều chỉnh hành vi của mỗi thành viên trong hộ một cách cụ thể, chi li đến từng giờ, từng ngày đối với từng loại cây trồng, từng vật nuôi và đòi hỏi cao sự chăm sóc cần mẫn với tâm huyết thực sự của người lao động trong những thao tác, những công việc cụ thể trong các khâu, như: làm đất, gieo trồng, chăm sóc... Không thể kiểm tra, đo đạc và đánh giá theo đơn vị thời gian trừu tượng, chất lượng, hiệu quả của phần lớn các công việc trung gian hoặc những thao tác riêng lẻ cũng không thể đánh giá được chính xác, *(trong khi đó, sản xuất công nghiệp người ta có thể đo đạc so với điều chỉnh toàn bộ hoạt động của người công nhân bằng những chỉ tiêu chính xác theo quy trình kỹ thuật chuẩn mực)*.

Hộ gia đình nông dân phải là những chủ nhân đích thực về đất đai và cây trồng, vật nuôi, phải là những người luôn quan tâm lo lắng sâu sắc đến mùa màng. Có như vậy, mới thường xuyên điều chỉnh một cách sáng tạo và kịp thời những thao tác kỹ thuật thích ứng với những diễn biến của thời tiết khí hậu, đất đai thổ nhưỡng, cây trồng... Chính điều đó góp phần thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp.

V.I. Lênin và nhiều nhà kinh tế học đã khẳng định ý nghĩa quyết định của việc nâng cao năng suất lao động xã hội. Do có vị trí vai trò đặc biệt, nên trình độ, năng suất lao động của kinh tế hộ nông dân, nhất là năng suất lao động ngành sản xuất lương thực, thực phẩm có ý nghĩa quyết định đến việc phân công bố trí lại lao động trong nông nghiệp và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân. Phát triển "hộ hàng hoá" gắn với việc khai thác có hiệu quả những lợi thế về điều kiện tự nhiên, xã hội là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp. Mặt khác, để tăng khả năng cạnh tranh, các "hộ hàng hoá" buộc phải áp dụng có hiệu quả giữa những thành tựu khoa học công nghệ, công cụ lao động và công nghệ quản lý mới để nâng cao năng suất lao động. Tác

dụng đó có ý nghĩa rất lớn đối với các quốc gia, các khu vực đi lên từ nông nghiệp, ở các nơi đó, đại bộ phận lao động xã hội là làm nông nghiệp, trong quá trình phát triển, đòi hỏi phải giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp một cách tuyệt đối, nhưng vẫn phải bảo đảm phát triển cao cả về số lượng và chất lượng các hàng hoá nông sản. Biện pháp kinh tế cơ bản để giải quyết yêu cầu đó là: nâng cao năng suất hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Như vậy, nếu như nâng cao năng suất lao động, thực hiện phân công lao động xã hội là điều kiện để phát triển kinh tế hộ sang sản xuất hàng hoá, thì đến lượt nó - sản xuất hàng hoá, cơ chế thị trường lại thúc đẩy mạnh mẽ việc nâng cao năng suất lao động và tạo nhu cầu, điều kiện để phân công lao động trong nông nghiệp và toàn xã hội, trong đó có kinh tế hộ gia đình nông dân.

***\* Nâng cao thu nhập của người lao động và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn***

Tại các quốc gia đang phát triển và phát triển, khu vực nông thôn thường lạc hậu hơn so với khu vực công nghiệp và thành thị. Phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hoá đã và đang góp phần thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp, từ đó là tăng hiệu quả kinh tế.

Một số hộ trong quá trình phát triển đã trở thành những hộ giàu, thu nhập và đời sống tăng lên rõ rệt, có điều kiện mở rộng sản xuất. Trên thực tế, có nhiều hộ đã trở thành các ông chủ, bà chủ. Ưu thế của nhóm hộ này là có vốn và lao động, có kinh nghiệm sản xuất, biết tính toán làm ăn, biết tiếp cận thị trường, biết tiếp thu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Nhóm các hộ này đã góp phần tích cực trong việc sử dụng đất đai, lao động, vốn liếng tốt hơn, tạo thêm nhiều công ăn, việc làm trong nông thôn, tăng thêm sản phẩm và sản phẩm hàng hoá cho xã hội, đồng thời trong mức độ nhất định, nó góp phần xây dựng phát triển nông thôn mới. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của nhóm hộ này còn là tấm gương sáng cho các hộ trung bình và các hộ nghèo học tập, phấn đấu đi lên. Nhờ đó, thu nhập của người lao động và dân cư nông nghiệp sẽ tăng dần lên, đó thực sự là động lực cuốn hút các hộ gia đình nông dân tham gia sản xuất hàng hoá, vượt khó vươn lên để làm giàu.

Mặt khác, chính từ sự nghiệt ngã, khắc nghiệt của cơ chế thị trường đã buộc các hộ phải tự mình nâng cao trình độ văn hoá, tiếp cận thị trường, ứng dụng công nghệ khoa học mới vào sản xuất, kinh doanh... Quá trình đó, một mặt làm biến đổi tính chất lao động trong nông nghiệp và nhận thức của người nông dân, mặt khác cũng thúc đẩy tạo lập mối liên kết tất yếu giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; giữa kinh tế hộ gia đình nông dân với các thành phần kinh tế khác, trong đó có kinh tế Nhà nước. Trong quá trình đó, cũng hình thành và phát triển hình thức kinh tế hợp tác mới giữa các hộ gia đình. Tất cả điều đó đã góp phần cải biến thay đổi sâu sắc kinh tế - xã hội ở nông thôn.

### **Những hạn chế, yếu kém của kinh tế hộ nông dân**

Bên cạnh những ưu điểm vượt trội, trong quá trình vận động phát triển, "hộ hàng hoá" cũng đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, đó là:

Hình thức kinh tế tự nhiên đã kiến tạo nên mô hình "hộ tự cấp, tự túc" với nhiều hạn chế, yếu kém. "Hộ hàng hoá" - sản phẩm của kinh tế hàng hoá là bước phát triển cao kế tiếp của "hộ tự cung, tự cấp", nhưng không phải đã khắc phục hết được những hạn chế, yếu kém đó. Do tổ chức sản xuất trong không gian rộng, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên một số hoạt động như: thuỷ lợi, bảo vệ thực vật, giao thông, dịch vụ... cần có sự phối hợp thống nhất trên địa bàn với sự tham gia của nhiều hộ gia đình. Nếu để từng hộ tự lo liệu thì không làm được hoặc làm không hiệu quả. Có thể thấy, đây là hạn chế rất đặc trưng hiện nay. Trong điều kiện cạnh tranh hiện nay, nhất là ở các quốc gia đang phát triển, do năng lực nội tại nhìn chung còn thấp, lại bị giới hạn bởi không gian hoạt động sản xuất của mình, nên kinh tế hộ gia đình nông dân không có điều kiện, khả năng tự giải quyết các vấn đề về vốn, công nghệ, tiêu thụ sản phẩm và nhiều vấn đề về đời sống văn hoá, xã hội, tinh thần khác.

Những hạn chế và yếu kém đó có tính phổ biến. Tuy nhiên, do trình độ phát triển và nhiều nguyên nhân khác nhau, nên ở các quốc gia, các vùng, các khu vực khác, mức độ biểu hiện cũng khác nhau. Đối với những quốc gia chậm phát triển với những vùng, như: vùng núi, vùng dân tộc ở nước ta thì những hạn chế yếu kém của kinh tế hộ gia đình nông dân bộc lộ khá đậm nét và gay gắt. Một số vấn đề bức xúc nổi lên trong quá trình vận động phát triển của kinh tế hộ gia đình nông dân tại các quốc gia, các vùng này là:



+ Nguồn nội lực thấp, nhiều mặt yếu kém. Nhìn chung chưa đáp ứng nhu cầu phát triển trong kinh tế hàng hoá, theo cơ chế thị trường.

+ Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, mạng lưới dịch vụ, công tác khuyến nông, khuyến lâm... đang rất thiếu và yếu.

+ Nhiều vấn đề bức xúc về văn hoá - xã hội chậm được giải quyết, đang cản trở sự phát triển chung.

Để tạo một trường thuận lợi cho kinh tế hộ gia đình nông dân đi lên, cần phải giải quyết một cách cơ bản những vấn đề bức xúc đó. Nhưng với từng hộ hoặc một nhóm hộ lại không thể tự lo được mà phải có sự giúp đỡ rất lớn của Nhà nước với hệ thống giải pháp ở tầm vĩ mô, mới hi vọng giải quyết một cách triệt để và vững chắc.

### 1.2.2. Xu hướng vận động chủ yếu của kinh tế hộ nông dân

Tổ chức tổ kinh tế hộ nông dân phát triển trong thời gian qua luôn vững chắc theo những mô hình kinh tế hữu cơ, tiến bộ hơn, năng suất và hiệu quả. Tuy nhiên, kinh tế hộ nông dân ở miền núi nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là trong sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, tại nguy hiểm nhất là khi thiên tai, lũ lụt xảy ra... Vì vậy phải tiếp tục cải thiện mô hình kinh tế hộ nông dân phù hợp với những điều kiện thực tế.

Với mô hình kinh tế hộ nông dân là kinh tế trang trại gia đình gắn với đóng góp một phần đất đai được giao quyền sử dụng, cùng với các doanh nghiệp để phát triển sản xuất, là hình thức tổ chức kinh doanh phù hợp, phổ biến trong nền sản xuất nông nghiệp và nông thôn (kinh tế hộ nông dân đã tồn tại và phát triển bằng nhiều phương thức sản xuất, nhiều chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, những nước phát triển, như: Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản... là một ví dụ). Cho đến ngày nay, kinh tế hộ nông dân vẫn được đánh giá là mô hình sản xuất có hiệu quả. Kinh tế hộ nông dân là hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với địa hình miền núi - đất rộng, người thưa, địa hình đồi núi gắn với những công cụ sản xuất hiện đại, nhỏ gọn... Hiện nay, kinh tế hộ nông dân miền núi Tây

Bắc đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp sản xuất hàng nông sản cho nền kinh tế cả nước.

*\*Trong công tác quản lý của kinh tế hộ nông dân:* Phần lớn các hộ nông dân vừa là những người trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh và vừa là những người trực tiếp quản lý, các thành viên trong gia đình cũng có ý thức trong quản lý và luôn ý thức được tinh thần tự giác, trách nhiệm của mình trong sản xuất và kinh doanh. Đây là sự tự chủ của mỗi hộ nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. ví dụ như hình thức tổ chức kinh tế:

Hình thức liên doanh, là liên doanh với các hộ khác, với các doanh nghiệp khác thành một đơn vị thống nhất và có tư cách pháp nhân. Đối tượng liên doanh thường là anh em, bà con họ hàng hoặc bạn thân, nhằm mở rộng sản xuất và tăng thêm tiềm lực kinh tế.

Hình thức hợp doanh theo hình thức cổ phần dưới dạng Công ty để tiến hành sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản. Hình thức hợp doanh của các hộ thường có quy mô lớn chuyên môn hoá sản xuất nhưng vẫn mang tính chất đa dạng và sử dụng lao động làm thuê.

Hình thức uỷ thác, là các hộ có ruộng đất riêng hoặc thuê ruộng đất để sản xuất. Do những điều kiện mang tính chất đặc thù nên một số chủ hộ không trực tiếp sản xuất - kinh doanh mà uỷ thác cho anh em, bà con, bạn bè thân hữu sản xuất nông nghiệp.

#### *- Về ruộng đất*

Với chính sách giao đất, giao rừng đến từng hộ nông dân của Đảng và Nhà nước, các hộ nông dân được giao khoán quyền sử dụng đất đai một cách lâu dài và ổn định (tùy theo cây trồng hàng năm hay lâu năm mà ruộng đất được giao khoán cho hộ nông dân có thời gian từ 20 năm đến 50 năm) với diện tích giao khoán ở miền núi Tây Bắc từ 1 - 5 ha, tạo điều kiện để người nông dân yên tâm lao động sản xuất và kinh doanh.

*- Về cơ cấu sản xuất:* Cơ cấu sản xuất của hộ mang tính đặc trưng đa dạng, có loại hộ sản xuất mang tính độc canh, nặng về cây lương thực, mà chủ yếu là cây ngô, lúa, sắn... ngoài ra, có hộ còn trồng thêm một số loại hoa màu, cây công nghiệp. Có loại hộ

thì làm lâm nghiệp, nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản (ao hồ) hoặc một số ngành nghề khác...

- *Về thu nhập*: Hầu hết các hộ nông dân đều thu nhập thông qua sản phẩm nông nghiệp thô, chưa qua chế biến, một số ít hộ thu nhập từ kinh doanh ngành nghề, dịch vụ nông nghiệp. Nhìn chung, thu nhập của hộ nông dân miền núi Tây Bắc còn thấp so với chi phí và công sức bỏ ra (*do chi phí sản xuất, do các khâu trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...*).

- *Về vốn và tài sản*: Ngoài chính sách hỗ trợ vốn của Nhà nước đối với các hộ nông dân trong phát triển sản xuất, người nông dân ban đầu luôn có một số vốn tự có để sản xuất và bảo đảm đời sống. Các hộ nghèo thường ít vốn hoặc thiếu vốn. Các hộ khá và hộ giàu cũng thiếu vốn để mở rộng sản xuất.

Do tài sản của hộ nông dân thường có giá trị không cao nên việc thế chấp vay vốn không đáp ứng được nhu cầu sản xuất - kinh doanh hoặc vì số vốn đầu tư có hạn, nên các hộ nông dân thường mua sắm các loại máy móc, công cụ loại ít tiền, trình độ kỹ thuật và tính năng của máy chất lượng thấp, cho nên sản phẩm sản xuất ra kém hiệu quả.

- *Về lao động*: Tùy theo các hộ có quy mô lớn, nhỏ mà lao động ở hộ kinh tế nông dân chia làm 2 loại: Lao động trực tiếp và lao động quản lý (những hộ nhỏ và vừa, thì chủ hộ vừa là quản lý vừa trực tiếp lao động sản xuất; những hộ lớn hơn có thể thuê người lao động ngoài, nhưng lực lượng lao động chủ yếu vẫn là các thành viên trong gia đình và bà con họ hàng...). Tùy theo công việc mà lao động chia làm 2 loại: Lao động có chuyên môn nghề nghiệp và lao động phổ thông.

Nét nổi bật của kinh tế hộ nông dân miền núi Tây Bắc là trong các hộ nông dân, các thành viên trong gia đình thường làm đủ mọi công việc, như: trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh, nghề phụ ... do sự phân công của chủ hộ; có một số ít hộ giàu, có nhiều đất đai, nhiều ngành nghề có thuê thêm một số lao động theo thời vụ hoặc lao động làm thuê thường xuyên.

Như vậy, những năm qua, kinh tế hộ nông dân ở miền núi Tây Bắc đã khẳng định được những ưu điểm vượt trội so với kinh tế tự nhiên, kinh tế tự cung, tự cấp. Do đó, việc phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hoá, vận động theo cơ chế thị trường là xu

thể khách quan. Tuy nhiên, kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, quá trình chuyển sang cơ chế thị trường nếu chỉ chạy theo lợi nhuận mà xem nhẹ các yếu tố khác, như: Đạo đức xã hội, môi trường sinh thái,... sẽ gây ra những hậu quả nặng nề, tai hại không lường trước được, như: tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, đất đai bị xói mòn, biến đổi khí hậu, thiên tai bão lụt, môi trường ô nhiễm, hiện tượng tan băng làm nước biển ngày càng dâng cao...; đạo đức con người suy thoái xuống cấp, các chuẩn mực đạo đức xã hội bị lung lay, trong xã hội, sự khủng hoảng của đạo đức, sự “lệch chuẩn, loạn chuẩn” là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá vận động theo cơ chế thị trường là xu thế khách quan về kinh tế, sự tiến bộ về mặt xã hội. Song cần nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh mang tính bền vững. Có như vậy, kinh tế hộ nông dân mới đáp ứng được yêu cầu đổi mới đất nước mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định:

Chúng ta chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị thặng dư ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá, hiện đại hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương [12].

Phát triển kinh tế hộ nông dân trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường là một tất yếu khách quan, phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội, là đòi hỏi của sự phát triển một xã hội, là một quá trình khó khăn phức tạp, cần có đội ngũ cán bộ, lãnh đạo có cả tầm vĩ mô và vi mô, đủ bản lĩnh và trí tuệ để ổn định chính trị và định hướng phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN HUYỆN YÊN CHÂU

#### Quá trình hình thành huyện Yên Châu

Như các địa phương khác trong tỉnh Sơn La, Yên Châu ngày nay đã trải qua nhiều lần thay đổi địa giới và tên gọi. Vùng đất giàu đẹp này vốn có lịch sử và tên gọi riêng của mình.

Người Thái Tây Bắc quen gọi vùng đất này là Mường Vạt. Ý nghĩa lịch sử của tên gọi này có nhiều ý kiến giải thích khác nhau. Có người cho rằng: Mường Vạt là Mường nhỏ như vạt áo; người khác lại giải thích rằng: Tên gọi này xuất phát từ truyện cổ tích nàng Phôm Hom (nàng tóc thơm) hay Mường Vạt tức là Mường có người đàn ông mặc áo xẻ nách, có miếng vải viền bên trong gọi là Vạt theo tiếng Thái nên gọi là Mường Vạt (vạt áo).

Mường Vạt là tên gọi cổ xưa nhất của Yên Châu vào thế kỷ thứ XIII, tương đương với thời kỳ người Thái di cư từ nước Lào sang địa bàn Mường Sang (huyện Mộc Châu). Khi ấy, trung tâm Mường Vạt đóng ở Chiềng Khoóng, nên Mường Vạt còn có tên gọi là Chiềng Khoóng.

Yên Châu trước kia còn nằm trong Tổng Lâm Thạch, thuộc Phủ Gia Hưng và có ba mường Phìa chính là: Mường Vạt, Chiềng Đông và Chiềng Sàng. Mường Vạt là Mường Phìa trong có lịch sử của châu mường đóng ở Viêng Lán, còn các mường khác là mường ngoài.

Tuy có nhiều tên gọi khác nhau trong lịch sử, nhưng tất cả các tên gọi đó đều chỉ mảnh đất Yên Châu - miền đất có từ lâu đời đã gắn liền và không thể tách rời với dải đất Tây Bắc, một vùng non nước của Tổ quốc.

Hiện nay, Yên Châu có 14 xã, 1 thị trấn, với tổng số 184 bản, 6 tiểu khu với 15121 hộ t—ng ®-—ng67808 nh©n khÈu [30].

#### 2.1. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH HỘ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN YÊN CHÂU TỪ NĂM 1996 ĐẾN NAY

### **2.1.1. Kh, i qu, t vÒ v, trí địa lý. @iÒu kiÖn tù nhi^n**

Huyện Yên Châu nằm trên trục quốc lộ 6, cách thủ đô Hà Nội 255 km về phía đông, Đông Nam giáp huyện Mộc Châu, cách thành phố Sơn La 66 km về phía Tây Bắc, Tây Nam có 47 km đường biên giới giáp nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Là khu vực đệm giữa cao nguyên Mộc Châu và cao nguyên Nà Sản (huyện Mai Sơn). Với vị trí địa lý như vậy, Yên Châu có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển mạng lưới giao thông với các huyện trong tỉnh. Quốc lộ 6 chạy giữa huyện qua 7 xã dài hơn 66 km, tạo thành trục giao thông chính trong huyện, nối Yên Châu với các vùng khác trên miền Tây Bắc và miền xuôi, trục đường tỉnh lộ 13 từ ngã ba Cò Nòi (huyện Mai Sơn) qua đèo Chẹn đến bến phà Tạ Khoa dài 40 km. Ngoài ra, con sông Đà nằm ở phía Đông Bắc của huyện cũng trở thành giao thông đường thuỷ quan trọng nối Yên Châu với các vùng khác [30].

#### **\* Đặc điểm tự nhiên và những tiềm năng**

Yên Châu là một huyện miền núi của tỉnh Sơn La, có diện tích tự nhiên là 84.366, 9 ha, chiếm 6% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Địa hình phức tạp, chia làm 2 tiểu vùng khác biệt: vùng lòng chảo và vùng núi cao biên giới. Toàn huyện có 14 xã và 1 thị trấn với 184 bản và 6 tiểu khu, trong đó có 8 xã đặc biệt khó khăn (04 xã vùng cao biên giới), có 61 chi Đảng bộ trực thuộc huyện uỷ, 265 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở với tổng số 3477 đảng viên [29].

*Địa hình Yên Châu chia thành 2 vùng khác biệt:*

+ Vùng lòng chảo (vùng thấp) nằm xen kẽ giữa cao nguyên Mộc Châu (huyện Mộc Châu) và cao nguyên Nà Sản. Diện tích rộng trên 40.000 ha\_xung quanh là núi cao bao bọc, vùng này có 2 con suối lớn chảy qua: suối Vạt bắt đầu từ chân núi Khâu Cạn - Nà Sản xã Chiềng Đông chảy dọc theo quốc lộ 6 qua thị trấn Yên Châu gặp suối Sập chảy từ Mộc Châu lên tại xã Sập Vạt rồi hợp lại cùng chảy ra sông Đà. Chính vì vậy, đã tạo ra một dải đồng bằng thấp ven suối, tiếp đến là những dải đồi bát úp cao dần về phía dãy núi đá vôi. Nơi đây là vùng cư trú của một số dân tộc anh em, trong đó đông nhất là dân tộc Thái.

Vùng cao biên giới với độ cao trung bình từ 800 - 1.000 mét (*so với mặt nước biển*), có những dải đất bằng phẳng, xen giữa các dãy núi đá. Nơi đây thích hợp trồng trọt các loại cây công nghiệp như: chè, cà phê, trâu... và cũng là vùng cư trú chủ yếu của đồng

bào Mông, Sinh Mun cũng như đồng bào Kinh lên khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới từ những năm 1960 đến nay. Dân cư nơi đây thừa thớt nên nguồn thực vật tự nhiên vẫn còn phong phú và có nhiều nguồn nước tự nhiên để phục vụ đời sống và sản xuất của bà con các bản, làng vùng cao.

Vùng này có các con suối nhỏ: Tà Ên, Khon Khăm, Cáp Ca... tạo thành con suối Nặm Pàn chảy ra Hát Lót (huyện Mai Sơn). Yên Châu có hai mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, với lượng mưa trung bình từ 1.000 đến 1.400 mm.

Cũng như các huyện Sông Mã, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Yên Châu là nơi có khí hậu nóng ẩm, nhiệt độ có lúc lên đến 39 - 40<sup>0</sup> C. Mùa khô kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Mùa đông, mưa ít và rét đậm, đặc biệt là ở vùng cao, ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió bắc và gió đông bắc. Ở vùng lòng chảo, chịu tác động của gió tây nam (gió Lào) nên thời tiết thường khô và nóng (kéo dài từ tháng 3 đến tháng 5), kiểu thời tiết này rất khó chịu mệt mỏi cho con người, không khí khô nóng dễ gây hoả hoạn cháy rừng, cản trở cho sản xuất và sinh hoạt của con người. Ngược lại với kiểu thời tiết trên, mùa hè ở Yên Châu là mùa mưa, thường xuất hiện mưa đá, lũ quét (do nạn chặt phá rừng bừa bãi) gây thiệt hại lớn đến tính mạng, tài sản của người dân, ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội.

Với đặc điểm địa hình và khí hậu nêu trên, đã tạo cho Yên Châu có được hai vùng sinh thái: Vùng lòng chảo thấp, thuận lợi cho kinh tế nông, lâm nghiệp phát triển, thâm canh lúa nước, trồng cây ăn quả (xoài, chuối, nhãn, dứa...), cây hoa màu (đậu tương, lạc, rau màu) và chăn nuôi gia súc, gia cầm... Vùng cao có điều kiện mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp: chè, cà phê, cây ăn quả, cây lương thực (ngô) và chăn nuôi đại gia súc, tạo ra nguồn hàng hoá phong phú để trao đổi với vùng đồng bằng.

Ngoài ra, Yên Châu còn là nơi được thiên nhiên ưu đãi, tập trung nguồn tài nguyên đa dạng: Tài nguyên rừng, có vai trò phòng hộ đầu nguồn, trong đó động, thực vật khá đa dạng với nhiều chủng loại khác nhau như: các loại thú rừng; các loại cây gỗ quý (pơ mu, sa mu, đinh hương, lát, trai, nghiến, các loại tre, bương, nứa...; tài nguyên khoáng sản có

nhều nguyên liệu quý như: Than, Đồng, Sắt, Vàng sa khoáng được phân bố ở một số xã trong huyện...

Mặc dù có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, nhưng Yên Châu vẫn mang những đặc trưng chung về địa lý tự nhiên của vùng Tây Bắc nước ta.

Với điều kiện tự nhiên như vậy đã và đang tạo cho Yên Châu những nguồn lực quan trọng có ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông dân:

- Từ thực tế phong phú về cấu trúc địa hình, về khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, thực bì che phủ tạo ra cho đất đất đa dạng về nhóm đất để thích ứng với từng loại cây, từ cây công nghiệp đến cây nông nghiệp ... và đa dạng về vật nuôi gia súc, gia cầm có khả năng sinh sôi và phát triển với số lượng lớn... Tạo ra cho Yên Châu những lợi thế so sánh giữa các vùng trong huyện với nhau, giữa Yên Châu với các địa phương trong tỉnh và trong cả nước.

- Với đặc điểm là vùng rừng núi cao, dốc, ruộng ít, dân cư thưa thớt nên việc sử dụng đất đai còn rất lãng phí. Diện tích canh tác nông nghiệp chỉ chiếm 8,96%. Đất còn rừng chiếm 13,2%, đất chuyên dùng và không có khả năng sử dụng 9,58%, còn lại 68,26% là đất trống, đồi núi trọc. Có thể nói tiềm lực về tài nguyên đất đai nơi đây là rất lớn. Yên Châu những năm qua, ngoài các yếu tố tự nhiên, khí hậu cả nhiều -u ®·i vụ thuËn lĩ, b»ng nhưng việc canh tác bừa bãi cùng với phương thức canh tác nương rẫy gắn với cuộc sống du canh, du cư từ bao đời nay [Nơi nào đất tốt, có nguồn nước, có nhiều rừng, nhiều cây cối... thì chuyển đến nơi đó phá rừng làm nương rẫy, đến khi đất đai cần cỗi thì lại chuyển đến nơi khác. Hiện tượng này đa số chỉ xảy ra đối với những hộ là đồng bào dân tộc Mông], đã làm cho tài nguyên rừng cạn kiệt... Từ thực tế điều kiện đất đai, khí hậu và tài nguyên rừng của Yên Châu những năm qua với những chủ trương, chính sách của Nhà nước đã phần nào làm cho đất đai, tài nguyên rừng và ý thức người nông dân trong phát triển kinh tế bảo vệ rừng để có một hệ sinh thái bền vững, phát huy mặt tích cực trong việc bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên rừng và sử dụng nguồn đất đai hợp lý trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống của hộ nông dân, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia, đặc biệt là an ninh biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc.



### 2.1.2. Một số đặc điểm về kinh tế - xã hội huyện Yên Châu

Yên Châu có tổng dân số trên 67808 người, gồm 5 dân tộc anh em cùng sinh sống đoàn kết, đó là dân tộc Thái, Kinh, Mông, Sinh Mun và Kơ Mú, trong đó, dân tộc Thái chiếm 53%, Kinh: 21,1%, dân tộc Mông: 12,8%, Sinh Mun: 11,9%, Kơ Mú: 0,4% [30]. Với đặc điểm nhiều dân tộc cùng chung sống lâu đời đã xây dựng được nền văn hoá cổ truyền phong phú, đa dạng. Những phong tục tập quán tốt đẹp của mỗi dân tộc đến nay vẫn được duy trì và phát triển. Nhân dân các dân tộc Yên Châu với đặc tính thật thà, chất phác, đoàn kết, dũng cảm đã tạo nên một sức mạnh to lớn trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm cũng như chống chọi với thiên tai khắc nghiệt, khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Với đặc thù là một huyện vùng cao biên giới, nền sản xuất chậm phát triển so với các huyện trong tỉnh. Địa hình chia cắt bởi kết cấu địa lý. Tiềm năng kinh tế không nhiều. Trình độ canh tác vẫn mang nặng tính truyền thống. Mặt bằng dân trí không đồng đều, khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến và nền kinh tế thị trường còn nhiều bất cập.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng đời sống vật chất và tinh thần của các hộ nông dân trong huyện còn gặp nhiều khó khăn, nhiều hộ gia đình đến nay vẫn còn đói ăn, thiếu lương thực, thực phẩm trong những ngày giáp hạt... theo số liệu thống kê đến năm 2008, trên 35% số hộ còn đang trong tình trạng hộ nghèo được Chính phủ hỗ trợ (Chương trình 135 giai đoạn 2 và một số chương trình dự án khác...).

Bên cạnh đời sống vật chất, tỷ lệ hộ nông dân Yên Châu được hưởng thụ về điều kiện cơ sở vật chất, giáo dục, y tế ... còn thấp nên sự quan tâm đến việc học tập bị coi nhẹ, nhiều gia đình nông dân chỉ cho con đi học một thời gian (*chưa học hết bậc tiểu học*) đã cho con nghỉ học để đi làm nương hoặc đi lao động sản xuất phụ giúp cùng gia đình, đã dẫn đến tình trạng số người dân mù chữ vẫn còn ở con số cao, nhất là các bản ở vùng cao biên giới. Trình độ dân trí còn thấp so với nhiều vùng trong nước, nhất là so với vùng đồng bằng. Từ đó, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp nhận áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Điều kiện đất đai, khí hậu, địa hình như đã trình bày ở phần trên, đã tạo ra cho Yên Châu có 2 vùng sinh thái thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp:

+ Vùng cao có điều kiện khí hậu mát mẻ, đất đai màu mỡ và có nhiều cao nguyên bằng phẳng, diện tích rừng tự nhiên vẫn còn khá nhiều nên nguồn nước tự nhiên hầu như được duy trì quanh năm ở các khe núi, là điều kiện thuận lợi để mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp (chè, mơ, mận hậu, đào...), phát triển trồng cây nông nghiệp (ngô, sắn, lúa nương...) và có nhiều đồng cỏ lớn để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm (trâu, bò, dê, ngựa, cừu, gà, ngan, ngỗng...). Ngoài ra, huyện Yên Châu còn có 47 km đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào cùng với 3 cửa khẩu (3 Đồn: Đồn 461, Đồn 465 và tr'âm bi'n ph'ng Lao Khô) là điều kiện thuận lợi cho việc khai thác trao đổi hàng hoá và giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa 2 địa phương của 2 huyện giáp biên. Ở vùng cao rừng tự nhiên che phủ còn lớn nên nguồn tài nguyên thiên nhiên, như: gỗ, động thực vật và một số khoáng sản (đồng, than, vàng sa khoáng) là những tiềm năng để thu nguồn ngân sách cho địa phương và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

+ Đối với vùng thấp (các xã dọc quốc lộ 6) trình độ dân trí của nhân dân có khá hơn so với nhân dân các xã vùng cao, do có sự đầu tư của Chính phủ, của tỉnh Sơn La và của huyện Yên Châu đã tạo ra được một hệ thống mương phai hoàn chỉnh phục vụ cho việc tưới tiêu đảm bảo cung cấp đủ nước để trồng lúa và rau màu.

Do điều kiện khí hậu nóng hơn so với vùng cao, địa thế đất đai của vùng thấp tương đối bằng phẳng dọc theo 2 bên quốc lộ. Qua khảo sát, ngoài việc phù hợp để trồng các loại cây xoài, chuối, dứa, mít, mía, các cây màu, khoai, sắn, nó còn phù hợp với trồng cây keo ở đất dốc, đặc biệt, qua khảo sát năm 2007, chất đất và khí hậu Yên Châu rất phù hợp trồng cây cao su. Ngoài ra, do địa hình lòng chảo, hầu hết các hộ dân đều có khả năng ngăn nguồn nước ở các khe núi, khe đồi để tạo thành ao, mương, ngăn nước nuôi cá và để tưới tiêu cho cây trồng, cung cấp thực phẩm sạch cho nhân dân trong huyện, cho các huyện lân cận và cả cho thành phố Sơn La.

+ Đối với vùng cao (gồm các xã dọc biên giới Việt - Lào) với độ cao trên 1.000 mét (*so với mặt nước biển*), khí hậu nơi đây thường xuyên duy trì ở nhiệt độ dưới 30<sup>0</sup> C. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ, Đảng và Nhà nước đầu tư bằng các nguồn vốn hỗ trợ như chương trình 925, 135 mà các xã, bản trong huyện đã có cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm đầy đủ, các xã, bản đều có đường ô tô đến tận nơi (*đây*

*là một thuận lợi cơ bản của huyện Yên Châu so với các huyện khác trong tỉnh Sơn La).* Với trình độ dân trí còn thấp, nhưng những năm qua người dân Yên Châu cũng đã nhận thức được việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, tự cung, tự cấp sang sản xuất mang tính hàng hoá, song vẫn chỉ dừng lại ở thể độc canh cây ngô và một số cây ăn quả khác (xoài, mận, mơ...). Do thị trường không ổn định nên sản phẩm nông sản của người nông dân làm ra, lúc mất mùa thì được giá, khi được mùa thì lại ế thừa, đã gây nên tình trạng cung vượt cầu cục bộ. Sản phẩm tồn đọng (ngô, sắn) không có nơi bảo quản cất giữ đã bị mốc, mọt và bị mối ăn, các sản phẩm hoa quả thì thối rữa (có lúc phải thuê người thu hái chỉ để đổ đi), vừa tốn tiền và mất công, lại gây ô nhiễm môi trường. Trước thực trạng đó, các hộ nông dân rơi vào cảnh sản phẩm làm ra không đủ bù vốn, phân bón, thuốc trừ sâu... chưa kể đến công lao động chăm bón. Người nông dân chưa thực sự thoát khỏi đói nghèo, gây tư tưởng bi quan chán nản. Để tồn tại họ lại quay trở về với lối suy nghĩ "ăn chắc, mặc bền, tự cung, tự cấp".

## **2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN HUYỆN YÊN CHÂU**

### **2.2.1. Quá trình phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Yên Châu**

Hộ nông dân miền núi Tây Bắc nói chung và hộ nông dân ở huyện Yên Châu nói riêng là những hộ sinh sống dựa vào sản xuất trồng trọt các cây lương thực đa phần ở trên đồi, trên núi. Với 5 dân tộc anh em sinh sống xen kẽ, nhìn chung trình độ dân trí, phát triển kinh tế còn thấp, quy mô nhỏ, tự cung tự cấp và mang một số nét đặc trưng:

+ Miền núi là địa bàn cư trú của hộ gia đình dân tộc ít người. Trước đây họ sinh sống ở nơi thưa thớt, hẻo lánh do tác động của nhiều nguyên nhân, trong đó có tác động tăng dân số tự nhiên. Đến nay số lượng hộ nông dân cũng tăng lên khá nhanh, các xã, bản hầu hết đều tồn tại xen kẽ các dân tộc Thái, Kinh, Mông, Sinh Mun và Khơ Mú... Tuy nhiên, có một xã chỉ có duy nhất một dân tộc Mông sinh sống, đó là xã Chiềng Tương. Các hộ nông dân ở đây chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, chỉ có một số ít hộ sống gần đường quốc lộ 6 thì vừa sản xuất nông nghiệp vừa kết hợp kinh doanh dịch vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Các hộ nông dân là những hộ gia đình nông dân, vì vậy muốn thay đổi về kinh tế phải có sự chuyển biến trong phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trong những năm qua,

mặc dù nhận thức và cách sản xuất, các hộ nông dân đã có nhiều chuyển biến thay đổi và tiến bộ, đã thu được một số thành quả nhất định nhưng vẫn vẫn tồn tại một yếu kém trong phát triển kinh tế - xã hội, có thể thấy qua một số đặc điểm chủ yếu của hình thức tổ chức sản xuất của kinh tế hộ nông dân Yên Châu, đó là:

- Các hoạt động sản xuất của nhiều hộ nông dân (chủ yếu là ở vùng cao biên giới) vẫn còn mang nặng tính tự nhiên, tự cung, tự cấp dựa trên nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, "Con trâu đi trước cái cày theo sau". Trong khi đó, đất đai cao nguyên bằng phẳng có thể đưa máy móc vào sản xuất.

- Lực lượng sản xuất vẫn là những công cụ thô sơ: cái cuốc, cái cày, con dao, cái hái...; kỹ thuật canh tác vẫn còn lạc hậu (trọc lỗ, bỏ hạt), lao động dùng cơ bắp chân tay là chính, đã làm cho năng suất lao động không cao, đời sống vật chất và tinh thần của hộ nông dân thấp và gặp nhiều khó khăn).

- Phân công lao động chưa phát triển, chủ yếu theo giới tính, các nghề như chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển để trở thành một ngành độc lập tách ra khỏi trồng trọt (mặc dù lợi thế các xã vùng cao có 47 km đường biên giới giáp với nước bạn Lào, có điều kiện giao lưu phát triển kinh tế - xã hội và dịch vụ. Thời gian lao động nhàn rỗi hàng năm còn khá lớn).

- Sản xuất hàng hoá và quan hệ hàng hoá chưa phát triển. Các yếu tố sản xuất hàng hoá gắn với quy trình du nhập từ bên ngoài vào chủ yếu tập trung ở thị trấn, thị tứ, còn kinh tế hộ nông dân vẫn còn phát triển trong môi trường tự cấp, tự túc, lệ thuộc vào tự nhiên, lệ thuộc vào tư thương dẫn đến trì trệ, bảo thủ.

- Nền kinh tế dựa trên cơ sở trồng trọt là chủ yếu, tạo cho các hộ nông dân một sự cân đối nhất định trong cuộc sống. Trong mỗi gia đình hộ nông dân đều có những biểu hiện tâm lý thoả mãn với cuộc sống được thiên nhiên ưu đãi, dù cuộc sống với mức thấp kém nhưng có vẻ họ vẫn dễ chịu vì ít phải suy nghĩ, tính toán, không phải làm cố sức, lao động thì cứ theo mùa vụ, mỗi năm một vụ. Nếu dư gi¶ th× họ đầu tư xây dựng, mua sắm một số dụng cụ phục vụ đời sống... Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch sang cơ chế thị trường đối với các hộ nông dân (nhất là từ khi có chủ trương cổ phần hoá một phần đất đai của hộ nông dân sang trồng cây cao su, cây chè).

Mặt khác, hộ nông dân là một tế bào xã hội, các dân tộc mang đậm tính truyền thống, có bản phận thực hiện nhiều chức năng nhiệm vụ quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và ý thức của từng tộc người. Hộ nông dân là những gia đình nhỏ phụ hệ gồm 2 thế hệ. Song do trình độ phát triển, địa vực cư trú và quan hệ xã hội, nên cơ cấu hộ nông dân có sự khác nhau giữa các dân tộc và giữa các vùng. Thường số lượng hộ nông dân trong một bản có thể có nhiều hay có ít, nhưng là những gia đình có quan hệ huyết thống, láng giềng hợp thành một xã hội tự quản, vận hành theo phép nước - lệ làng, trong đó tính cộng đồng là nguyên tắc trong ứng xử, là quan hệ xã hội nền tảng với đặc trưng mang tính kinh nghiệm thực tiễn, truyền miệng vượt trội hơn tư duy, khoa học công nghệ tạo nên tư tưởng lao động của người nông dân thường được quy về "*khéo tay hay làm*", mang tính ngẫu hứng, được đến đâu hay đến đó, tâm lý cào bằng, ghét kẻ vượt trội... xã hội hoạt động theo lệ hơn là theo luật, nguyên tắc tình cảm anh em được coi là tiêu chuẩn ứng xử của gia đình tạo sự êm dịu, hoà thuận trong gia đình, không tạo ra sự đột biến, đổi mới trong phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, hộ nông dân hay nói cách khác kinh tế hộ gia đình nông dân miền núi Yên Châu có những đặc điểm riêng so với kinh tế hộ nông dân miền núi nói chung. Nó tác động đến việc phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Do vậy, việc phát triển kinh tế - xã hội mỗi vùng, mỗi địa phương cần được xem xét gắn cái chung và cái riêng một cách hài hoà. Có như vậy, kinh tế hộ nông dân mới có sự chuyển biến phát triển đúng hướng, có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Đây là một thực tiễn quan trọng khi nghiên cứu phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi Yên Châu.

Thực trạng quá trình phát triển kinh tế hộ nông dân thời gian qua có những biến động thay đổi tích cực: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 20 tháng 11 năm 1952, Yên Châu thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp, bước đầu đi bắt tay vào phát triển kinh tế và chủ yếu là sản xuất nông nghiệp: lúa, ngô, khoai, sắn...trên diện tích thu được của phía, tạo (Phìa, tạo phong kiến ở vùng Tây Bắc là chỉ bọn làm tay sai cho thực dân Pháp (giống như là chức địa chủ, cường hào ở miền xuôi)) phong kiến chia cho các hộ canh tác. Đến năm 1960, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết 16

của Trung ương Đảng khoá II, các hộ nông dân đi vào làm ăn tập thể bằng cách xây dựng hợp tác hoá nông nghiệp, mọi tư liệu sản xuất của các hộ nông dân nông dân đều được góp vào hợp tác xã, đất đai được phân phối chia cho các tổ, đội sản xuất (căn cứ vào số lượng lao động). Từ đó đến nay, Yên Châu qua nhiều thời kỳ củng cố và phát triển hợp tác xã, song có thể khái quát thành các giai đoạn như sau:

**\* Thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp (từ 1954 trở về trước):**

Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, do trình độ sản xuất thấp kém nên nông nghiệp ở miền núi Tây Bắc còn lạc hậu, mang nặng tính tự cấp, tự túc, diện tích canh tác chủ yếu sở hữu tư nhân (chiếm trên 90%), trong đó phần lớn thuộc về phía, tạo phong kiến cũ, người nông dân chủ yếu sống bằng đi làm thuê, cuốc mướn, săn bắn hái lượm, đời sống người nông dân vô cùng bần hàn, cực khổ, thiếu ăn, thiếu mặc triền miên. Để sống qua ngày, họ phải vào rừng tìm kiếm hái lượm rau rừng, củ mài và sống du canh, du cư nay đây mai đó.

**\* Sau ngày hoà bình lập lại – năm 1954:**

Công cuộc cải cách ruộng đất ở Miền Bắc thắng lợi đã mang lại cho hàng triệu hộ gia đình nông dân trong cả nước trực tiếp tiến hành lao động sản xuất - kinh doanh. Nhờ vậy sức sản xuất được giải phóng khỏi sự trói buộc vào quan hệ sản xuất phong kiến và thực dân, đã tạo ra những động lực to lớn trong sản xuất nông nghiệp, sản lượng lương thực quy thóc tăng lên rõ rệt, góp phần bình ổn đời sống nông dân, từ đó người nông dân phần khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, với cách làm ăn manh mún, tự cung, tự cấp sống chủ yếu dựa vào nương rẫy nên dẫn đến nạn phá rừng, săn bắt thú rừng bừa bãi không kiểm soát được... Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, năm 1960, những người nông dân được vận động vào hợp tác xã nông nghiệp với quy mô quản lý thấp "*Bình nông, đổi công*", "*Bình công chăm điểm*", mọi tài sản vốn liếng, gia súc phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đều được mang góp vào hợp tác xã... Có thể đánh giá tổng quát giai đoạn này như sau:

- *Về ưu điểm:* Nông dân bước đầu phần khởi đi theo con đường làm ăn tập thể. Kinh tế hợp tác xã đã phát huy được sức lực, trí tuệ của người nông dân, được thể ở 3 mặt: năng suất, chất lượng và diện tích được mở mang, tăng hàng năm. Nông dân cảm thấy

minh được làm chủ và được quyền làm chủ tập thể theo khẩu hiệu "**Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ**". Kỹ thuật hợp tác xã còn tạo ra sức mạnh khai hoang đất đai (dưới thời kỳ phong kiến, thực dân đô hộ, dù có nhiều diện tích canh tác, nhưng người nông dân không được làm chủ do chính sách của thực dân Pháp là: sản xuất lương thực chỉ phục vụ đủ ăn cho lính Pháp, phìa tạo và một số người dân đi theo thực dân Pháp). Mở rộng cũng có hệ thống thủy lợi như mương phai để phục vụ cho tưới tiêu, từ chỗ sản xuất một vụ nay đã sản xuất 2 vụ. Do đó đời sống nông dân trong huyện có phần được cải thiện và đảm bảo nộp thuế cho Nhà nước. Ngoài ra, từ kinh tế cá thể chuyển sang kinh tế hợp tác xã đã giúp cho việc huy động sức người, sức của để phục vụ cho tiền tuyến miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tạo được không khí phấn khởi trong lao động sản xuất và trong chiến đấu với tinh thần tự giác và quyết tâm cao - "*Tất cả vì Miền Nam ruột thịt*", với tinh thần "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*". Tuy vậy, trong thời kỳ này, phần lớn người nông dân ở vùng sâu, vùng cao sản xuất vẫn chỉ mang tính tự cung, tự cấp, vẫn còn mang nặng tính tạm bợ, nhiều vùng còn mang tính du canh, du cư nên sản xuất không đủ ăn, Nhà nước vẫn phải hỗ trợ về lương thực (khoảng 18%).

- *Về khuyết điểm, hạn chế*: Khi vào hợp tác xã, vốn liếng, tư liệu sản xuất đều do các hộ nông dân đóng góp, vốn hàng năm đều được tính từ một phần công lao động của nông dân, tùy thuộc vào thời vụ, được mùa hay mất mùa, vốn được sử dụng vào việc tu bổ, sửa chữa, mua sắm dụng cụ tư liệu sản xuất, cây giống, con nuôi mới, nhằm tăng năng suất lao động và mở rộng sản xuất. Vốn của hợp tác xã đều do tự có, sự hỗ trợ của Nhà nước hầu như không có, nên cơ sở hình thành vốn còn ít, chưa vững chắc và vốn của hợp tác xã bị suy giảm dần từ năm 1975 và ngày càng cạn kiệt, nhiều hợp tác xã không có vốn để phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, trong thời gian sau năm 1975 đất nước được hoàn toàn thống nhất, cùng với chủ trương, chính sách của Nhà nước không thay đổi, vẫn tồn tại cơ chế quản lý quan liêu, tổ chức lỏng lẻo cộng với việc sản xuất, phát triển không có sự cạnh tranh và hạch toán mà chỉ mang tính chất phong trào nên hiệu quả kinh tế kém phát triển, không xác định cây trồng, vật nuôi nào là mũi nhọn đã gây nên tình trạng rối loạn trong định hướng phát triển cây trồng, vật nuôi. Vì vậy mà kinh tế không phát triển,

năng suất cây trồng, vật nuôi ngày một giảm, nhiều năm không đạt chỉ tiêu kế hoạch, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, số hộ đói tăng lên, không kích thích được sản xuất nông nghiệp. Một vấn đề đáng quan tâm nữa là việc đầu tư cơ sở vật chất quá lớn, như: sân kho, nhà kho, các kênh mương máng quá đồ sộ so với những diện tích gieo trồng ruộng bậc thang, làm thu hẹp diện tích cây trồng ở diện có nước tưới tiêu, nên không phát huy được hết tác dụng, đã làm sản xuất chậm phát triển, trong khi đó, dân số lại tăng nhanh (3%/năm), diện tích đất đai thì không được mở rộng, năng suất ngày càng thấp, có thời kỳ lao động chính đạt 1- 1,2kg thóc/1 ngày công. Có thể nói, đời sống nông dân những năm sau giải phóng còn gặp nhiều khó khăn, đói kém [28].

Sự giảm sút của nền kinh tế nông nghiệp huyện Yên Châu một phần còn do bộ máy quản lý hợp tác xã quan liêu, công kênh, thiếu trình độ quản lý kinh tế, cán bộ quản lý được cất nhắc từ những người đã có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến hoặc một số ít do bè cánh kéo nhau lên tạo thành những ê kíp quản lý kém hiệu quả, cứng nhắc, giáo điều và áp đặt, gây ức chế cho người nông dân, làm cho người nông dân gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức và cải tiến kỹ thuật sản xuất dẫn đến tình trạng kinh tế nông nghiệp huyện Yên Châu những năm cuối 1970 kiệt quệ vốn trong sản xuất. Hầu hết nông dân bị đói ăn, thiếu mặc kéo dài.

#### **\* Từ 1981 đến nay**

Kết thúc cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, toàn Đảng và toàn dân ta đã giành thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước tiến hành thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba. Nhìn lại thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1975 - 1980), kết quả chưa tương xứng với nguồn vốn và sức lao động bỏ ra, nền nông nghiệp rơi vào tình trạng khủng hoảng, kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng không phát triển, lâm vào cảnh đình đốn, quản lý theo mô hình tập thể bao cấp, các chỉ tiêu giao nộp không hoàn thành, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu ăn, thiếu mặc, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

Để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, nhằm thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển, Nghị quyết Trung ương 6 (khoá IV) đã đề ra một số chính sách cho các hộ xã viên



mượn đất để sản xuất... Kết quả làm thử khoán sản phẩm ở một số địa phương đã tạo ra khí mới trong sản xuất nông nghiệp và là mốc son đánh dấu sự mở đầu trong đổi mới quản lý nông nghiệp. Ngày 31 tháng 1 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 *Về cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*. Chỉ thị 100 là sự đột phá đầu tiên vào cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong sản xuất tập thể, là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển đổi cơ chế quản lý trong nông nghiệp, thể hiện sự đổi mới về tư duy kinh tế. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã tạo ra động lực mới trong sản xuất, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân, gợi mở hướng đi trong phát triển nông nghiệp. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp đã đem lại kết quả rõ rệt cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương ra đời, đã mở ra cho người nông dân cả nước nói chung và người nông dân huyện Yên Châu nói riêng một luồng gió mới, một sức mạnh mới để đưa cuộc sống của người nông dân từng bước phát triển, thêm một sức mạnh mới để phát triển nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp Yên Châu có bước phát triển mới, khuyến khích mọi người lao động tận dụng triệt để đất đai, tài nguyên để phát triển sản xuất, nhờ đó mà năng suất được tăng lên, người dân đã tập trung đầu tư vào sản xuất nhiều hơn và yên tâm hơn vì không sợ năng suất cao lại bị Nhà nước thu thuế như trước kia nữa. Nhưng rồi chỉ thị 100 ra đời chưa được bao lâu đã bộc lộ những hạn chế nhất định, như cơ chế còn tập trung quan liêu bao cấp, bộ máy gián tiếp trung gian còn cồng kềnh và hoạt động kém hiệu lực, thực hiện 3 lợi ích cá nhân, tập thể và Nhà nước cùng các khâu trong công việc (8 khâu khoán) tập thể chưa tổ chức tốt, như: giống, thủy lợi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... Do vậy Chỉ thị 100 chưa phát huy được hết tác dụng trong sản xuất nông nghiệp.

... Sau 10 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, nhân dân ta đã giành được những thành tựu hết sức quan trọng, song cũng gặp không ít khó khăn, thử thách. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Sản xuất tăng chậm, mức tăng bình quân trong năm 1976 - 1980: Về công nghiệp: 0,6%; nông nghiệp: 2,9%. Trong những năm 1981 - 1985, mức tăng bình quân về nông nghiệp là 6,9%; công

ng nghiệp 9,5%; thu nhập quốc dân 6,4%; sản lượng lương thực là 16 triệu tấn. Những mất mát cân đối của nền kinh tế chậm được thu hẹp, sản xuất chưa đủ tiêu dùng, thu không đủ chi, lạm phát tăng nhanh, giá cả nhảy vọt, đặc biệt là sai lầm trong điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985, đời sống của người lao động nhất là những người hưởng lương gấp rất nhiều khó khăn, hàng tiêu dùng thiết yếu khan hiếm, phải bán theo định mức tem phiếu. Hiện tượng tiêu cực phát sinh ngày càng trầm trọng, đạo đức bị xói mòn, xuống cấp, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bị giảm sút. Quan hệ quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực đế quốc và thù địch ráo riết triển khai chiến lược "**Diễn biến hoà bình**" nhằm xoá bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tình hình trên đặt ra một yêu cầu bức thiết cho đất nước ta là phải đổi mới để tiến lên.

Ngày 15 tháng 12 năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành. Đại hội đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và đánh giá đúng sự thật, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân khủng hoảng kinh tế - xã hội và nêu lên 4 bài học kinh nghiệm lớn. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra đường lối đổi mới sâu sắc, toàn diện đất nước cả về kinh tế và chính trị. Trên lĩnh vực kinh tế, Đại hội quyết định xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung - quan liêu - bao cấp, thực hiện cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện 3 chương trình kinh tế: Lương thực - thực phẩm - hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đại hội VI đã khởi xướng sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, đó là một quá trình cách mạng lâu dài, toàn diện và sâu sắc, triệt để, tạo điều kiện để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đồng thời tạo ra những điều kiện cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trong những chặng đường tiếp theo [8].

Với tinh thần tập trung sức phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện, sản xuất nông nghiệp của huyện Yên Châu có bước phát triển khá, đặc biệt cây màu được chú ý, năm 1987, sản lượng ngô tăng 19,3%, sản lượng sản tăng 10,4% so với những năm trước đó. Nhờ áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chọn các giống cây, con tốt đã đem lại năng suất cao, nhất là trong thâm canh nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi đưa đời sống nhân dân đi vào thế ổn định.

Tuy nhiên, sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp xuất hiện nhiều diễn biến phức tạp, có nhiều mặt sa sút so với thời kỳ 1981- 1985. Cơ chế khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 đã bộc lộ nhiều nhược điểm. Quán triệt chính sách đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội do Đại hội VI đề ra, ngày 5 tháng 4 năm 1988, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 10 - NQ/TW Về chuyển đổi cơ chế quản lý nông nghiệp: "Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế", Nghị quyết đã thiết thực đáp ứng nguyện vọng mong mỏi của nông dân, được tuyệt đại đa số nông dân phấn khởi đón nhận. Với chính sách giao ruộng đất ổn định, lâu dài cho các hộ nông dân, thừa nhận hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, cơ chế mới đã trở thành nguồn động lực kích thích mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn. Bởi vậy đã tạo bước bứt phá ngoạn mục mở đầu sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp, nông thôn thời kỳ đổi mới.

Quán triệt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, huyện Yên Châu đã bố trí sắp xếp và tổ chức lại sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, toàn huyện có tổng diện tích đất tự nhiên là: 86.606 ha, trong đó nông nghiệp chiếm 21.410,4 ha, đất lâm nghiệp: 34.553 ha, chia thành 2 tiểu vùng kinh tế: các xã vùng thấp sản xuất lúa, hoa màu và cây ăn quả; các xã vùng cao sản xuất cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc và lâm nghiệp.

Đến tháng 4 năm 1988, khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, huyện Yên Châu chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện từng bước vững chắc và cụ thể tới các đơn vị kinh tế và các cơ quan chuyên môn, hướng dẫn xác định quy mô và sắp xếp lại hợp tác xã, xây dựng định mức đơn giá khoán đối với cây lúa và cây chè, tổ chức lại bộ máy quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp. Sau khi làm thí điểm ở một vài xã để rút kinh nghiệm, huyện Yên Châu tiếp tục triển khai một số hợp tác xã vùng trọng điểm lúa và cây công nghiệp. Phấn khởi với chính sách đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp do Đảng đề ra, hơn hai năm thực hiện Nghị quyết 10, sản xuất nông nghiệp và kinh tế huyện Yên Châu đã phát triển tương đối toàn diện và đi vào ổn định. Diện tích cây lúa năm 1987 là 1.359,08 ha đến năm 1989 giảm xuống còn 1.356,4 ha, song năng suất lại tăng từ 28 tạ/vụ năm 1987 lên 32,2 tạ/ha/vụ năm 1989. Sản lượng lúa tăng 15%, ngô tăng 5%,

diện tích giao đất, giao rừng tăng 6% so với năm 1987. Qua đó cho thấy cơ cấu cây trồng, vật nuôi có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, khai thác được năng lực sản xuất, sản phẩm hàng hoá như: Chè, ngô và đậu tương có chiều hướng phát triển. Các hợp tác xã phát triển kinh tế hàng hoá là Yên Thi (xã Loóng Phiêng), Hang Mon, Kim Chung (xã Phiêng Khoài), Đông Bầu (xã Chiềng On)... Cùng với việc bố trí lại lao động nhằm đẩy mạnh thâm canh, phát triển kinh tế gia đình, phát huy triệt để mọi năng lực sản xuất nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân.

Đồng thời, tiến hành triển khai khoán 10 bằng cách bước đầu thí điểm với vụ đông xuân 89 - 90, lấy 2 xã vùng thấp và 2 xã vùng cao làm điểm. Kết quả sau 2 năm qua 4 vụ đã thu được những kết quả khả quan, đó là tận thu được đất đai vào sản xuất nông nghiệp, kích thích được người lao động đầu tư và chú trọng trong việc sản xuất và kinh tế có sự chuyển biến rõ rệt, từ chỗ đói ăn, thiếu mặc đến đủ ăn, đủ mặc, có những hộ do có nhiều lao động và biết tính toán làm ăn đã có tiền mua sắm các vật dụng có giá trị trong gia đình, như đài, ti vi, bàn ghế...

Đến năm 1992 thì Nghị quyết 10 được triển khai rộng rãi trên địa bàn toàn huyện, qua những năm thực hiện Nghị quyết 10, kết quả được đánh giá như sau:

- **Về mặt được:** Trước hết, nó kích thích sản xuất phát triển, sản xuất lương thực mỗi năm tăng lên rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước:

**Bảng 2.1: Tình hình sản xuất lương thực qua các năm**

Mùa	Năm 1990	Năm 1993	Năm 1994	Năm 2000
Lúa xuân	2,8 tạ/ha	40 tạ/ha	4,4 tạ/ha	69,7 tạ/ha
Lúa mùa	2,6 tạ/ha	3,5 tạ/ha	3,9 tạ/ha	61,0 tạ/ha

*Nguồn: [28].*

Ngoài ra, các cây ngô, đậu tương, sắn... cũng đạt năng suất, chất lượng đáng phấn khởi. Trong thời gian này, cùng với Nghị quyết 10, Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế ngoài quốc doanh đã phát huy được vai trò các thành phần kinh tế. Từ đó hộ nông dân phát triển nhân rộng kinh tế vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng có triển vọng khả quan, đã xuất hiện những mô hình làm kinh tế trang trại giàu lên nhanh chóng

bằng cách sản xuất những cây, con phục vụ trực tiếp cho đồng bào trong vùng và bán cho những người buôn bán nhỏ. Đây cũng chính là những mầm mống manh nha để có thể phát triển sản xuất hàng hoá, nếu như chúng ta khai thác đúng và phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng địa phương.

+ Các hộ nông dân đã mạnh dạn đầu tư bỏ vốn vào sản xuất và mở rộng diện tích, quy mô sản xuất, chế biến dịch vụ và phát triển chăn nuôi, đáng chú ý ngành nghề kinh doanh tổng hợp mua bán đã đáp ứng đến từng xã, bản kể cả các xã vùng cao đã tăng thêm việc, giải quyết công ăn việc làm cho người nông dân, hạn chế việc du canh, du cư. Mặt khác, Nghị quyết 10 bước đầu đã tạo ra trong nông dân có tư tưởng muốn tìm hiểu việc chuyển giao kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi. Nông dân đã bước đầu chế biến được các sản phẩm thô, như: tơ tằm, mía đường, tinh bột sắn...

+ Nhằm khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, huyện Yên Châu cũng đã có những chủ trương giúp đỡ nhân dân tháo gỡ những khó khăn về vốn, kỹ thuật kết hợp với việc tổ chức báo cáo các mô hình kinh tế hộ trong và ngoài huyện đến các cơ sở để bà con trao đổi, học hỏi kinh nghiệm về cách làm ăn giỏi và cử một số cán bộ xã có năng lực đi tham quan học hỏi kinh nghiệm mô hình kinh tế hộ nông dân miền núi sản xuất giỏi.

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị của Yên Châu từ năm 1988 đến nay, nhìn chung kết quả thu được là đáng phấn khởi, tốc độ tăng trưởng nhanh, GDP bình quân 6,7%, có năm xấp xỉ 7,1%, số hộ giàu tăng nhanh, hàng năm giảm từ 80 - 83 số hộ đói, đến năm 2007 còn khoảng > 30% số hộ nghèo (*theo tiêu chí mới*) [28]. Đời sống nhân dân từng bước được ổn định, cải thiện cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, sự phát triển trong thời gian qua giữa các xã vẫn không đồng đều. Qua việc điều tra năm 2005 sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, kết quả như sau:

Xã khá: Thu nhập bình quân lương thực đạt 100 kg/người xấp xỉ tiền là 1.200.000 đồng/người/tháng.

Xã trung bình: Thu nhập bình quân lương thực 60 kg/người/tháng xấp xỉ số tiền là 640.000 đồng/người/tháng.

Xã nghèo: Thu nhập bình quân lương thực 30 kg/người/tháng xấp xỉ số tiền là 320.00 đồng/người/tháng.

Đến năm 2007, thu nhập đầu người trung bình gần 350 USD/năm [30].

Như vậy sự chênh lệch về thu nhập giữa xã khá, xã nghèo là khá lớn, nhiệm vụ đặt ra với các ngành trong huyện phải có biện pháp tổ chức, chỉ đạo giúp đỡ đến từng tiểu vùng trên địa bàn huyện để ổn định đời sống và từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, con nuôi phù hợp, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa cần có sự ưu tiên và giúp đỡ kịp thời và cụ thể.

- **Về mặt hạn chế** khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị:

Trong những năm thực hiện Nghị quyết 10 đã tạo ra được đội ngũ cán bộ cơ sở xã, bản năng động sáng tạo, bám sát thực tế có tư duy năng động trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ở nông thôn, đã tạo cho người dân năng động, tự chủ trong sản xuất kinh doanh ... bên cạnh những mặt được khi thực hiện Nghị quyết 10 tuy có một số cán bộ dám đổi mới song vẫn còn không ít những cán bộ thiếu năng lực quản lý và trình độ chưa xứng với cương vị lãnh đạo, chưa tạo ra được một đội ngũ cán bộ trẻ năng động và đồng bộ trên toàn huyện. Còn nhiều tư tưởng bảo thủ của một bộ phận nông dân chưa dám đổi mới hoặc do thiếu kinh nghiệm, thiếu vốn... làm cho kinh tế Yên Châu trong những năm qua chậm phát triển so với tiềm năng, điều kiện vốn có để phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn Yên Châu theo hướng sản xuất hàng hoá.

### **2.2.2. Thực trạng kinh tế hàng hoá của hộ nông dân ở Yên Châu trong thời gian qua**

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, thời gian qua, nông nghiệp Yên Châu đã thu được nhiều thắng lợi trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nhìn chung nông nghiệp Yên Châu tuy có khởi sắc nhưng vẫn trong tình trạng chưa thoát khỏi tư tưởng tự cung, tự cấp, còn mang nặng tính chất sản xuất manh mún, chưa mang tính hàng hoá.

Chúng ta chuyển kinh tế hộ sang kinh tế hàng hoá từ điểm xuất phát thấp. Trong bài phát biểu của đồng Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị Trung ương 5. khoá VII đã chỉ rõ: "Mặc dù có nhiều tiến bộ, nhưng cơ bản nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp, tỉ suất hàng hoá thấp và hiệu quả không cao, chủ yếu lấy công làm lãi, năng suất cây trồng, vật nuôi, nhất là năng suất lao động thấp xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới...". Vấn đề trên đối với một huyện miền núi là

quá rõ nét, đặc biệt đối với huyện Yên Châu kinh tế hộ nông dân được thể hiện trong những nét đặc thù cơ bản:

- Kinh tế hàng hoá của hộ nông dân còn mang tính sản xuất hàng hoá nhỏ tự cung, tự cấp là chính. Theo kết quả điều tra của Phòng Thống kê huyện về kinh tế hộ được phân ra làm 3 loại chính:

+ Nhóm hộ A (8-10%), thu nhập từ 25 triệu đồng trở lên, trong đó có hộ thu nhập từ 50 - 100 triệu đồng. Đây là nhóm hộ có năng lực sản xuất hàng hoá, những hộ này có sự phân công lao động và có sự đầu tư lớn vào sản xuất tùy từng vùng, từng vị trí mà sản xuất: Lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu, chăn nuôi... với diện tích lớn, số lượng thu hoạch lớn và có nơi tiêu thụ hàng hoá. Bên cạnh sản xuất hàng hoá họ còn đứng ra làm dịch vụ thu bán của những hộ nông dân sản xuất có nhu cầu mua bán hàng hoá. Trong những hộ được gọi là giàu có nêu trên, có trên ½ số hộ sản xuất theo mô hình trang trại nhỏ - mô hình VAC, kinh tế hàng năm ngoài việc thu nhập vài triệu đến vài chục triệu đồng là những hộ kinh tế trang trại gia đình. Ngoài ra, họ còn có tài sản vườn, rừng, ao, hồ trị giá hàng trăm triệu đồng, những hộ này luôn có hướng mở rộng và đầu tư vào sản xuất, họ sẵn sàng tiếp nhận khoa học công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp miền núi.

+ Nhóm hộ loại B (50- 60%), đây là nhóm mang tính chất tự túc, tự cấp, cơ cấu kinh tế mang nặng tính thuần nông, đang từng bước vận động nên phải sản xuất hàng hoá. Đặc điểm của hộ này là những lao động trẻ, dồi dào sức lao động, nhưng thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm quản lý và sản xuất. Sản xuất còn mang nặng tình trạng sản xuất tất cả những gì có thể sản xuất được về vật nuôi, cây trồng để phục vụ đời sống là chính nên năng suất thấp, hiệu quả kinh tế kém. Các hộ này vốn lấy cây lúa, cây ngô làm vị trí chủ đạo, chưa phát huy được mô hình VAC. Mặc dù có tiềm năng, nhưng còn trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Bình quân thu nhập từ 15- 20 triệu đồng/hộ.

+ Nhóm hộ loại C (20- 30%), loại hộ này sản xuất không đủ tiêu dùng, không có khả năng tái sản xuất giản đơn, nhóm hộ này chủ yếu là độc canh cây lương thực, không có kinh nghiệm sản xuất, năng suất đạt thấp, thu nhập nhiều khi không đủ chi phí, không có khả năng đầu tư thâm canh và phát triển ngành phụ vì không có vốn hoặc có thì vay

nặng lãi không có khả năng hoàn trả hoặc có trả thì lại rơi vào tình trạng mua đất, bán rẻ đã dẫn đến sự thiếu trước hụt sau, đói kém triền miên, khoảng cách phân hoá giàu nghèo ngày càng xa. Thu nhập dưới 10 triệu đồng/hộ.

Qua phân tích đặc điểm kinh tế 3 loại hộ điển hình của huyện Yên Châu cho thấy, kinh tế hộ phần lớn mang tính tự cấp, tự túc chưa mang tính chất sản xuất hàng hoá.

- Cơ cấu kinh tế hộ nông dân mang nặng tính thuần nông, độc canh, độc cư là chủ yếu, hầu hết lao động nằm trong lĩnh vực sản xuất vật chất có sự liên quan trực tiếp đến quá trình sinh học cây con. Cơ cấu ngành nghề chi phối cơ cấu thu nhập của hộ nông dân từ trồng trọt 65- 70%, chăn nuôi 20 - 30% các nghề khác, như: mộc, rèn hàn, gạch ngói, sản xuất hàng thủ công, chăm độm 10 - 15% [30]...

- Thị trường hàng hoá nghèo nàn và đơn điệu, vừa thiếu vừa kém chất lượng, chăn nuôi còn mang nặng tính tận dụng, chưa mang tính sản xuất hàng hoá chăn nuôi với khối lượng lớn hoặc chưa phát triển được nghề nuôi cá, tôm, mà đặc điểm khí hậu Yên Châu rất phù hợp, hệ thống ao hồ của các hộ nông dân phát triển với tỉ lệ cao trong các hộ (50 - 60% số hộ). Ngoài việc phát triển các loại cây ăn quả (nhãn, mận, mơ, xoài...), cây thực phẩm (rau màu, đậu đỗ...) còn mang tính tự sản, tự tiêu, chưa mang tính chất sản xuất hàng hoá bởi không có thị trường tiêu thụ, mặc dù đất đai có khả năng thâm canh, xen vụ được.

Nhìn chung sản xuất hàng hoá Yên Châu trong thời gian qua hầu hết tồn tại ở dạng thô sơ hoặc sơ chế, chưa có nông sản tinh chế, đặc biệt là các loại hoa quả đặc sản của Yên Châu, như: xoài, chuối, dứa, mơ, mận... giá cả thường rất rẻ hoặc không tiêu thụ được khi được mùa.

Có thể nói, trong những năm gần đây (sau khi thực hiện Nghị quyết 10 của Trung ương), nông nghiệp, kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu có sự phát triển, nhưng sự dịch chuyển cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp chưa thực sự được chú ý đúng mức. Số hộ nông dân phần lớn vẫn còn tư tưởng sản xuất để tiêu dùng, nhất là đối với lương thực, thực phẩm, thừa thì mới mang đi bán (vì họ lo không có gạo ăn như những năm bao cấp). Do đó đã dẫn đến tình trạng chưa chú ý đến việc sản xuất cho thị trường. Tuy nhiên trong kinh tế hộ nông dân cũng đã xuất hiện một số hộ đã có hướng đi đúng, có hướng sản xuất



hàng hoá nhưng vẫn còn e dè và lúng túng trong vấn đề thị trường tiêu thụ. Vấn đề đặt ra là sản xuất cái gì?, sản xuất cho ai.? và sản xuất như thế nào? không chỉ đòi hỏi các hộ nông dân phải giải quyết chuyển hướng tư duy trong sản xuất, mà vấn đề mấu chốt để phát triển sản xuất hàng hoá theo mô hình trang trại thì các cấp, các ngành trong huyện phải có những phương hướng, giải pháp hướng dẫn, phổ biến, tìm hiểu nguyên nhân, nguyện vọng của dân để tạo điều kiện hướng dẫn người nông dân, đặc biệt kinh tế hộ từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

**\* Những nguyên nhân cơ bản làm cho nền kinh tế hàng hoá hộ nông dân kém phát triển:**

- Thứ nhất là vấn đề ruộng đất: Do hầu hết nông dân gắn liền với sản xuất nông nghiệp, nên ruộng đất là mối quan tâm hàng đầu của nông dân vì nó là tư liệu sản xuất cơ bản, là điều kiện đầu tiên quyết định để người nông dân thực hiện tái sản xuất của cải vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình. Từ khi có Luật đất đai (1993) nhưng trong quá trình thực hiện còn lúng túng, chậm chạp, nhiều khi giữa quyền sở hữu và sử dụng chưa được người dân hiểu rõ hoặc việc giao đất giao rừng còn manh mún, phân tán. Đây là một vấn đề cản trở đến phát triển kinh tế hàng hoá. Sự phân định địa giới giữa các xã chưa rõ ràng cụ thể gây nên tình trạng tranh chấp đất đai giữa các hộ nông dân các xã, các hộ nông dân với nhau gây mất ổn định chính trị và ảnh hưởng xấu đến phát triển nông nghiệp nông thôn. Để khắc phục những tồn tại hạn chế, năm 1998, Luật đất đai đã có sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Luật đất đai năm 1993. Với tổng số gần 15000 hộ với tổng diện tích gieo trồng 15.800 ha, như vậy mỗi hộ có diện tích canh tác xấp xỉ 1 ha (mỗi hộ vào khoảng 4 nhân khẩu). Song do sự phân bố dân cư không đều nên việc giao đất giao rừng cũng không phải là sự cân bằng mà có những hộ có khả năng và có số lao động chính và đông thì được giao nhiều hơn hoặc do các xã vùng cao đất đai rộng, dân số lại ít nên khả năng sử dụng đất không hết, tạo nên nơi thừa, nơi thiếu đất canh tác. Vì vậy, cần có chính sách phù hợp để nhân dân mở rộng khai hoang phát triển kinh tế mới ở vùng sâu, vùng xa.

Đối với vùng thấp do quỹ đất có hạn, việc sử dụng thiếu sự đầu tư và cải tạo đất nên đất đai ngày càng bạc màu đã gây ảnh hưởng đến việc phát triển các loại cây lương thực,



chất hình thức như "muối bỏ biển" chưa đáp ứng được nhu cầu về đời sống xã hội, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

### **2.2.3. Những vấn đề đặt ra cho kinh tế hộ nông dân ở huyện Yên Châu**

Qua tổng kết đánh giá quá trình phát triển kinh tế - xã hội Yên châu qua các thời kỳ, đặc biệt là sự hình thành và phát triển kinh tế hộ nông dân cho thấy, cùng với điều kiện tự nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội có tác động ảnh hưởng đến kinh tế hộ nông dân qua các thời kỳ, nhất là thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, những năm gần đây kinh tế hộ nông dân đã được quan tâm và có nhiều hướng phát triển phù hợp vốn từng vùng, từng miền. Đối với huyện Yên Châu, kinh tế hộ nông dân tuy đã có nhiều chuyển biến và khởi sắc, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra cần được tháo gỡ, định hướng giúp hộ nông dân phát triển kinh tế đúng hướng có hiệu quả:

- Về sản xuất nông nghiệp có thể đánh giá rõ rệt, cùng với chủ trương mở rộng do lưu thông lương thực, sản xuất lương thực được chú trọng phát triển theo hướng thâm canh, tăng vụ, áp dụng nhiều giống mới có năng suất cao, sản lượng lương thực quy thóc hàng năm tăng nhanh, từ năm 1996 đến nay tốc độ tăng hằng năm khoảng 4,0% (thời kỳ 1991 và 2001- 2005 đạt 3,35%, thời kỳ 1996 - 2000 đạt 4,24% và 2001 - 2007 đạt 4,42%. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng đã ổn định góp phần đảm bảo an ninh lương thực địa phương [30].

Do an ninh lương thực được đảm bảo nên khuyến khích các hộ nông dân đẩy mạnh phát triển công nghiệp hàng hóa, như: mía, mơ, mận, xoài, chuối... , phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm như trâu, bò, dê, lợn, gà, vịt... vụ phát triển thu nhập như: cày, cấy, ba ba ...

- Về lâm nghiệp thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng theo các chương trình 327, 109, 661... phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng xã hội hoá, giảm lâm nghiệp với công tác tái định canh, định cư, với cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo, với phong trào san hô, giảm nhận đất trồng trọt, lập trang trại nông, lâm nghiệp theo từng hộ nông dân. Diện tích rừng tự nhiên hiện có. Nhờ đó đã được khoanh nuôi bảo vệ có hiệu quả cơ bản diện tích đất trồng, đồi trọc đã được thu nhập do công tác khoanh nuôi rừng tự nhiên theo nhóm và trồng rừng mới có tiến bộ. Trong lâm nghiệp đã xuất hiện mô hình vườn - đồi - rừng gắn phát triển cây lấy gỗ với phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả và

chăn nuôi, thực hiện phương thâm lúa ngắn nuôi dài, canh tác và khai thác kinh doanh nhiều tầng, lâm, ngư với nông, ngư - tạo nên nguồn lực để phát triển và sử dụng đất đai có hiệu quả hơn. Qua đó, phản ánh sự cố gắng, tiến bộ của hình thức kinh tế hộ nông dân đã nói lên việc tổ chức sản xuất cụ thể về cơ bản do hộ nông dân thực hiện trên mảnh đất “tự do” (*đất được giao quyền sử dụng*) một cách có hiệu quả theo suy nghĩ của hộ nông dân.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong mô hình kinh tế hộ nông dân, nhưng quá trình phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Châu thời gian qua cũng bộc lộ nhiều khó khăn yếu kém: Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người khoảng 300USD/năm, song nguồn ngân sách chủ yếu vẫn dựa vào Trung ương là chính. do sự chênh lệch khoảng cách giữa những hộ giàu - nghèo vẫn còn lớn. Đến nay (2008) vẫn còn khoảng 30% số hộ nông dân thuộc diện hộ nghèo và phần lớn các hộ nghèo lại thuộc các huyện, xã vùng cao, biên giới.

Cơ cấu kinh tế có chuyển biến nhưng còn chậm, còn thiên nặng về sản xuất nông nghiệp và các ngành công nghiệp, ... dịch vụ có biến đổi song còn chậm. Đặc biệt, đến nay chưa có nhà máy chế biến nào đóng trên địa bàn huyện; Hệ thống dịch vụ còn nhỏ lẻ, chủ yếu là hàng tiêu dùng và vật tư cho sản xuất nông nghiệp ở cơ sở xã và trung tâm huyện.

Sản xuất nông nghiệp, nhất là những năm sau thời kỳ đổi mới, những năm gần đây đã có tiến bộ, nhưng so với tiềm năng và thế mạnh thì việc khai thác, phát huy hiệu quả còn thấp, sản xuất nông nghiệp còn mang tính sản xuất hàng hoá nhỏ. Sự liên kết giữa các doanh nghiệp với kinh tế hộ nông dân chưa thực sự rõ rệt, chưa tạo được động lực chung cho sự phát triển mà còn mang tính thu lợi cá nhân, độc quyền cá nhân trong việc sản xuất kinh doanh và mang tính manh mún, thời vụ, thời điểm. Cây lương thực vẫn chiếm tỉ trọng lớn, cây công nghiệp, cây ăn quả chưa nhiều, chăn nuôi tuy có phát triển nhưng sản phẩm hàng hoá còn ít, việc đưa giống mới vào áp dụng còn chậm ít, nhiều hộ nông dân vẫn còn giữ giống bản địa (vì dễ chăm sóc, ít dịch bệnh...).

Trong sản xuất nông nghiệp tuy đã có tiến bộ, việc khoanh nuôi và bảo vệ rừng giao cho các hộ nông dân. Nhờ vậy, rừng đã được bảo vệ tốt hơn, nhưng so với yêu cầu tăng nhanh độ che phủ rừng gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường rừng phòng

hệ đầu nguồn bảo vệ nguồn nước cung cấp nước cho thủy điện Hoà Bình và các thủy điện nhỏ trong tỉnh... thì tiến độ còn chậm, kém hiệu quả, thể hiện trong việc chăm sóc, bảo vệ rừng còn yếu kém, chưa được chú trọng. Rừng trồng gắn với các dự án, nhiều rừng khi dự án kết thúc thì rừng cũng biến mất ... mặt khác sản phẩm lâm nghiệp chưa nhiều, giá trị đóng góp vào nền kinh tế còn ít, đời sống người nông dân và các hộ nông dân trồng rừng còn khó khăn về vật chất và tinh thần, người nông dân có tư tưởng chán nản và không muốn bám rừng để phát triển kinh tế hộ nông dân.

Đối với các cơ sở kinh doanh sản xuất và dịch vụ phát triển còn chậm, nhất là các xã, bản vùng cao biên giới (mặc dù các xã này trong huyện Yên Châu nằm giáp biên giới nước CHDCND Lào đều có cửa khẩu hoặc các trạm Biên phòng có đường thông thương sang các huyện phía Bắc Lào). mạng lưới chợ, cửa hàng còn thưa thớt, nhiều xã, bản không có chợ đã làm cho việc mua bán sản phẩm hàng hoá gặp nhiều khó khăn, thu rẻ - mua đắt vẫn thường xảy ra hoặc tình trạng mua phải hàng giả, hàng kém chất lượng, nhất là một số vật tư nông nghiệp, như: giống cây trồng, phân bón, thuốc trừ sâu,... vẫn còn là phổ biến.

Trong dịch vụ du lịch ở nhiều cơ sở, có hệ thống hồ ao, hang động, rừng... nguồn nước phong phú là tiềm năng cho du lịch sinh thái phát triển, nhưng đến nay vẫn chưa được quan tâm đầu tư và phát huy cho phù hợp với lợi thế hiện có. Ngoài ra, một số dịch vụ quan trọng, như: tài chính, ngân hàng, Bảo hiểm... chưa được quan tâm phát triển cho phù hợp với sự phát triển kinh tế địa phương.

Tỉ lệ huy động ngân sách thấp, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách của chính Trung ương, nên kinh tế thật sự chưa có tích lũy để tái sản xuất mở rộng, thu không đủ chi, thu mới chỉ đảm bảo khoảng 10% sản xuất, hàng hoá kém phát triển, sản phẩm hàng hoá chủ yếu là thô, chưa qua chế biến nên giá trị thấp, trong nhiều năm qua hàng hoá sản phẩm của hộ nông dân bán ra còn gặp nhiều khó khăn, thu không đủ chi mua vật tư và trả công lao động. Nhìn chung đời sống người nông dân còn gặp nhiều khó khăn, còn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên (khí hậu, thời tiết...).

Về sự nghiệp giáo dục: Đã có nhiều tiến bộ, đã được các cấp, các ngành quan tâm phát triển, đến nay hầu hết ở các cơ sở xã, bản vùng sâu, vùng xa đều có trường, lớp để

dạy văn hoá cho con em các dân tộc, song do điều kiện khó khăn về kinh tế nên nhiều hộ nông dân không cho con em đi học hoặc họ chỉ cần con em họ học đến biết đọc, biết viết là cho nghỉ ở nhà để cùng gia đình tham gia lao động sản xuất. Chính vì vậy đã dẫn đến tình trạng dân trí ở đây thấp, tỷ lệ tái mù chữ còn cao ở một số bản vùng cao, xa xôi hẻo lánh và những người cao tuổi, tỷ lệ này chiếm nhiều nhất là ở các dân tộc ít người, như: Mông, Sinh Mun, Kơ Mú ...

Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ cho dân ở đây còn bộc lộ nhiều bất cập yếu kém. Đến nay hệ thống cơ sở y tế bản chưa được đầu tư, tình trạng một số bệnh, như: sốt rét, bấu cổ... tuy đã được quan tâm, nhưng nhìn chung vẫn chưa được giải quyết triệt để. Sức khoẻ người dân trong vấn đề tư vấn, chăm sóc còn thấp, mới chỉ dừng lại ở tuyên truyền phòng, chống hoặc cao hơn nữa là có thể bảo hiểm y tế. Song việc thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ y tế vẫn còn nhiều bất cập và khó khăn về thủ tục hành chính. Ngoài ra, các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, rượu chè ... nơi đây vẫn còn là vấn đề bức xúc, nhức nhối của xã hội.

Kết cấu hạ tầng những năm qua, mặc dù được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, dự án về điện, đường, trường, trạm, hệ thống thông tin liên lạc đã được đầu tư xây dựng, nhưng do công tác quản lý, tu sửa, bảo quản thiếu thường xuyên liên tục, cùng với chất lượng xây dựng không đảm bảo, nên sau một thời gian, nhất là hàng năm sau mùa mưa lũ, hệ thống giao thông, thuỷ lợi bị hư hỏng nặng gây trở ngại cho phát triển kinh tế - xã hội trong huyện, đã tác động ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của hộ nông dân.

- Với điều kiện tự nhiên: Đất đai khí hậu phù hợp với việc phát triển một số cây, con để trở thành hàng hoá, phù hợp với trình độ của bà con nông dân trong huyện. Song trong thời gian qua do mới dừng lại ở mức độ bóc lột và khai thác tự nhiên một cách thuần tuý, nên các lợi thế đó đang bị suy giảm nghiêm trọng, biểu hiện rõ nhất là: Diện tích rừng suy giảm, đất trống, đồi trọc, bạc màu, nguồn nước cạn kiệt, động, thực vật rừng giảm về số lượng, lượng lâm sản khai thác quá lớn... đang là vấn đề báo động cấp độ cao. Thế mạnh để phát triển là cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi và lâu dài có

thể rừng và động vật rừng, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá. Chỉ mới là tiềm năng để đưa vào khai thác, sử dụng trong thời gian tới một cách có hiệu quả bền vững.

- Là một vùng giáp biên giới Lào (có 47 km đường biên giới), khu vực giáp ranh được bà con nông dân lâu đời nay canh tác và sinh sống (một số hộ nông dân vùng biên giới còn có anh em họ hàng, bạn bè đang sinh sống bên nước bạn Lào). Do đó, việc phát triển kinh tế hộ nông dân, ngoài việc phát triển bền vững, đảm bảo môi trường sinh thái, đảm bảo giữ được rừng đầu nguồn, còn một vấn đề quan trọng là đảm bảo an ninh biên giới, an ninh quốc gia và cộng đồng. Sự đoàn kết cùng phát triển kinh tế - xã hội theo quy định luật pháp của mỗi quốc gia. Do vậy, vấn đề phát triển kinh tế hộ nông dân là đầu tư phát triển nguồn lực quốc gia, đảm bảo quốc phòng, an ninh biên giới.

- Kinh tế hộ nông dân tuy đã có những bước phát triển nhất định, đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, nhưng so với cả nước và nhiều vùng trong cả nước nhưng vẫn là một trong những vùng phát triển chậm. Do đó, điểm xuất phát để phát triển đi lên thấp, kinh tế hộ nông dân vận động trong điều kiện đó đang gặp nhiều khó khăn: Trong lúc các hộ nông dân đang có sự thay đổi khá nhanh ở các vùng đồng bằng, trung du ngay cả trong tỉnh Sơn La là 2 huyện giáp gianh là Mai Sơn và Mộc Châu đã hình thành nhiều mô hình kinh tế hộ nông dân đem lại hiệu quả kinh tế cao và đã được nhân rộng, song phần lớn là lối làm ăn cũ, mang nặng tính tự cung, tự cấp, đập khuôn, máy móc, nặng về kinh nghiệm, chậm đổi mới tư duy trong sản xuất kinh doanh... gây trì trệ trong đổi mới sản xuất kinh doanh, không dám đầu tư vào sản xuất, nhất là trong việc vay vốn ưu đãi của Nhà nước để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của các hộ, nhóm hộ nông dân. Vì vậy, các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng mạnh dạn đầu tư, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ và tiến đến liên doanh, liên kết giữa các hộ, giữa hộ với các doanh nghiệp là rất cần thiết để bứt phá lối làm ăn "ăn chắc, mặc bền" của người nông dân.

Trong giai đoạn hiện nay, với những chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, đặc biệt đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân miền núi, với những lợi thế so sánh về đất đai, khí hậu,... cùng với sự khát khe của quy luật khách quan của kinh tế thị trường và người tiêu dùng không có sự ưu ái, ưu

tiên, chiều cố cho hàng hoá miền núi do sản phẩm hàng hoá của các hộ nông dân sản xuất ra phải chịu chi phí đầu vào lớn (phân bón, thuốc trừ sâu, giống...) Việc chăm sóc do lao động thủ công, trong quá trình chăm sóc cũng như thu hoạch chủ yếu dùng sức cơ bắp lao động của người nông dân, cùng với việc bảo quản sau thu hoạch không tốt, dẫn đến sản phẩm nông sản hàng hoá của các hộ nông dân có giá thành cao, không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm của các vùng hoặc các huyện khác, đã làm cho lợi nhuận thấp, chi phí lại cao, có khi sản phẩm hàng hoá của nhiều hộ nông dân bán ra không đủ chi phí vốn đầu tư.

Một vấn đề tồn tại trong phát triển kinh tế hộ nông dân nữa, là việc người dân sản xuất kinh doanh mang tính tự phát theo phong trào dẫn đến tình trạng sản xuất thừa, cung vượt cầu. Hàng hoá nông sản của nông dân một là bị tư thương ép giá, hai là hàng không bán được, xảy ra tình trạng ứ đọng sản phẩm nông sản; sản phẩm không tiêu thụ được bị mối mọt, thối rữa, phải bỏ đi. Do hàng nông sản không bán được, người nông dân thua lỗ vốn, không có tiền trả Ngân hàng, họ phải đi vay nặng lãi, bán quyền sử dụng đất... cuối cùng đẩy các hộ nông dân vào cảnh làm thuê, cuốc mướn, bị đất hơn nữa là bị phá sản. Ngoài ra, với địa hình miền núi, vốn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp cao, thời gian thu hồi vốn chậm và lâu, đôi khi gặp rủi ro nên các nhà đầu tư trong và ngoài nước thường ngại đầu tư vào các huyện và các tỉnh miền núi. Từ thực tế về điều kiện tự nhiên, xã hội và quá trình sản xuất kinh doanh của hộ nông dân trong huyện như vậy, đặt ra một số vấn đề cần phải giải quyết, đó là:

+ Vấn đề đất đai: Đối với các hộ gia đình nông dân vùng Tây Bắc nói chung, huyện Yên Châu nói riêng, có ưu thế về diện tích đất rừng, đất chưa sử dụng và độ phì nhiêu của đất. Với diện tích đất lâm nghiệp 44.026 ha, chiếm 39,6% diện tích đất đai toàn huyện. Trong đó có 16.139 ha là khoanh nuôi bảo vệ theo Luật, số còn lại là rừng tự nhiên; rừng trồng là 7844 ha, số đất còn lại là đất có khả năng làm nông lâm nghiệp. Rừng và đất rừng trong huyện có quá trình diễn thế thứ sinh, bị ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu và phương thức canh tác nương rẫy. Tuy nhiên, do đất đai còn khá màu mỡ nên tình hình tái sinh phục hồi rừng vẫn còn có thể theo đúng quy luật diễn thế tự nhiên của rừng, song số rừng có thể tái sinh cũng chỉ đạt từ 50 - 55%, số diện tích còn lại bị khai thác



bạc màu, cạn kiệt. Việc phục hồi tái sinh diễn ra chậm qua giai đoạn lau, cỏ, sậy... mới có khả năng phục hồi được. Do vậy, với diện tích đất rừng để đảm bảo sự tồn tại và phát triển vốn rừng, việc giao đất, giao rừng là hoàn toàn đúng và phù hợp để khuyến khích các hộ nông dân tham gia làm nghề rừng theo mô hình đôi rừng, trang trại rừng với mô hình nông - lâm kết hợp.

Với diện tích đất đai ở mức bình quân: Một hộ nông dân ở huyện Yên Châu có từ 8.000 m<sup>2</sup> đến 3 ha. Năng suất bình quân gieo trồng của các hộ nông dân còn rất thấp so với cả nước, chỉ đạt từ 55 - 60% mức năng suất các vùng đồi rừng trong cả nước, nhất là vùng đồng bào các dân tộc Mông, Sinh Mun. Do tiếp nhận những tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ rất chậm chạp và bảo thủ mang tính thụ động, ỷ lại, dẫn đến hiệu quả kinh tế không cao, năng suất không đạt 50% so với các vùng trong cả nước trên cùng một diện tích. Do điều kiện canh tác nên sự phát triển kinh tế hộ nông dân không bền vững, thậm chí còn có những hộ còn ngại tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ vào phát triển sản xuất nông nghiệp, họ quay lại theo con đường kinh tế hộ khép kín, chỉ nghĩ đến thu nhập và đời sống hiện tại trước mắt, gây nên tình trạng khi đến kỳ gặt hái, nhiều hộ rơi vào thiếu đói, thiếu ăn, phải đi vay nặng lãi để tiếp tục sản xuất, thậm chí có hộ còn bán quyền sử dụng đất, đi làm thuê trên chính mảnh đất của mình. Chính vì nếp nghĩ xưa cũ ấy đã tạo thành một vòng đói - nghèo luẩn quẩn do chính họ tạo ra.

+ Về lao động: Hộ gia đình nông dân được thừa nhận là một đơn vị kinh tế tự chủ, do đó được tự chủ về tổ chức lao động. Trong các công việc của nhà nông, các hộ nông dân dựa vào lực lượng nhân công trong gia đình là chính. Với tổng số hộ nông dân là 13.755 hộ với 62505 nhân khẩu (theo số liệu năm 2008) trung bình khoảng 4,5 nhân khẩu/1 hộ, nhưng thực tế ở vùng cao biên giới có những hộ có tới 7 - 8 nhân khẩu/1 hộ. Trong những năm gần đây, cơ cấu lao động ở nông thôn đã có những thay đổi sang những lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ có tăng nhưng lao động nông nghiệp vẫn chiếm tỉ lệ cao (khoảng 81,5%).

Vấn đề đáng lo ngại là chất lượng nguồn lao động nông thôn trong huyện còn rất thấp, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo, có chăng các hộ nông dân chỉ được tập huấn học tập qua các chương trình dự án khuyến nông,... của huyện và của tỉnh trong

thời gian ngắn, mà chủ yếu là về định hướng chuyển đổi vật nuôi, cây trồng và giới thiệu đưa giống mới vào sản xuất... cho nên việc tiếp nhận kiến thức khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh còn thấp, thụ động, ỷ lại. Tình trạng nhiều hộ nông dân thậm chí còn ngại tiếp thu, họ không mạo mà với giống và phương pháp canh tác mới. Với chất lượng nguồn nhân lực lao động thấp đang là vấn đề khó khăn và còn khó khăn gấp nhiều lần khi mỗi lao động hiện nay phải nuôi bình quân từ 2- 3,5 người (số lao động 27, 950/62505 nhân khẩu). Vì vậy, thu nhập bình quân mỗi nhân khẩu còn thấp, những hộ gia đình giàu có số lượng thấp. Đây chính là nguyên nhân làm cho kinh tế huyện chậm phát triển.

+ Về cơ cấu lao động của kinh tế hộ nông dân trong huyện Yên Châu gồm: Lao động nông nghiệp, lao động bán nông nghiệp, lao động phi nông nghiệp. Qua tổng kết những năm qua cho thấy: Hộ thuần nông chiếm 92,34% tổng số hộ. Hộ lâm nghiệp chiếm 0,4%, hộ xây dựng 0,3%, hộ công nghiệp chiếm 1,5%, dịch vụ buôn bán, tiểu thủ công nghiệp 5,66%. Riêng trong sản xuất nông nghiệp có tới 96% lao động dành cho trồng trọt, chăn nuôi chỉ chiếm 4%. Về sản lượng nông nghiệp chủ yếu là lương thực, chiếm 90% giá trị sản lượng cây nông nghiệp khu vực nông thôn [41].

+ Nguồn vốn sản xuất kinh doanh: Khả năng tích tụ và tập trung vốn của đại bộ phận các hộ nông dân còn thấp. Nhìn chung, các hộ nông dân thiếu vốn để phát triển sản xuất, theo kết quả điều tra của Phòng Thống kê huyện Yên Châu năm 2007, có tới 65,3% số hộ đề nghị được bổ sung vay vốn. Tuy nhiên, mức độ và quy mô thiếu vốn ở các vùng, các ngành, các hộ nông dân khác nhau. Nếu như các vùng dọc quốc lộ 6 nhu cầu đề nghị được hỗ trợ vốn là 81,9% thì vùng cao biên giới trong huyện chỉ đạt 54,3%. Mức độ thiếu vốn của những hộ dân tộc Kinh là 75,7%, dân tộc Thái là 65%, Mông là 51,3%, Sinh Mun là 43,5%... Hậu quả của sự thiếu vốn là các hộ nông dân sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu trong các thời kỳ phát triển của cây trồng, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Do đại bộ phận các hộ nông dân trong huyện nghèo đến mùa vụ không có vốn để sản xuất phải mua bán chịu (ghi nợ) qua tư thương. Các cơ sở dịch vụ của huyện, xã không đủ cung cấp dẫn đến chi phí sản xuất cao, đẩy kinh tế hộ nông dân đứng trước một thực trạng: Quy mô thu

nhập bé nhỏ, khả năng tích lũy thấp, khả năng tái sản xuất hạn hẹp, không phát triển được.

Như vậy, tình trạng thiếu vật tư và vốn tự có đã hạn chế rất nhiều đến sự phát triển của kinh tế hộ. Trong khi đó, vốn đầu tư của nông nghiệp cho phát triển nông - lâm - ngư nghiệp vẫn còn ở mức độ thấp và dàn trải.

Tuy nhiên, hệ thống tín dụng trong những năm gần đây đã có sự tiến bộ rõ rệt, được tổ chức tốt hơn, lãi suất tín dụng được hạ thấp, việc cho vay vốn đối với những hộ nông dân nghèo ở mức độ thấp không phải thế chấp. Điều đó đã có tác dụng tốt đến phát triển sản xuất, giúp những hộ giàu mở rộng quy mô sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm; hộ nghèo đã có sự cân đối trong kinh tế gia đình. Tuy nhiên, trong tổng số hộ nông dân chỉ có khoảng 20% được đầu tư và vay vốn tín dụng nông nghiệp, tín dụng cho nông dân vay đạt thấp, mặc dù tỷ lệ số hộ được hỏi đề nghị vay hỗ trợ vốn chiếm trên 75%. Có hiện tượng nhiều hộ nông dân thiếu vốn, nhưng không muốn vay (đây là tâm lý người nông dân trong nền sản xuất cũ, vay vốn sợ không trả được nên làm ăn không thuận lợi), nên dẫn đến tình trạng có đơn vị xã thừa vốn tín dụng, không giải ngân được (mặc dù mức lãi suất tín dụng rất thấp, thậm chí trong 3 - 4 năm đầu cho vay với lãi suất = 0). Điều đó, phản ánh năng lực tổ chức sản xuất của các hộ nông dân còn nhiều hạn chế, khả năng đầu tư vào sản xuất, tư tưởng lo ngại trong vấn đề cung - cầu hàng hoá, giá cả, một mặt cũng phản ánh một phần yếu tố khách quan trong công tác tuyên truyền, vận động, khuyến nông đối với người nông dân, nhất là những nông dân ở vùng cao biên giới...

+ Hệ thống công cụ sản xuất: Hệ thống công cụ lao động trong hộ nông dân được coi là một trong những nguồn vốn cố định quan trọng của hộ nông dân, là thước đo mức trang bị kỹ thuật và trình độ sản xuất. Qua điều tra về kinh tế hộ nông dân trong huyện cho thấy: Số máy cày kéo loại lớn toàn huyện có khoảng 10 chiếc, máy cày nhỏ 65 chiếc, máy kéo loại nhỏ xấp xỉ 200 hộ nông dân/1 chiếc, có hộ nông dân chủ yếu dựa vào sức cơ bắp để cày cuốc ruộng nương và sức kéo của trâu bò (mỗi hộ có từ 1- 3 con trâu, bò để làm sức kéo), việc gieo trồng trên nương rẫy, vườn vẫn dùng hình thức dùng gậy chọc lỗ tra hạt hoặc dùng cuốc thuổng... Đây chính là thể hiện lối sản xuất nhỏ, manh mún và vẫn mang tính tập tục truyền thống. Ở vùng cao, điều kiện nhiều vùng có những cao

nguyên rộng lớn hàng trăm héc ta, nếu sử dụng máy móc kỹ thuật trong sản xuất sẽ giảm sức lao động cơ bắp cho các hộ nông dân và kịp thời vụ, đồng thời, đảm bảo vấn đề chăm sóc, tưới tiêu cho năng suất kinh doanh.

Với đặc thù sản xuất của các hộ nông dân trong huyện chủ yếu trồng trọt là chính, hàng năm người dân vẫn coi lúa, ngô, sắn là nguồn kinh tế chính cần thiết nhất trong đời sống và đối với mỗi hộ việc tích trữ lương thực luôn được coi trọng hàng đầu và đặt ra đối với mỗi hộ nông dân để họ yên tâm sản xuất. Điều đó chứng tỏ nền kinh tế hộ nông dân phần lớn vẫn mang tính tự cung, tự cấp. Hai loại hình canh tác truyền thống vẫn tồn tại khá phổ biến, đó là nông nghiệp dùng cuốc trên nương rẫy, theo phương thức chọc lỗ bở hạt với các dụng cụ phổ biến là cuốc, thuổng, dao, rìu...

Như vậy, cho thấy cơ cấu sản xuất của hộ nông dân trong huyện Yên Châu chủ yếu vẫn hướng vào phục vụ nhu cầu bản thân gia đình họ, nhằm bảo đảm trước hết là lương thực, thực phẩm và một số hàng tiêu dùng, như dụng cụ, bông vải, sợi... thể hiện tính tự cung, tự cấp, ăn chắc mặc bền trong tư tưởng người nông dân. Việc tạo lợi nhuận tuy họ có đề cập đến và mong muốn làm ra nhiều hàng hoá, của cải, nhưng không phải là mục đích chủ yếu trong tư tưởng hộ nông dân. Điều đó chứng tỏ việc sản xuất, canh tác theo các phương thức cũ có từ hàng ngàn năm trong sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động chính của hộ nông dân, trong đó trồng: lúa, ngô, khoai sắn chiếm khoảng 80 - 85% là nguồn thu từ ngành trồng trọt.

Tuy nhiên, cơ cấu sản xuất kinh tế hộ nông dân các xã dọc quốc lộ 6 của huyện Yên Châu dưới tác động của quá trình chuyển sang cơ chế thị trường đã có những khởi sắc mới, đã hình thành ra những mô hình tiêu biểu làm thay đổi canh tác, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ theo hướng sản xuất hàng hoá, ví dụ: một số bản Chiềng Kim, Chiềng Phú của xã Chiềng Sàng, người dân đã chuyển diện tích trồng lúa, ngô, khoai sang trồng rau màu phục vụ cho thị trường rau của huyện; một số hộ nông dân xã Chiềng Đông, Chiềng Păn đã cho thuê ruộng chuyển sang sản xuất gạch, ngói phục vụ nhu cầu xây dựng ở trong và ngoài huyện... Song nhìn chung, việc thay đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp diễn ra không dễ dàng, nó bị chi phối bởi nhiều yếu tố nhưng yếu tố quan trọng là: thị trường với tư cách là đối tác quyết định đến sự

hình thành cơ cấu sản xuất mới còn thiếu và yếu. Mặt khác, xuất phát từ quy mô sản xuất nhỏ bé, hạn chế về am hiểu kỹ thuật, về quản lý, về thị trường và chịu tác động của tập quán, thói quen... nên việc nâng quy mô sản xuất, phát triển những ngành nghề mới cũng rất hạn chế.

+ Về kỹ thuật canh tác: Với đặc điểm tự nhiên, khí hậu, đất đai và địa bàn cư trú của hộ nông dân gắn với thói quen, tập tục và lối canh tác như trên gắn liền với đất ruộng, đất nương và cũng là đối tượng sản xuất, tư liệu sản xuất quan trọng. Việc canh tác lúa nước của hộ nông dân chủ yếu là vùng thấp dọc đường quốc lộ 6 cũng đã đạt đến một trình độ nhất định về kỹ thuật canh tác để có hiệu quả, như: thời gian cày, cấy, gieo trồng... Song các hộ canh tác vẫn còn dựa vào điều kiện tự nhiên, khí hậu, thời tiết để gieo trồng, mà ở một số tỉnh vùng trung du, đồng bằng việc canh tác đã có nhiều kinh nghiệm và đúc rút qua thực tế sản xuất: "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống" mà các khâu đã thể hiện được một cách tổng quát quá trình canh tác của hộ nông dân.

Ngoài vấn đề canh tác lúa nước, các hộ nông dân chủ yếu tập trung làm nương rẫy và xây dựng vườn, đồi, nhà gắn liền với việc gieo trồng các loại cây, con trên đất dốc. Đây là hoạt động kinh tế cơ bản của hộ nông dân miền núi Tây Bắc nói chung và huyện Yên Châu nói riêng với kỹ thuật canh tác cày, cuốc, trọc lỗ bỏ, hạt gieo trồng trên nương là hình thức phổ biến, còn việc sử dụng máy cày kéo và áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác chỉ ở một số ít hộ nông dân có điều kiện đầu tư vào sản xuất. Kỹ thuật canh tác nhìn chung vẫn mang nặng tính chất truyền thống. Sự phát triển của các ngành công nghiệp chậm chạp, sự đổi mới công nghệ trong sản xuất diễn ra không đồng đều, không thành hệ thống dẫn làm các khâu trong quá trình sản xuất của kinh tế hộ chậm phát triển.

Lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm đã tồn tại từ lâu đời nhưng hiện nay vẫn kém phát triển, vẫn còn tình trạng chăn nuôi thả rông, quảng canh mà chưa quan tâm đến hiệu quả kinh tế hoặc chuyển đổi thành sản xuất hàng hoá.

Kỹ thuật canh tác nhìn chung mang nặng tính chất truyền thống, sự áp dụng chậm chạp những công nghệ mới và những thành tựu khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân chậm có sự thay đổi, ngoài sự thiếu vốn, yếu kém về kỹ thuật, về cơ sở hạ tầng, về thị trường... đã hạn chế rất nhiều đến việc tiếp nhận kỹ

thuật mới thay thế kỹ thuật canh tác truyền thống là vấn đề đang đặt ra đối với vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân của huyện Yên Châu.

+ Vấn đề quy mô sản xuất: Qua khảo sát thống kê hàng năm của Phòng Thống kê và Phòng Nông nghiệp huyện Yên Châu, về kinh tế hộ nông dân cho thấy: Đại bộ phận các hộ nông dân có quy mô sản xuất nhỏ, diện tích canh tác trung bình từ 0,5 đến 1 héc ta, sử dụng lao động chủ yếu là nhân công của gia đình với hệ thống công cụ kỹ thuật canh tác thủ công và truyền thống. Sản xuất kinh doanh của hộ nông dân hầu hết được xem không phải là sản xuất hàng hoá, mục đích sản xuất chủ yếu để tạo ra những nông sản, gia súc, gia cầm phục vụ cho gia đình hộ nông dân. Mặc dù thực tế những năm gần đây đã có một số hộ có quy mô sản xuất khá mang tính sản xuất hàng hoá song chưa nhiều, chưa liên tục do gặp phải một số khó khăn như vốn, thị trường và cơ sở hạ tầng, thông tin... Để khắc phục, cần triển khai đồng bộ các giải pháp như mở rộng diện tích canh tác, nâng cao trình độ thâm canh, tăng cường các hoạt động dịch vụ khuyến nông. Đặc biệt, việc xác lập, hình thành đồng bộ các thị trường về vốn, thông tin, khoa học kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... để hình thành tư tưởng và lối làm ăn mới cho hộ nông dân sang sản xuất hàng ho ,.

+ Về môi trường sản xuất kinh doanh: Trong những năm qua, với cách làm ăn sản xuất nhỏ mang tính tự cung, tự cấp là chính, đã tạo nên thị trường không ổn định (khi thì thừa, khi thì thiếu) dẫn đến kinh tế hộ nông dân hoạt động trong môi trường không thuận lợi, không phát huy được lợi thế; một mặt, sự phân công lao động sản xuất không phù hợp, lao động chủ yếu là sản xuất nông nghiệp chiếm 85,3%, cơ cấu kinh tế còn nặng về nông nghiệp.

Mặt khác, sự hình thành các thị trường nội vùng còn chậm hình thành, nếu có, mới chỉ có ở các trung tâm thị trấn, thị tứ, nhưng nhìn chung còn kém phát triển, hạn chế đến đầu ra và đầu vào của sản phẩm nông nghiệp, làm hạn chế khả năng khai thác năng lực nội sinh của kinh tế hộ. Các công nghệ cải tiến không những ở trình độ thấp mà việc ứng dụng triển khai chung trên địa bàn nông thôn các xã, bản còn chậm, đôi khi không phù hợp. Ngoài ra, việc khai thác rừng tự nhiên bừa bãi, không theo quy hoạch, đã gây nên biến đổi khí hậu môi trường tự nhiên. Các chính sách của Đảng và Nhà nước những năm

gần đây tuy có tác dụng tích cực đến phát triển kinh tế hộ nhưng còn thiếu đồng bộ và chậm được cụ thể hoá, có nơi triển khai còn không đúng, không hết đối tượng.

+ Về thu nhập: Các hộ nông dân phụ thuộc chủ yếu vào kết quả sản xuất và phương thức phân phối. Mức thu nhập phản ánh trình độ sản xuất, quy định mức sống, khả năng tiêu dùng, khả năng tích lũy, khả năng tái sản xuất mở rộng. Những năm qua (kể từ khi chuyển sang kinh tế hộ) mức sống của hộ nông dân đã có những chuyển biến tích cực. Qua khảo sát thực tế hộ nông dân trong toàn huyện cho thấy, 55% hộ nông dân thuần nông được hỏi cho rằng mức sống có khá hơn; hộ kiêm ngành nghề 71,2%; hộ buôn bán dịch vụ 60,5%. Theo vùng kinh tế: vùng thấp (đọc quốc lộ 6) có 64,2% cho rằng mức sống của họ có khá hơn trước, vùng cao, vùng biên giới có 38,4%. Đối với hộ các dân tộc 70,7%, hộ dân tộc Kinh được hỏi đã trở lại mức sống đã khá lên, dân tộc Thái là 61,5%, Sinh Mun 37%, dân tộc Mông 37,5% [28]... Như vậy, trong quá trình đổi mới, mức sống chung của một bộ phận gia đình hộ nông dân được cải thiện và tăng lên. Sự phân hoá trong nông thôn giữa các hộ giàu, hộ nghèo mới ở mức độ thấp và chậm, các hộ có thu nhập khá có khả năng tích lũy để tái sản xuất mở rộng còn quá ít, đại bộ phận hộ nông dân vẫn ở trong tình trạng tự cung, tự cấp, ít có khả năng tích lũy để tái mở rộng sản xuất. Mức thu nhập giữa các dân tộc trong huyện còn cách biệt, tạo ra tâm lý lo ngại trong việc đầu tư sản xuất kinh doanh và liên kết hợp tác giữa các hộ nông dân sản xuất kém, không có vốn, không có diện tích đất canh tác nhiều...

Như vậy, qua nghiên cứu tổng quát về thực trạng các nguồn lực và trình độ phát triển của kinh tế hộ nông dân trong toàn huyện Yên Châu, cho thấy, đời sống của một bộ phận nông dân gặp rất nhiều khó khăn, về nhiều mặt - mặt khó khăn lại nhiều hơn rất nhiều so với thời cơ, thuận lợi, đó là về các yếu tố sản xuất, như: đất đai, lao động, nguồn vốn, công cụ sản xuất manh mún thủ công, lạc hậu chưa thực sự thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp. Quy mô sản xuất dựa trên các yếu tố sản xuất yếu kém và trình độ công nghệ lạc hậu, rất nhỏ bé với môi trường kinh doanh lại không thuận lợi. Thu nhập giữa các hộ nông dân không đồng đều, nghèo túng còn là hiện tượng phổ biến, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Những tồn tại yếu kém nêu trên trong kinh tế hộ nông dân là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất:* Do trình độ nhiều mặt kinh tế hộ nông dân thấp, kém phát triển, hoặc phát triển không đồng đều, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tư tưởng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước còn nặng nề, thiếu thông tin về thị trường, thông tin về mô hình kinh tế hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi trong huyện, tỉnh và cả nước. Thị trường thiếu; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội kém phát triển; dịch vụ nông thôn thiếu liên kết, hợp tác yếu, chưa có định hướng để người nông dân nhận thức trong liên kết sản xuất - kinh doanh. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa được thường xuyên, sâu sát, nhất là đối với vùng sâu, vùng cao biên giới là những vùng khó khăn, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã bỏ trống thị trường nông thôn.

*Thứ hai:* Nhận thức về vị trí vai trò của kinh tế miền núi, kinh tế hộ nông dân miền núi của các cấp, các ngành trong huyện chưa thực sự đầy đủ. Xác định phương hướng phát triển một số cây trồng, con nuôi thời gian qua còn thiếu căn cứ khoa học, nặng về phong trào, hình thức, số lượng, nhiều giải pháp còn chung chung thiếu cụ thể, mang tính chủ quan của một số cá nhân lãnh đạo, có những mặt không thực tế. Một số giải pháp quan trọng như thị trường, giá cả, công nghệ sau thu hoạch, khuyến nông, khuyến lâm... chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

*Thứ ba:* Không tận dụng tốt được những thời cơ, thuận lợi để phát triển do cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước mang lại đối với kinh tế miền núi, đặc biệt có những chính sách ưu tiên đối với miền núi Tây Bắc tỉnh Sơn La. Ngược lại với chính sách, chủ trương ưu tiên, khuyến khích của Đảng, Nhà nước, của tỉnh Sơn La, huyện Yên Châu trong phát triển kinh tế, người dân ở đây vẫn còn thờ ơ, chưa tận dụng hết thời cơ, cơ hội của Đảng, Nhà nước ưu tiên..., có những hộ nông dân còn sợ phải vay vốn hoặc phải chăn nuôi một số ít gia súc, gia cầm mà các chương trình, dự án giúp hộ nông dân vượt nghèo, nếu có tiếp nhận thì lại vô trách nhiệm trong quá trình sử dụng các nguồn lực do Đảng và Nhà nước ta mang lại.

Những vấn đề mới đặt ra trong phát triển kinh tế hộ nông dân:



- Một bộ phận không nhỏ hộ nông dân vẫn còn lúng túng trước những yêu cầu đổi mới ngành nghề sản xuất kinh doanh, trong đó, xu thế ruộng đất canh tác của nông dân giảm mạnh, hiện tượng bán đất đi làm thuê để sinh sống diễn ra khá phổ biến ở một số hộ vùng sâu, vùng cao biên giới.

Sự phát triển kinh tế hộ nông dân trong huyện bị giới hạn bởi quy mô ruộng đất, vốn, kỹ thuật, công nghệ và trình độ quản lý sản xuất kinh doanh. Số hộ nông dân có vốn và kinh nghiệm, sẽ phát triển nông - lâm với mô hình trang trại gia đình. Tình trạng hình thành và phân hoá giàu - nghèo sẽ diễn ra cùng với quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, lao động và vốn.

- Thời gian qua đã xuất hiện tình trạng một số hộ nông dân có nhận đất nhưng lại không muốn hoặc không biết trồng cây gì? nuôi con gì? cho phù hợp để mang lại hiệu quả kinh tế. Nhiều hộ nông dân trước và sau khi giao quyền sử dụng đất, nhận thức trách nhiệm, ý thức đối với phần đất được giao chưa cao (chỉ chú ý đến việc khai thác mà không quan tâm đến cải tạo). Có những hộ nông dân coi việc giao quyền sử dụng đất hay không giao quyền sử dụng đất là không quan trọng. Vì đất còn rộng, người thừa nên họ đã không coi trọng việc đó. Hậu quả là họ tiếp tục du canh, du cư từ vùng này sang vùng khác, gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội.

- Những hộ nông dân có lợi thế về đất đai, quỹ đất đai chưa sử dụng còn rất lớn, vì vậy có điều kiện để mở mang phát triển sản xuất. Tuy nhiên, do việc quản lý, khai thác, sử dụng mới chỉ dừng lại ở phạm vi từng hộ đã dẫn đến thiếu sự thống nhất trong vấn đề sử dụng đất đai một cách đồng bộ và không kết hợp được với các nguồn lực khác.

- Trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay, kinh tế hộ nông dân muốn phát triển nhanh, bền vững, cần thiết, phải nhận thức đúng và giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế hộ nông dân với kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ nông dân với các doanh nghiệp. Trước kia, chúng ta luôn coi trọng kinh tế hợp tác xã mà xem nhẹ kinh tế hộ nông dân, song những năm gần đây, lại theo xu hướng coi trọng quá mức kinh tế hộ nông dân, mà hạ thấp, thậm chí nhiều nơi xoá bỏ kinh tế hợp tác xã, coi kinh tế hộ nông dân là mô hình kinh tế hoàn hảo phù hợp với miền núi. Nhưng chính điều đó, hộ nông dân phải tự vận động trong cơ chế thị trường trong điều

kiện trình độ, năng lực của đại đa số hộ nông dân còn nhiều yếu kém, bất cập nên gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, vì thế hộ nông dân rất lúng túng, luẩn quẩn trong việc trồng cây gì, nuôi con gì?.

Từ thực trạng kinh tế xã hội huyện Yên Châu nói chung và kinh tế hộ nông dân Yên Châu trong những năm qua, có thể khẳng định: Kinh tế hộ nông dân có nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các vùng khác, nhất là xa hơn so với vùng đồng bằng. Vấn đề đặt ra cho huyện Yên Châu trong việc phát triển kinh tế hộ nông dân trong thời gian tới, là: Làm thế nào để đẩy mạnh việc khai thác các tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, giảm dần khoảng cách về kinh tế giữa các vùng trong cả nước và giữa các vùng trong tỉnh, để tiến tới hoà nhập vào sự phát triển kinh tế của cả nước, cả tỉnh, trên cơ sở các lợi thế so sánh của Yên Châu so với các vùng khác.

Đồng thời, từng bước khắc phục những tồn tại, yếu kém về cơ sở hạ tầng, thu hút được nhiều hơn nữa vốn đầu tư, công nghệ, đào tạo của những nhà quản lý, những chủ kinh doanh, những doanh nghiệp giỏi, năng động, có các cán bộ tham mưu đầu đàn, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Yên Châu và kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu.

Tạo dựng những mô hình kinh tế hộ phù hợp với từng vùng trong huyện để nhân rộng, tăng cường công tác giao lưu học tập kinh nghiệm những cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng trong huyện. Mặt khác, tranh thủ được lợi thế hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng thủy điện Sơn La, cơ sở chế biến của một số huyện lân cận như Công ty Bò sữa của huyện Mộc Châu, xí nghiệp Chè Mộc Châu, Mai Sơn,... để tham gia thị trường vùng địa bàn kinh tế kết hợp với học hỏi kinh nghiệm.

Khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, nguồn nhân lực của Trung ương của tỉnh và nguồn lực tại chỗ (của huyện, xã, các hộ nông dân, các doanh nghiệp...) để đầu tư trong sản xuất và mở rộng chuyển đổi mô hình sản xuất gắn kinh tế hộ nông dân với các doanh nghiệp, kinh tế hộ nông dân với hộ nông dân trong và ngoài huyện.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn và nông dân, các kiến thức khoa học, kỹ thuật,

công nghệ để người nông dân nhận thức việc chuyển đổi kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá là hiệu quả, là việc cần phải vươn tới; là giúp hộ nông dân thoát khỏi đói nghèo, có cuộc sống ổn định và vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất được giao quyền sử dụng đất.

- Gắn kết kinh tế hộ nông dân các vùng cao biên giới với vấn đề bảo vệ an ninh - quốc phòng, bảo vệ đường biên, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa các hộ nông dân 2 nước cùng sản xuất kinh doanh trên tinh thần tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ 2 nước Việt Nam - Lào.

*Tóm lại:* Dưới tác động trực tiếp của các yếu tố lịch sử, tự nhiên, kinh tế xã hội, sự hình thành và phát triển kinh tế hộ nông dân trong thời gian vừa qua tại huyện Yên Châu, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp với mục đích xây dựng kinh tế hộ nông dân thành đơn vị kinh tế tự chủ thực sự là một vấn đề đặt ra đối với các cấp, các ngành, cấp uỷ, chính quyền địa phương huyện Yên Châu.

Việc nghiên cứu vấn đề tồn tại và một số vấn đề mới nảy sinh trong những năm qua là cơ sở khoa học quan trọng để xác định những phương hướng, giải pháp tiếp tục thúc đẩy kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Yên Châu phát triển đúng hướng, nhanh, mạnh, đáp ứng yêu cầu từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

### **Chương 3**

## **PHƯƠNG HƯỚNG - GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN CHÂU TỈNH SƠN LA**

### **3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN**

#### **3.1.1. Những quan tâm chung**

Miền núi Tây Bắc là vùng dân tộc đặc thù, là vùng lãnh thổ có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc cung cấp tài nguyên, thiên nhiên, nguồn thủy điện, cũng như môi trường sinh thái, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nếu như không chú trọng tới lợi ích của miền núi, trong lợi ích chung của cả nước thì đồng nghĩa với việc phá vỡ sự cân bằng bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước miền núi Tây Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Thực tế cho thấy, tiềm năng, thế mạnh của miền núi chỉ có thể phát huy được một cách có hiệu quả và bền vững khi kinh tế hộ nông dân miền núi được phát triển theo một cơ cấu hợp lý gắn với từng vùng, từng dân tộc. Xuất phát từ yêu cầu chung và căn cứ vào điều kiện, khả năng vốn có, các hộ nông dân miền núi Tây Bắc trong những năm trước mắt cũng như lâu dài cần phát triển mạnh với quy mô quy mô sản xuất nông - lâm nghiệp, tập chung chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp phù hợp với đất đai, vốn, đầu tư, thị trường tiêu thụ. Đặc biệt là công nghệ chế biến, phân đầu tạo ra được các cây trồng, con nuôi hàng hoá chủ lực, mũi nhọn.

Hiện nay, đối với miền núi Tây Bắc, đối với nghề rừng chưa đủ điều kiện để phát triển trên quy mô lớn, nên hướng phát triển hộ chuyên rừng sẽ là hộ nông dân chăm sóc và bảo vệ rừng hiện có, rừng khoanh nuôi tái sinh, đặc biệt là rừng trồng mới hàng năm. Các cấp, chính quyền cần thực hiện có hiệu quả việc giao đất, giao rừng, nhất là những vùng đất trống, đồi núi trọc đến các hộ nông dân, đảm bảo các điều kiện thuận lợi để nhóm hộ rừng được kinh doanh tự chủ thực sự, làm giàu chính đáng trên diện tích được giao với phương châm ích nước - lợi nhà. Đối với các hộ vùng thấp, tiến hành sản xuất theo phương pháp nông - lâm kết hợp, hình thành vùng sản xuất chuyên canh, chuyên con

như: cao su, cà phê, các loại cây ăn quả: chuối, xoài, nhãn, mận...; cây công nghiệp ngắn ngày: đậu tương, mía đường... và phát triển chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò, dê, ngựa...

Đối với những hộ ở vùng cao, chủ yếu là các dân tộc ít người, trình độ canh tác thấp. Trong những năm trước mắt cũng như lâu dài, cần gắn từ công tác tái định cư đến việc đầu tư, cải tạo, tu bổ, bảo vệ cho được các diện tích rừng tự nhiên hiện còn và thâm canh trên diện tích rừng trồng với phương châm "lấy ngắn, nuôi dài". Để các hộ nông dân yên tâm sản xuất gắn với việc bảo vệ và phát triển rừng cần có chính sách điều phối lương thực và việc cung cấp nhu yếu phẩm cho người nông dân. Đặc biệt cần làm tốt công tác định canh, định cư nhằm tạo điều kiện cho hộ nông dân ổn định đời sống và từng bước phát triển vươn lên. Mặt khác, trong điều kiện cơ chế thị trường, các hộ nông dân cần nâng cao hơn nữa trình độ thâm canh và chất lượng hàng hoá gắn với thị trường, với công nghiệp chế biến.

- Trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay, việc tiếp tục đẩy mạnh sự phát triển của kinh tế hộ nông dân miền núi là yếu tố khách quan. Tuy nhiên trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp và bất cập, kinh tế hộ nông dân miền núi không thể tiến lên được nếu không có sự giúp đỡ, đầu tư của Nhà nước và sự chủ động vươn lên ngay từ đầu của các hộ nông dân trong sản xuất và trong kinh doanh. Sự giúp đỡ của Nhà nước chủ yếu tập trung việc xây dựng, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng hợp và dài hạn với các chương trình, dự án cụ thể có tính khả thi cao, được tổ chức đồng bộ, nhất quán. Thực tế cho thấy miền núi cần Nhà nước tăng cường thêm các chương trình, dự án, cần chú trọng hơn nữa đến nhóm hộ ở vùng sâu vùng xa, biên giới mà điều kiện hộ nông dân đang gặp nhiều khó khăn, những nhóm hộ này chỉ chuyên bảo vệ chăm sóc rừng, Nhà nước thông qua các hợp đồng kinh tế, căn cứ vào hiệu quả thực tế để chi trả một cách thoả đáng để hộ nông dân phấn khởi, tích cực nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng.

Mặt khác, cần khẳng định sự vươn lên tự chủ thực sự của mỗi hộ nông dân luôn là yếu tố quyết định, đã có nhiều trường hợp trong điều kiện và môi trường như nhau, có sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các hộ. Nhiều mô hình hộ nông dân làm ăn có hiệu quả là do sự cố gắng vươn lên. Có thể nói, nếu không khơi dậy và phát triển được tinh

thần vươn lên của từng hộ nông dân và cộng đồng các dân tộc thì không thể có sự phát triển tốt và bền vững. Quan điểm này đòi hỏi các hộ nông dân cần sớm khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Tư tưởng bảo thủ, trì trệ, duy trì lối sống tự cấp, tự túc tách biệt với quan hệ cung cầu của thị trường và những định hướng phát triển của cấp uỷ, chính quyền địa phương và cả nước. Như vậy, việc phát triển kinh tế hộ nông dân kết hợp giữa sự chi viện, ưu tiên giúp đỡ của Nhà nước với sự vươn lên, tự chủ của mỗi hộ gia đình là quan điểm cơ bản để phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi theo hướng bền vững.

- Kinh tế hộ nông dân miền núi sau những năm đổi mới, đặc biệt trong thời gian gần đây, nhìn chung đã có hướng phát triển khá nhanh ở một số vùng miền, đặc biệt là vùng Tây Nguyên đã hình thành các chủ trang trại lớn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, do quan tâm nhiều đến làm ăn, đến lợi nhuận nên một số mặt thuộc lĩnh vực văn hoá, xã hội ít được quan tâm, chú ý tới. Vì vậy trong các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh: Phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ xã hội. Phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi gắn với các nhân tố xã hội, văn hoá được thể hiện qua sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển nông thôn, xây dựng gia đình văn hoá mới, bảo tồn và phát huy tinh hoa văn hoá các dân tộc. Thực hiện có hiệu quả các chương trình xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ các xã, bản đặc biệt khó khăn; chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình, đẩy lùi bệnh tật, tập tục lạc hậu, phòng, chống các tệ nạn xã hội... và là việc quan tâm chỉ đạo tốt công tác địa chính, tránh sự xáo trộn và tranh chấp đất đai. Đối với một số hộ nông dân bản địa trên một số khu vực, có thể giao đất, giao rừng với diện tích lớn hơn diện tích giao cho các hộ nơi khác đến. Ngoài ra, cần quan tâm giải quyết đúng mức mối quan hệ giữa hộ gia đình với cộng đồng thôn, bản, tiểu khu với xã, hợp tác xã, các doanh nghiệp đóng, hoạt động trên địa bàn và các tổ chức kinh tế - xã hội hành chính văn hoá khác. Một mặt gắn kết giữa phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi với các nhân tố xã hội, văn hoá còn là sự quan tâm của các cấp, các ngành đối với việc phát huy truyền thống tốt đẹp của hộ gia đình nông dân miền núi. Đó là bản sắc, truyền thống, là đặc điểm nhân văn bền vững và cũng là kết quả của quá trình di cư, thích nghi các hoạt động với môi trường phản ánh sự chiếm lĩnh, làm chủ của loại hình kinh tế hộ nông dân. Việc gắn kết với các nhân tố xã hội văn hoá chính là sự khẳng định các dân tộc, các hộ gia đình dân tộc là trô thể toàn diện, là

nguồn lực cơ bản và quan trọng trong toàn bộ quá trình vận động và phát triển của khu vực miền núi. Do đó, để nâng cao hơn nữa cơ sở động thái phát triển của kinh tế hộ nông dân trong toàn bộ quá trình tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và an toàn môi trường ở miền núi cần được xuất phát và hướng vào sự phát triển nguồn lực đầu tiên, cơ bản nhất là con người và từ nguồn lực con người. Về con người của "Hộ hàng hoá" trong cơ chế thị trường không chỉ dựa vào sự nhiệt tình và lòng yêu nước. Trình độ dân trí của số đông hộ nông dân trong huyện còn thấp, hạn chế đến việc chuyển đổi vật nuôi, cây trồng và thay đổi, đổi mới trong sản xuất kinh doanh dẫn đến không đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh và cả nước. Để kinh tế hộ nông dân thực sự phát triển, người nông dân phải nhận thức rõ được mục đích trước mắt cũng như lâu dài là sự văn minh, tiến bộ của miền núi, sự nghiệp phát triển miền núi là sự nghiệp của nhân dân nói chung và của mỗi hộ nông dân nói riêng để tạo nên nguồn lực chung của cả nước.

Lịch sử cho thấy, miền núi là vùng lãnh thổ của các tinh thần hữu nghị, đoàn kết và cũng là vùng hoạt động của các thế lực thù địch, phản động trong nước và quốc tế đối với nước ta. Nhiều năm qua, lợi dụng vào địa hình, địa thế hiểm trở, có nhiều dân tộc sinh sống, sống trong địa hình thưa thớt người, có những quan hệ dòng tộc hoặc huyết thống với cư dân bên ngoài, cùng với những khó khăn, hạn chế hiện nay của miền núi, bọn phản động quốc tế đã và đang tìm mọi cách kích động tư tưởng các dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan, tư tưởng hận thù, bất mãn nhen nhóm các ý đồ đen tối, phản nước, hại dân. Thực tế vẫn đang tồn tại âm ỉ các hiện tượng phong thánh, xưng vua được nguy trang dưới nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, trước những tác động không nhỏ của nước ngoài, nước lớn... đã và đang thách thức với yêu cầu phát triển toàn diện, đặc biệt là vấn đề an ninh, quốc phòng, vấn đề an ninh chính trị khu vực miền núi, biên giới. Mặt khác, trong thế phân công của các vùng lãnh thổ của cả nước, vai trò của miền núi sẽ ngày càng được tăng lên với tầm quan trọng đặc biệt hơn đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế xã hội đất nước.

Trước những vấn đề thực tế, đòi hỏi sự phát triển của kinh tế hộ nông dân miền núi, bên cạnh việc phải dựa trên cơ sở của hệ thống pháp luật và quy định pháp lý của Nhà nước được cụ thể hoá trong các hướng dẫn chi tiết phù hợp với điều kiện, đặc thù miền

núi là: Phải tăng cường truyền thống đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các hộ nông dân và giữa các dân tộc. Tinh thần đoàn kết đó phải được thể hiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và là điều kiện rất quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển chung nhưng không vì thế mà coi nhẹ tính đa dạng về bản sắc văn hoá của mỗi dòng họ, dân tộc. Đoàn kết trong và giữa các hộ nông dân phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng, trên sự phát triển kinh tế - xã hội và những cơ chế chính sách phù hợp. Thực hiện bình đẳng là thực hiện nguyên tắc được tôn trọng, tin cậy như nhau, không có sự phân biệt đối xử. Các hộ nông dân đều có quyền bình đẳng và có quyền phát huy khả năng để phát triển kinh tế làm giàu cho gia đình, cho quê hương. Chừng nào kinh tế hộ nông dân miền núi còn nghèo khó, lạc hậu về trình độ phát triển như hiện nay thì chừng đó sự bình đẳng cho dù là ý tưởng tốt nhưng vẫn chỉ là khẩu hiệu, hình thức. Sự bình đẳng ở đây được thể hiện không phải là sự cho nhau hay sự phân chia quyền lợi mà sự bình đẳng ở chỗ là sự thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi.

Trong thời đại ngày nay, trên toàn cầu cũng như mỗi quốc gia, đều nhận thức được môi trường có vai trò, ý nghĩa vô cùng quan trọng đến sự tồn tại, phát triển của xã hội loài người. Sự tác động trái quy luật tự nhiên hoặc lạm dụng mối quan hệ với môi trường tự nhiên sẽ gây tác động không thể lường trước của tự nhiên đối với con người. Miền núi nước ta luôn được coi như là "lá phổi xanh" của đất nước, môi trường miền núi có ý nghĩa sống còn đối với hoạt động của nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trong và ngoài vùng. Bảo vệ và phát triển môi trường miền núi là bảo đảm cho sự vận động lâu bền của lĩnh vực này, đồng thời khắc phục những ảnh hưởng bất lợi của môi trường đối với con người. Mục tiêu sản xuất của kinh tế hộ nông dân miền núi là từng bước tiến tới một nền sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhưng phải đảm bảo độ bền vững về môi trường sinh thái, nhất là rừng và tài nguyên rừng.

Rừng miền núi nước ta là "lá phổi xanh" của cả nước. Song do sức ép về vấn đề lương thực và hậu quả của những quan điểm không đúng trong việc giải quyết các vấn đề lương thực, nên rừng đã bị tàn phá nặng nề, nghiêm trọng. Có thể nói, độ tăng của sản xuất lương thực ở miền núi trong những thập kỉ qua tỉ lệ thuận với diện tích đất trồng đồi núi trọc, tỉ lệ nghịch với diện tích và độ che phủ của rừng. Đồng thời, kéo theo sự cạn kiệt về tài nguyên



đất và nước, đã và đang gây hậu quả xấu cho môi trường sinh thái tự nhiên không chỉ riêng cho miền núi mà cả vùng đồng bằng về hạn hán, thiên tai lũ lụt, biến đổi khí hậu...

Hiện nay, trong điều kiện cạnh tranh phát triển kinh tế đang diễn ra gay gắt, vấn đề thoát khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu đã trở thành cấp bách và mang tính chất sống còn. Trong bối cảnh đó, nhiều hộ nông dân có khuynh hướng "hi sinh" - không quan tâm đến vấn đề môi trường, mà chỉ quan tâm đến vấn đề trước mắt là khai thác những gì mang lại lợi nhuận trước mắt mà không nghĩ đến những vấn đề về lâu về dài là cần phải bảo vệ môi trường trước khi quá muộn. Chính vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường trong giai đoạn hiện nay cần gắn với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường, cần tiến hành đồng bộ quá trình đổi mới toàn diện, đó là việc nâng cao dân trí, từ thay đổi lề lối làm ăn lạc hậu đến việc thực hiện có hiệu quả công tác định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với tăng trưởng kinh tế, gắn với phát triển văn hoá - xã hội. Trong tương lai gần nhất, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi sẽ có tác động mạnh mẽ tới môi trường, giá trị môi trường sinh thái tăng hay giảm phụ thuộc vào việc thực hiện các hoạt động kinh tế hộ gia đình mang lại.

Như vậy, những quan điểm phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng bền vững từ việc vận dụng đúng, sáng tạo đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của miền núi và từng vùng trên địa bàn miền núi sẽ tiếp tục khuyến khích hộ nông dân phát triển kinh tế đúng hướng và có hiệu quả cao, góp phần nâng cao đời sống hộ nông dân miền núi và cung cấp sản phẩm cho đô thị, công nghiệp và xuất khẩu, đồng thời thực hiện việc chuyển đổi kinh tế hộ sang kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gắn với các doanh nghiệp theo mô hình cổ phần hoá một phần quyền sử dụng đất đai, góp phần đưa kinh tế hộ nông dân miền núi phát triển bền vững.

### **3.1.2. Phương hướng phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn huyện Yên Châu**

Kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu thời gian qua đã đóng góp một phần đáng kể trong vấn đề lương thực, thực phẩm của địa phương, giúp các hộ nông dân ổn định cuộc sống, song mới chỉ dừng lại ở mức tự cung, tự cấp là chính. Hiện nay, đất nước ta đang

trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, trước những vấn đề toàn cầu đặt ra, trong đó có vấn đề an ninh lương thực mà Đảng và Nhà nước luôn đặt vấn đề quan tâm hàng đầu. Thực hiện mục tiêu lương thực và an toàn lương thực, nhất thiết phải trên quan điểm sản xuất hàng hoá và thông qua sản xuất hàng nông sản để cân đối và giải quyết, chỉ cần đầu tư thâm canh cây lương thực trên phần diện tích chắc ăn, những vùng trọng điểm trồng lúa nước từ sản lượng năm 1986 đến năm 1996 là 1,5 lần, năm 2000 là 1,8 lần, đến năm 2008 là 2,5 lần. Bằng biện pháp kỹ thuật năng suất bình quân lúa tăng từ 30 tạ /vụ/ha lên 60 - 64 tạ/vụ/ha. Đối với các hộ nông dân vùng cao, giao thông đi lại khó khăn, có thể giành một phần diện tích nhất định để gieo trồng lúa nương. Ngoài ra, cần tập trung khai thác các thế mạnh để có nguồn nông sản hàng hoá trao đổi trong nước và xuất khẩu. Từ đó, tạo nên nguồn tiền tệ để mua lương thực, hàng tiêu dùng từ các vùng khác đưa đến nhằm đáp ứng nhu cầu của hộ nông dân trong từng vùng, từng địa phương.

Để phương hướng đó thành hiện thực, cần tập trung giải quyết những vấn đề: Tạo vốn cho kinh tế hộ nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đáp ứng nhu cầu đầu tư cho trồng rừng, trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi... Trong đó gồm cả nguồn vốn dùng để mua lương thực, thực phẩm (gạo) trong một số năm đầu của quá trình chuyển đổi, đồng thời có chương trình hỗ trợ giúp đỡ kinh tế hộ nông dân về giống, kỹ thuật canh tác, chế biến và giải quyết vấn đề tiêu thụ nông sản, để cây trồng thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn so với trồng lúa nương và trồng sắn.

\* Phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng phát huy lợi thế so sánh kết hợp mô hình kinh tế trang trại VAC, RVAC. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng ta khẳng định: "Sản xuất nông nghiệp đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp nhằm đạt giá trị cao nhất trên một diện tích đất ở những nơi có điều kiện, tăng sản lượng lương thực đủ nhu cầu trong nước có dự trữ và xuất khẩu. Tăng nhanh tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi có hiệu quả, có cả cây công nghiệp, chế biến, dành cho thị trường ngoài nước".

Ứng dụng các công nghệ tiên bộ để xác định bố trí mùa vụ thích hợp theo hướng thâm canh, tăng năng suất, từng bước tạo dựng một sự phát triển bền vững, phù hợp với vùng thấp, vùng cao. Hàng năm cần tổ chức tốt các Hội nghị, Hội thảo (Hội nghị đầu bờ,

Hội nghị chuyển giao kỹ thuật mới, Hội nghị sơ kết, tổng kết kinh nghiệm sản xuất của các vùng, các loại vật nuôi, cây trồng,...). Để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tạo động lực mới cho kinh tế hộ nông dân. Để làm được các yêu cầu, nhiệm vụ đó, thì cần: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khoa học kỹ thuật và công nghệ phù hợp với trình độ nhận thức, canh tác của hộ nông dân miền núi; Tạo ra một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ năng lực, phẩm chất tốt giúp các hộ nông dân trong đổi mới kinh tế hộ; Hoàn thiện đội ngũ cán bộ khuyến nông ở các cơ sở xã, bản để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ đến hộ nông dân một cách có hiệu quả, kết hợp với định canh, định cư.

Kết hợp chuyên canh, đa canh theo mô hình VAC, RVAC... là cách thức tiến hành sản xuất và kinh doanh nông sản hàng hoá, được nhiều hộ nông dân miền núi áp dụng với quy mô và vốn đầu tư lớn, trình độ thâm canh đạt tiên tiến, khá phù hợp trước những biến động thường xuyên của cơ chế thị trường. Là kiểu sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao và phát huy được các ưu thế và khả năng của kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, lối canh tác này mới chỉ phổ biến ở những hộ nông dân vùng thấp, ven thị trấn, thị tứ. Còn đối với vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì lối canh tác đó còn mới và khó khăn đối với họ. Họ đang rất cần có sự hỗ trợ giúp đỡ của Nhà nước để trước hết là, họ thực hiện được định canh, định cư một cách bền vững, xoá được đói, giảm được nghèo và từng bước thực hiện được đa canh, chuyên canh trong sản xuất cũng như trong kinh doanh.

Để hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, Đảng ta đã chỉ rõ: Phát triển toàn diện nông - lâm nghiệp, hình thành các vùng tập trung chuyên canh có cơ cấu kinh tế hợp lý về cây trồng, vật nuôi, có sản phẩm hàng hoá nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, bảo đảm an toàn lương thực trong xã hội, đáp ứng yêu cầu cho công nghiệp chế biến, thị trường trong và ngoài nước. Với chủ trương đó, đối với miền núi huyện Yên Châu, căn cứ vào tình hình thực tế, huyện Yên Châu có khả năng hình thành và phát triển các vùng tập trung và các hộ chuyên canh sau:

**+ Phát triển vùng và hộ chuyên canh cây chè:**

Đối với địa bàn huyện Yên Châu, căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, khí hậu đã từ lâu hình thành vùng trồng chè, những năm bao cấp đã hình thành Nông trường chè Kim

Chung - xã Phiêng Khoài. Do làm ăn kém hiệu quả không đủ chi phí sản xuất, cũng do không có đầu ra trong nhiều năm, chính vì thế mà hiện nay các đồi chè bị bỏ hoang hoá hoặc bị phá đi để thay thế trồng cây lương thực, đã làm cho diện tích trồng chè bị manh mún, chắp vá, không theo quy hoạch. Những hộ nông dân nào còn giữ được diện tích chè thì chủ yếu là sản xuất chè thủ công. Việc quan tâm chăm sóc thiếu thường xuyên, thiếu vốn đầu tư và khoa học kỹ thuật, đã làm cho năng suất, sản lượng chè rất thấp. Những năm gần đây, khi thị trường chè được mở rộng, với lợi ích kinh tế cao, 1 héc ta chè nếu được đầu tư chăm sóc tốt sẽ cho thu nhập bình quân hàng năm thu lãi từ 10 - 12 triệu đồng, gấp 5 lần so với việc bán chè búp cho Nhà máy chè Mộc Châu (huyện Mộc Châu - tỉnh Sơn La). Đối với cây chè, ngoài việc mang lại lợi ích kinh tế cao, cây chè còn luôn cho năng suất ổn định, ít bị thiệt hại do thiên tai mất mùa, ít bị sâu bệnh. Cây chè từ lúc được thu hoạch đến khi cây chè già cỗi, cần được thay thế cây mới là từ 20 - 30 năm sau. Việc trồng chè còn giải quyết việc làm thường xuyên cho từ 8 - 10 lao động/ha chè.

Như vậy, với địa hình và khí hậu ở một số xã, như: xã Lóng Phiêng, Phiêng Khoài, Yên Sơn huyện Yên Châu - đây là 3 xã có quốc lộ 32 đi qua, có địa hình cao trên 1000 mét, ở đây có nhiều cao nguyên bằng phẳng. Việc chuyển đổi và phát triển cây chè gắn với một Nhà máy chế biến chè tại Trung tâm Thị tứ xã Phiêng Khoài sẽ tạo nên động lực để các hộ nông dân chuyên canh cây chè khai thác lợi thế của vùng. Ngoài việc chuyên canh cây chè với thời tiết và khí hậu ưu đãi, các xã vùng cao đó còn có khả năng phát triển các đàn bò sữa, trồng các loại cây ăn quả, như: Đào Pháp, mận, mơ... ở các vùng đất khe núi, đất dốc, tạo và tăng thêm nguồn thu nhập cho hội nông dân.

#### **+ Vùng và các hộ chuyên canh cây cao su:**

Cây cao su là loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, phù hợp với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà và sông Mã. Những năm qua ở nước ta, diện tích cây cao su phát triển mạnh ở các tỉnh Đông Nam Bộ đến Thanh Hoá, những năm gần đây phát triển ở một số tỉnh, như Điện Biên, Lai Châu...

Do đặc điểm của cây cao su gắn liền với cơ sở hạ tầng nên cây cao su đi đến đâu, các công trình điện - đường - trường - trạm đi đến đó. Ngoài việc phát triển cây cao su còn tạo được việc làm cho người lao động, đặc biệt là người lao động dân tộc thiểu số và

và tận thu ngân sách cho địa phương. Nếu mức sống của đồng bào vùng trồng cây cao su tăng lên rõ rệt, các chính sách của Đảng và Nhà nước được đầu tư tạo nên động lực phát triển kinh tế vùng Tây Bắc, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới.

Đối với huyện Yên Châu, tiềm năng đất đai, khí hậu và xây dựng các thủy điện nhỏ, việc trồng cây cao su không những giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho hộ nông dân mà còn tạo được rừng phòng hộ đầu nguồn cho các công trình, sự tái sinh các nguồn nước do khai thác cạn kiệt tài nguyên rừng. Nhận thức rõ thế mạnh của việc trồng cây cao su, thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh Sơn La: Về phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2007 - 2020. Đưa cây cao su vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Huyện Yên Châu nằm trong vùng quy hoạch trồng cây cao su trên diện tích đất chưa sử dụng đối với các xã vùng cao, biên giới và diện tích đất đã sử dụng ở các xã dọc quốc lộ 6 (vùng thấp) nhưng hiệu quả kinh tế thấp, nay chuyển sang phát triển trồng cây cao su.

Cây cao su, ngoài việc phòng hộ rừng đầu nguồn, nó còn là ngành hàng có thị trường tiêu thụ khá ổn định trên thế giới về mủ cao su và gỗ cây cao su. Với ưu thế không đòi hỏi nước ẩm lớn như cây cà phê, hoa màu, nên việc phát triển vùng hộ nông dân chuyên canh cây cao su là một chương trình lớn, phù hợp với các hộ nông dân miền núi. Tuy nhiên, việc phát triển cây cao su cần phải đầu tư với lượng vốn lớn. Vì vậy cam kết các dự án phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Yên Châu với phương châm: Nhà nước hỗ trợ nông dân về vốn, về kỹ thuật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi, đồng bộ và nhất quán trong việc hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ đời sống nhân dân ban đầu chuyển đổi, đưa người nông dân tham gia vào các công ty cao su trên địa bàn huyện, xã. Đối với hộ nông dân, cùng với các nguồn nội lực của các chính sách, các hộ nông dân đóng góp cổ phần bằng việc chuyển đổi quyền sử dụng một phần diện tích đất được giao, tham gia vào sản xuất... nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng cam kết hợp đồng, bảo đảm việc phát triển vùng, hộ chuyên canh cây cao su là một chương trình lớn, tạo động lực và hiệu quả kinh tế cao.

Bên cạnh phát triển vùng, hộ chuyên canh cao su, diện tích còn lại là diện tích trồng lúa nước, các vùng đất dốc, khu núi đồi, các hộ nông dân phát triển kinh tế vườn, ao, đồi,

nhằm tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi, một số lao động không làm công nhân cao su thì phát triển sản xuất, phục vụ đời sống cho chính hộ nông dân và nhu cầu đời sống xã hội khu vực nông dân trong huyện và trong tỉnh.

**+ Phát triển vùng, hộ chuyên canh cây ăn quả**

Với đặc điểm thời tiết khí hậu Yên Châu nóng ẩm, lượng mưa tương đối ổn định. Yên Châu là một vùng nổi tiếng của Tây Bắc về một số loại cây ăn quả có hương vị đặc biệt, như: xoài, chuối, dứa... đối với vùng thấp; có: mơ mận, đào đối với vùng cao, biên giới. Với diện tích gần 2.000 ha, trong đó, xoài: 656 ha, chuối 284 ha, vải, nhãn 253 ha, dứa 59, mận nhãn 438, mơ 75, ngoài ra Yên Châu còn sản xuất một số loại hoa quả sặc sỡ năng suất cao như: cam, bưởi, mít, sầu riêng ... cụ thể:

**Bảng 3.1: Diện tích cây ăn quả năm 2008**

Đơn vị tính: ha

Cây	Tổng diện tích	Diện tích cho sản phẩm	Diện tích chăm sóc	Diện tích trồng mới
Xoài	656	375	135	146
Chuối	284	155	47	82
Vải, Nhãn	253	170	55	28
Dứa	34	30	01	03
Mận nhãn	438	318	65	55
Mơ	75	58	15	02

Nguồn: [30].

Về thị trường, mặc dù thị trường trong nước và thế giới rất cần và có nhu cầu tiêu thụ nhưng do khâu bảo quản và xử lý sau thu hoạch kém nên mẫu mã cũng như chất lượng hoa quả còn thấp, đã làm các hộ nông dân không phấn khởi vì sản phẩm làm ra không tiêu thụ được.

Tổ chức tổ chức xuất vụ tiêu thụ nông sản, thời gian qua một số diện tích cây ăn quả đã thu hoạch vụ đông như: cam, bưởi năm 2005 gần 441 ha. Đến năm 2008 còn gần 75

ha, Dưa năm 2005 1m 75 ha @Ổn năm 2008 c3n34 ha. .... mÆc dĩ c,c lo'i c©y ìn qu¶ nuy rÊt phĩ hĩp vĩi @Æc @iÓm khÝ hỄu vµ thæ nh-ìng huyỔn Y^n Ch©u.

Để mở rộng và phát triển vùng, hộ chuyên canh cây ăn quả trong những năm tới, huyện Yên Châu cần giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây:

- Về giống, cần phải có hệ thống dịch vụ giống cây, con đảm bảo chất lượng cho các hộ nông dân. Tránh tình trạng mua giống cây, con trôi nổi trên thị trường, không rõ nguồn gốc xuất xứ, gây thiệt hại kinh tế cho hộ nông dân. Cũng như những loại quả, khi được thu hoạch, lại có cả những loại giống quả không đúng chủng loại,... vì cây ăn quả ít nhất 3 năm mới cho thu hoạch, chất lượng không đáp ứng nhu cầu thị trường, hộ nông dân phải phá đi trồng lại cây khác, đã gây nên lãng phí và thiệt hại lớn về kinh tế cho hộ nông dân.

- Các hộ gia đình kinh doanh cây ăn quả đã và đang có những yêu cầu nâng cao trình độ về chăm sóc, thu hái, chế biến hoa quả. Do đó cần phải nâng cao chất lượng hoạt động của công tác khuyến nông huyện, xã, bản.

- Tình trạng thị trường đầu ra cho hàng nông sản không ổn định, các hộ sản xuất thường bị tư thương ép giá. Vì vậy, Nhà nước không chỉ tạo ra thị trường ổn định mà còn phải tổ chức, quản lý thị trường một cách phù hợp, lành mạnh. Cần quan tâm đúng mức đến việc tổ chức tốt công nghệ sau thu hoạch, đặc biệt là công tác vận chuyển bảo quản, sơ chế hoặc tinh chế. Khi có điều kiện cần xây dựng các nhà máy mang thương hiệu riêng của vùng.

**+ Phát triển vùng, hộ nông dân chuyên canh các loại cây công nghiệp ngắn ngày.**

Cây công nghiệp ngắn ngày là một trong những hướng phát triển thuận lợi đối với kinh tế hộ nông dân miền núi, bởi vì từ nay đến 2020 các vùng trong cả nước bước vào giai đoạn phát triển mới công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Do đó, nhu cầu nông sản hàng hoá để tiêu dùng và phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sẽ rất lớn.

Trong cơ cấu sản xuất của hộ nông dân đối với huyện Yên Châu, cây đỗ tương được quan tâm phát triển mạnh mẽ, vì đó là loại cây có nhiều ưu điểm, vốn đầu tư ban đầu

thấp, thời gian sinh trưởng ngắn (khoảng 3 tháng), có giá trị kinh tế và giá trị dinh dưỡng cao, dễ tiêu thụ, có thể chế biến thủ công, đặc biệt là loại cây có thể trồng xen trong các vườn cây ăn quả, cây chè, cây cao su (trong thời gian đầu), các khe đồi, núi có độ ẩm. Ngoài ra, đỗ tương còn là nguồn thức ăn giàu đạm để đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn thịt, lợn siêu nạc; chăn nuôi gia cầm - gà, vịt - siêu trứng gắn với kinh tế ao, chuồng của các hộ nông dân miền núi theo mô hình VAC.

Cùng với cây đỗ tương, cây lạc cũng là loại cây phù hợp với những diện tích đất tận dụng, song để tạo thành nguồn hàng hoá xuất khẩu, cần có kế hoạch đầu tư theo vùng, ứng dụng giống mới, thâm canh tăng năng suất, áp dụng công nghệ sinh học, chế biến. Bởi cây lạc ở nước ta trong những năm qua là một mặt hàng nông sản xuất khẩu được nhiều quốc gia kí kết hợp đồng tiêu thụ với số lượng lớn, như: Singapo, Malayxia, Indônêxia... Do vậy, cây lạc cũng là một trong những cây chủ lực cần đầu tư vùng và hộ nông dân chuyên canh thâm canh phát triển cây lạc. Ngoài ra, hộ nông dân còn có thể phát triển một số cây công nghiệp ngắn ngày rất phù hợp với Yên Châu, như: bông, đậu đen, đậu xanhh...

#### **+ Phát triển hộ và vùng chăn nuôi chuyên con:**

Địa hình huyện Yên Châu ngoài những cao nguyên để phát triển những cây công nghiệp, các vùng đồi phát triển cây cao su, diện tích canh tác lúa nước... thì với địa hình đồi núi cũng đã tạo ra nhiều khe đồi, khe núi để các hộ nông dân phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, thủy sản... Với lợi thế từ kiến tạo tự nhiên, đa số các hộ nông dân trong huyện đều ngăn các dòng nước các khe đồi, núi để tạo nên diện tích ao hồ để nuôi cá kết hợp chăn nuôi gia cầm, gia súc.

- Vùng thấp là nơi có khí hậu nóng hơn, các hộ nông dân ngoài việc chăn nuôi cá, họ cần tập trung phát triển các đàn gia súc, gia cầm, như: lợn, gà, bò, dê...

- Vùng cao biên giới, diện tích đất được giao lớn, ngoài việc nuôi thả cá, chăn nuôi lợn gà vịt, trâu, bò, ngựa, d<sup>a</sup>, ẽ những xã có độ cao trên 1000 mét, với những thảo nguyên lớn có thể phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng phát triển đàn bò sữa, bò thịt gắn với trồng cỏ và phát triển cây chè.



Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo ra nguồn thu nhập cơ bản cho người nông dân, phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng đẩy mạnh, nhanh số lượng và chất lượng đàn gia súc, gia cầm, thủy sản nhằm một mặt đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài huyện (nhất là hiện nay nước ta đang xây dựng công trình thủy điện Sơn La, đây thực sự là một thị trường lớn để tiêu thụ hàng nông sản). Mặt khác cũng rất quan trọng là thúc đẩy công nghiệp sản xuất giấy và thức ăn gia súc với nguồn nguyên liệu tại chỗ như ngô, sắn, đậu tương nhằm đáp ứng nhu cầu thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ đó, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng các hộ nông dân bán sản phẩm nguyên liệu thô: ngô, khoai, sắn để chở về đồng bằng và mua lại các loại thức ăn gia súc, gia cầm đã được tinh chế từ sản phẩm của chính những hộ nông dân bán ra được chở ở đồng bằng lên.

Hướng phát triển các hộ chuyên con tập trung ở những xã có lợi thế về đồng cỏ hay rừng thưa. Dự kiến đến năm 2010, tổng số đàn trâu lên 15.500 con, đàn bò 23.400 con, đàn ngựa 12.000 con, đàn dê 35.450 con, lợn 60.300 con.

Cụ thể được chia rõ như sau:

**Bảng 3.2: Phát triển đàn gia súc 2005 – 2008**

Đơn vị tính: con

Số TT	Đàn gia súc, gia cầm (con)	Vùng quốc lộ 6		Vùng cao biên giới	
		2005	2008	2005	2008
1	Đàn trâu	4515	6134	6782	8110
2	Đàn bò	5005	7100	5505	10315
3	Đàn Ngựa	350	268	645	485
4	Đàn dê	2655	15675	3450	21054
5	Số lợn	12550	20475	10650	12558
6	Số Gà	11456	16005	15445	16046
7	Số Vịt	798	1256	988	1254

Nguồn: [30].

Đàn gia súc hàng năm dự kiến tăng từ 15- 20%, gia cầm tăng trên 50%. Đồng thời, chất lượng con giống sẽ được quan tâm đầu tư thay thế, như Bò lai sind, bò thịt mềm, lợn siêu nạc... Ngoài ra, do yêu cầu của thị trường trong huyện và trong tỉnh, các hộ nông dân

sẽ tập trung và đầu tư tốt hơn trên diện tích ao hồ để phát triển chăn nuôi thủy sản như cá, tôm ốc, lươn... (đây là lợi thế của huyện Yên Châu so với một số huyện trong tỉnh Sơn La vì huyện Yên Châu khí hậu ổn định và nóng hơn, Yên Châu nằm cách thành phố Sơn La trên 50 km còn một giờ lặn lội, cả thóc nếp kết hợp với thành phố, ...).

#### **+ Khôi phục và phát triển vốn rừng**

Thực trạng tài nguyên rừng trong toàn huyện sau những năm đổi mới, tài nguyên rừng càng ngày càng cạn kiệt, đã và đang chịu tác động xấu đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, như khí hậu ngày càng khắc nghiệt và biến đổi khó lường, thiên tai lũ lụt liên tiếp xảy ra với những thiệt hại ngày một nặng nề, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của bà con nông dân. Đất trống đồi núi trọc đã làm cho những hộ nông dân không còn khả năng canh tác. Một vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến đời sống của bà con trong việc ổn định định canh định cư là nhiều nguồn nước bị cạn kiệt nghiêm trọng hoặc chỉ có nước vào mùa mưa... Do đó, cần đẩy nhanh việc hình thành và phát triển hộ gia đình chuyên rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống của nông dân miền núi với chủ trương khoanh nuôi, tái sinh rừng, bảo vệ rừng tạo điều kiện cho các hộ nông dân tập trung chăm sóc, bảo vệ rừng để phát huy thế mạnh của lâm nghiệp đúng như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Châu khoá XVIII đề ra:

Phát triển nghề rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống của hộ nông dân trong huyện, khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ rừng, tạo điều kiện cho các hộ nông dân phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hoàn thành việc giao đất giao rừng đến hộ nông dân. Phần đất rừng đều có người chủ trực tiếp, kể cả rừng kinh tế, rừng phòng hộ và các khu bảo tồn thiên nhiên... [4].

\* Để phát triển kinh tế hộ nông dân với rừng những năm tới, huyện Yên Châu cần tập trung:

*Một là*, chuyển nhanh nhóm hộ nông dân chuyên khai thác, lợi dụng tài nguyên rừng sang khôi phục, xây dựng, bảo vệ và phát triển vốn rừng nhằm xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Phát huy tích cực chức năng phòng hộ rừng đầu nguồn, góp phần bảo vệ các tài nguyên thiên nhiên khác.

*Hai là*, tổ chức cho các hộ nông dân, nhất là hộ nông dân ở vùng cao biên giới có diện tích rừng làm nương rẫy sang việc canh tác thuận trên đất dốc, phát triển và bảo vệ rừng theo mô hình đồi rừng trang trại (RVAC). Thực hiện sản xuất nông - lâm kết hợp với hệ sinh thái đan xen, đa tầng. Thực hiện việc đóng cửa rừng và cấm khai thác tài nguyên rừng một cách nghiêm ngặt.

*Ba là*, phát triển các nhóm hộ nông dân có điều kiện chuyên bảo vệ rừng, khoanh nuôi rừng hiện có, gắn định canh định cư, chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng cơ cấu cây thích hợp, có giá trị kinh tế cao. Đặc biệt phải coi việc xây dựng và bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ đầu nguồn, nhằm khôi phục lại môi trường sinh thái, các nguồn nước sạch, chống xói mòn và rửa trôi đất, bảo đảm nguồn nước lâu bền.

*Bốn là*, chủ động trong việc thu hút, tập trung các nguồn vốn của Nhà nước, của tỉnh để xây dựng các khu rừng lâm nghiệp gắn với các dự án trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, có chính sách ưu tiên cho các hộ nông dân làm kinh tế vườn rừng.

*Năm là*, việc giao rừng, đất rừng đến các hộ nông dân cần thực hiện triệt để và cụ thể hoá (số diện tích rừng bảo vệ, số rừng phải trồng mới, số diện tích rừng xây dựng theo mô hình diện tích vườn rừng...) và cụ thể hoá về chế độ chính sách về đầu tư, vay vốn, nhất là thời gian chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng... để hộ nông dân yên tâm sản xuất và đầu tư. Ngoài ra, cần làm rõ quyền và nghĩa vụ của hộ nông dân, tránh việc giao đất, giao rừng trở thành vỏ bên ngoài là khoanh nuôi bảo vệ rừng nhưng thực chất bên trong lại là lợi dụng khai thác cạn kiệt tài nguyên rừng.

- Về mô hình cây trồng của nhóm hộ nông dân chuyên rừng:

Đối với rừng phòng hộ trồng hỗn hợp nhiều các loại cây, tạo cho rừng có kết cấu nhiều tầng để phát huy chức năng phòng hộ và kết hợp khai thác các lâm sản hàng hoá. Đối với rừng sản xuất cũng kết hợp trồng nhiều loại cây, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá với năng suất, chất lượng cao. Đối với việc trồng cây phân tán được thực hiện chủ yếu trên diện tích đất thổ cư, đường xá, đi lại, kênh mương, các khu du lịch, danh lam thắng cảnh với các chủng loại cây có bóng mát cảnh quang, cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây phòng hộ nông nghiệp...

\* Phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, hình thành các trang trại hộ nông dân và cổ phần hoá một phần đất đai được giao.

Qua nghiên cứu về một số vấn đề phát triển nông nghiệp - môi trường hiện nay, Đảng ta chỉ rõ: "Ở nông thôn hiện nay đang phát triển mô hình trang trại nông nghiệp, phổ biến là các trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hoá với quy mô lớn hơn, sử dụng lao động, tiền vốn của gia đình là chủ yếu để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả... Nhà nước có chính sách khuyến khích hình thức phát triển trang trại hộ gia đình. Đặc biệt, khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại hộ nông dân và các thành phần kinh tế hợp tác để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, thu hút và hỗ trợ các hộ gia đình nông dân còn khó khăn...".

Từ những năm sau đổi mới, cụ thể hơn là những năm 1990 trở lại đây, trang trại của hộ nông dân trong huyện Yên Châu đã và đang hình thành ở các xã vùng thấp dọc quốc lộ 6. Đến những năm đầu thế kỉ XXI, kinh tế trang trại đã được mở rộng và phát triển ở các xã vùng cao với tỉ lệ 1/5 hộ nông dân có trang trại. Song chủ yếu là trang trại theo mô hình VAC, còn trang trại theo mô hình RVAC được hình thành muộn hơn và mới chỉ ở những hộ có điều kiện về vốn, lao động.

Sự phát triển khá nhanh của kinh tế trang trại ở các xã, bản là do huyện Yên Châu đã thực hiện tốt chủ trương giao đất, giao rừng cho các hộ nông dân. Năm 1995, trung bình mỗi xã đã có 5 - 10 trang trại, thì đến năm 2000, các xã đã có từ 20 - 30 trang trại, đến năm 2005, số trang trại đã tăng lên gấp đôi, năm 2005 số trang trại đã gấp 8 lần so với năm 1995.

Có thể nói, kinh tế trang trại hộ nông dân trong huyện đã có những nét đặc trưng, đó là: Kinh tế trang trại chủ yếu là của hộ nông dân, mà chủ hộ ấy chính là chủ trang trại, là những người có ý chí và quyết tâm làm giàu, có vốn và kinh nghiệm, thông qua trao đổi và học hỏi. Lực lượng lao động chủ yếu là các cá nhân của chính hộ nông dân, một số trang trại có vốn đầu tư khá thì thuê thêm lao động theo thời vụ.

- Các trang trại thường hoạt động kinh doanh tổng hợp, lấy ngắn nuôi dài, hướng vào mục tiêu sản xuất hàng hoá là chính, lợi nhuận thu nhập trong các trang trại hộ nông dân ban đầu còn thấp, song sau khi đã ổn định thì đi vào sản xuất kinh doanh, lợi nhuận từ đó được tăng lên. Qua khảo sát, những hộ nông dân có trang trại, thu nhập của họ được

ổn định, lợi nhuận thu hoạch, sản xuất, kinh doanh cao gấp đến 5 lần hộ nông dân không có trang trại.

- Các trang trại hộ nông dân trong huyện thường không lớn, dưới 2 ha đối với cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực. Từ 2 ha đến 4 ha là các trang trại gắn cây công nghiệp, nông nghiệp với việc chăn nuôi gia súc, chăn nuôi thủy sản bằng hệ thống ao hồ. Ngoài ra, có một số ít hộ chuyên rừng có từ 5- 8 ha. Tổng số hộ nông dân có trang trại tuy chiếm tỉ lệ còn thấp so với tổng số hộ nông dân trong toàn huyện, nhưng kinh tế trang trại của hộ nông dân đã cho thấy hiệu quả hơn hẳn kinh tế hộ nông dân, bởi nó đã tận dụng được các nguồn lực trong dân và sử dụng thời gian, vốn một cách có hiệu quả hơn.

Như vậy, kinh tế trang trại hộ nông dân ở vùng Tây Bắc trong những năm qua cho thấy, bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế khá tốt, góp phần ổn định an ninh lương thực của địa phương, đưa cuộc sống của những hộ nông dân ngày càng được cải thiện và phát triển đi lên, điều đó chứng tỏ qua một số nội dung chủ yếu sau đây:

1- Chủ trang trại hộ nông dân luôn coi ruộng đất là yếu tố quyết định, là điều kiện sinh tồn, nên có ý thức bảo vệ và khai thác đất đai hợp lý. Do đó, độ phì nhiêu của đất được bảo tồn và tăng cường (đây là điều được nhất so với những hộ nông dân không có trang trại khi sử dụng quỹ đất được giao). Vì mục đích sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cả về số lượng và chất lượng, nên họ quan tâm khai thác, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, kỹ thuật canh tác, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, lao động được đào tạo.

2- Về mặt xã hội: Kinh tế trang trại hộ nông dân tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị cho xã hội, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, huy động được một số nguồn vốn nhàn rỗi trong nông dân để tăng nguồn đầu tư cho sản xuất. Mặt khác, do lợi nhuận từ kinh tế trang trại mang lại nên hoạt động của chủ trang trại luôn bám sát thực tế sản xuất, thị trường, coi đó là những nhu cầu tự nhiên. Các thành viên trong gia đình luôn gắn bó với người làm đỏi công hoặc làm thuê, vì vậy việc trả công được thoả thuận một cách rõ ràng, nhanh chóng.

- Với sự chủ động giao đất, giao rừng, các hộ nông dân có điều kiện phát triển kinh tế trang trại hộ gia đình. Đất trống đồi núi trọc, các khu rừng đã có chủ, nhờ đó diện tích đất được sử dụng một cách có hiệu quả, rừng hiện còn đã ít bị phá hơn; thu nhập của hộ

nông dân được tăng lên, giảm bớt sự phụ thuộc của người nông dân vào việc khai thác tài nguyên rừng, tạo điều kiện khôi phục và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái.

- Ưu điểm nổi bật của kinh tế trang trại hộ nông dân là khá phù hợp với kinh nghiệm, trình độ trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, đồng thời tạo ra sự phân công lao động hợp lý hơn, phù hợp với nền kinh tế nông nghiệp miền núi Yên Châu. Ngoài ra, kinh tế trang trại giúp hộ nông dân chủ động trong nguồn vốn, kỹ thuật, lao động, khắc phục được tình trạng trông chờ, ỉ lại, dựa dẫm vào tập thể, dựa vào sự bao cấp của Nhà nước. Từ đó thúc đẩy tâm lý, ý chí quyết tâm làm giàu của các hộ nông dân trong huyện.

Như vậy, việc mở rộng phát triển kinh tế trang trại đối với hộ nông dân, đẩy mạnh việc tổ chức sản xuất hàng hoá, trang trại hộ nông dân là sản phẩm của cơ chế thị trường, là điều kiện cần và đủ để phát triển kinh tế trang trại, là sự hình thành và phát triển của thị trường. Có thể nói, đối với các huyện miền núi Tây Bắc nói chung và huyện Yên Châu nói riêng, kinh tế hộ nông dân phát triển theo hướng kiểu trang trại gia đình sẽ là một xu hướng tiến bộ, khách quan. Sự vận động kinh tế trang trại hộ nông dân miền núi, trong đó có huyện Yên Châu, thường phát triển qua 3 giai đoạn:

*Một là*, hộ nông dân tự chủ trong sản xuất nhưng vẫn mang nặng tính tự cung, tự cấp và sản xuất hàng hoá giản đơn. Ở giai đoạn này, các hộ nông dân cần có sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước để xoá đói, giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo nhu cầu của thị trường. Đây cũng là giai đoạn tạo nên tâm lý hoang mang của các hộ nông dân. Do không cân đối và nắm bắt được nhu cầu thị trường, hiện tượng cung - cầu mất đối đối thường xảy ra.

*Hai là*, kinh tế hộ nông dân tự chủ kinh doanh hàng hoá, ở giai đoạn này có bước tiến khá dài so với kinh tế hộ tự chủ sản xuất. Nhưng về cơ bản vẫn ở trình độ sản xuất nhỏ. Thị trường hàng hoá giữa cung - cầu vẫn xảy ra mất cân đối, làm thiệt hại đến kinh tế hộ nông dân, đôi khi còn bị thua lỗ.

*Ba là*, kinh tế hộ nông dân trở thành hộ doanh nghiệp, tương ứng với trang trại hộ nông dân, các hộ nông dân luôn tính đến đầu ra - đầu vào, họ làm ăn có sự liên kết tốt hơn trong việc cung ứng vật tư, kỹ thuật để sản xuất hàng hoá và thị trường tiêu thụ ổn định, có phần an toàn hơn, do các hợp đồng cam kết...

Để trang trại hộ nông dân trong huyện Yên Châu phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, cần giải quyết có hiệu quả một số vấn đề sau:

- Giải quyết tốt, nhanh vấn đề giao đất, giao rừng đến hộ nông dân.
- Cần hoàn thiện đổi mới chính sách trong việc vay vốn phát triển sản xuất cho hộ nông dân theo hướng: Nhanh - đơn giản - hiệu quả.
- Tăng cường liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với kinh tế hộ nông dân.
- Tăng cường sự đầu tư giúp đỡ của Nhà nước về vốn, cơ sở hạ tầng, chuyển giao kỹ thuật công nghệ mới, tiên tiến...

**\* Phát triển kinh tế hộ nông dân miền núi huyện Yên Châu gắn với quá trình chuyển đổi kinh tế hợp tác kiểu mới**

Trong xu thế hiện nay, đối với nhiều quốc gia đang phát triển, việc phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng kinh tế trang trại kết hợp với việc cổ phần hoá một phần diện tích đất đai trong việc hình thành các doanh nghiệp Nhà nước về phát triển nông - lâm - ngư nghiệp. Đối với huyện Yên Châu, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2005 - 2010 và 2015, ngoài việc tăng cường phát triển kinh tế trang trại hộ nông dân theo hướng chuyên canh, theo vùng chuyên canh, huyện Yên Châu đã có chủ trương đổi mới với hộ nông dân trong vấn đề phát triển kinh tế trang trại và phát triển ngày càng mạnh hơn theo hướng:

- Cổ phần hoá một phần diện tích đất, rừng được giao để hình thành các doanh nghiệp cây cao su, cây chè và chăn nuôi bò sữa... để trở thành các cổ đông và trực tiếp tham gia lao động với danh nghĩa là công nhân trên diện tích đất đóng góp cổ phần.

- Gắn kinh tế hộ nông dân với quá trình đổi mới và hình thành kinh tế hợp tác xã kiểu mới, hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, cùng có lợi. Hợp tác xã chỉ xã hội hoá một phần sản xuất, chính sách sản xuất lớn hơn có ưu thế hơn phần sản xuất nhỏ. Quá trình thực hiện mà không phá vỡ kinh tế hộ nông dân, Nghị quyết 06 - NQ/BCT, ngày 10/11/1998 của Bộ Chính trị ***Về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn***, đã chỉ rõ:

Kinh tế hộ nông dân phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá là cơ sở để hình thành và phát triển kinh tế hợp tác... Hoạt động của kinh tế hợp tác xã gắn

với kinh tế hộ nông dân vừa có tác dụng hỗ trợ, tạo điều kiện để kinh tế hộ phát triển, vừa phát huy hiệu quả đầu tư của Nhà nước trên từng địa bàn, từng vùng, nhất là về thuỷ lợi, khoa học kỹ thuật [6, tr.13].

Trong điều kiện mới như đã nêu trên, kinh tế hộ nông dân miền núi nói chung và huyện Yên Châu nói riêng, bên cạnh những cố gắng, tiến bộ, thì hiện nay vẫn đứng trước nhiều khó khăn trong sản xuất và kinh doanh của các hộ. Từ đó, đòi hỏi phải có sự liên kết, liên doanh để tạo nên sức mạnh mới, ngày một đi vào ổn định và tiến tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Trong kinh tế hợp tác xã, với những tồn tại yếu kém trước đây đã làm cho nhiều hộ nông dân từ bỏ và tách ra ngoài làm ăn riêng lẻ và trở lại lối làm ăn tự cung, tự cấp. Nguyên nhân cơ bản đó là do lối làm ăn không chuyên đổi được phương thức hoạt động trong cơ chế mới, đó là: Dưới tác động trực tiếp của các yếu tố lịch sử, tự nhiên, kinh tế - xã hội của miền núi - nơi sinh sống của đồng bào dân tộc anh em, với nhiều loại địa hình khác nhau và nhất là trình độ nhận thức trong công tác đổi mới sản xuất kinh doanh, vẫn chưa thoát khỏi tư tưởng tự cung, tự cấp, nên nhu cầu về hợp tác, về dịch vụ sản xuất không đáng kể. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ quản lý các hợp tác xã chưa được đào tạo, cộng với trình độ chuyên môn, trình độ văn hoá còn thấp dẫn đến gặp lúng túng trong các hoạt động khi chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường. Mặt khác, đối với miền núi, các thông tin về kinh tế, thị trường, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thấp, vừa yếu và vừa thiếu, nhất là vùng cao, biên giới... Từ thực tế đó, đòi hỏi cần xem xét rất cụ thể hình thức kinh tế hợp tác để tổng kết, đánh giá đầy đủ hơn trong việc hình thành và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã như cơ cấu tổ chức, quản lý, các hoạt động, các khâu trong sản xuất - kinh doanh, nhất là trong việc thoả thuận hợp đồng gắn trách nhiệm với lợi nhuận kinh tế giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, với bộ máy tổ chức quản lý hợp tác xã. Đồng thời, tác động những biện pháp tích cực để thúc đẩy kinh tế hộ nông dân phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với việc hợp tác từ thấp đến cao, quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững và hiệu quả.

Để kinh tế hợp tác và hợp tác xã kiểu mới có "sức sống", chúng ta cần quan tâm giải quyết một số nội dung cơ bản, đó là:



- Công tác dịch vụ và yêu cầu dịch vụ phải xuất phát từ nhu cầu thực sự của hộ nông dân. Các nhu cầu về dịch vụ của hộ nông dân phụ thuộc vào trình độ sản xuất hàng hoá, mức độ áp dụng khoa học công nghệ và tác động của công nghệ vào sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Về quan hệ hợp tác xã chuyển sang dịch vụ với các hộ nhận dịch vụ là quan hệ độc lập, theo cơ chế thị trường, thông qua thoả thuận dân chủ, tự nguyện bằng các hợp đồng kinh tế, quan hệ này đòi hỏi sự thay đổi rất cơ bản trong hoạt động kinh tế của hợp tác xã, nhất là năng lực của cán bộ quản lý điều hành. Trong môi trường có sự tham gia của nhiều hình thức tổ chức kinh tế, thì hộ gia đình nông dân chỉ chấp nhận những dịch vụ của hợp tác xã trong điều kiện chất lượng dịch vụ cao, giá rẻ, bảo đảm tiến độ về thời gian và có thể được ứng trước với mức lãi suất hơn các đơn vị khác cùng tham gia kinh doanh phục vụ một mặt hàng. Làm được những điều đó thật không đơn giản, điều đầu tiên là hợp tác xã phải có vốn, Ban quản lý phải có năng lực, có phẩm chất kinh doanh và có sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc vay vốn, cung ứng vật tư, tư liệu cho sản xuất kinh doanh.

- Ngoài ra, trong quan hệ hợp tác, hợp tác xã ngoài việc giúp đỡ các hộ nông dân sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, định hướng phát triển cây trồng, vật nuôi theo vùng, theo khu, thì chúng ta cần quan tâm đến việc bao tiêu sản phẩm, quản lý sản phẩm nông sản sau thu hoạch có hiệu quả, đảm bảo cung cầu hợp lý để hộ nông dân yên tâm sản xuất, tin tưởng vào việc lựa chọn vật tư, kỹ thuật công nghệ và quá trình tiêu thụ sản phẩm... không để tư thương ép giá, gây bất ổn về giá cả thị trường, nhất là việc cung ứng giống, vật tư, phân bón giả, kém chất lượng hiệu quả cho hộ nông dân, gây thiệt hại lớn về kinh tế đối với hộ nông dân (hiện tượng này đã từng xảy ra ở nhiều địa phương, nhất là các cơ sở miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới).

### **3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN Ở HUYỆN YÊN CHÂU TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Kinh tế hộ nông dân miền núi nói chung huyện Yên Châu nói riêng, những năm qua đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện Yên Châu. Kinh tế hộ nông dân là cơ sở kinh tế - xã hội quan trọng trong việc ổn

định kinh tế, chính trị, xã hội địa phương, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đối với các xã vùng cao biên giới, kinh tế hộ nông dân còn góp phần giữ vững an ninh biên giới, phát hiện kịp thời những tổ chức, cá nhân gây rối trật tự an ninh xã hội, chia rẽ đồng bào dân tộc. Kinh tế hộ nông dân ổn định, góp phần thúc đẩy mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương phát triển. Xây dựng quê hương ngày thêm giàu đẹp. Để kinh tế hộ nông dân trong toàn huyện có bước phát triển ổn định, vững chắc hoà nhập với sự phát triển chung của cả nước và thế giới, huyện Yên Châu cần tập trung vào một số giải pháp và biện pháp sau đây để có bước phát triển đột biến trong kinh tế hộ nông dân:

### **3.2.1. Tuyên truyền giáo dục đối với hộ nông dân phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường**

Từ thực tế kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu trong những năm qua, bằng những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đã được cụ thể hoá cơ bản, đã giúp đỡ các hộ nông dân trong huyện có bước phát triển mới, đời sống của nông dân trong huyện được nâng lên, một số hộ nông dân đã biết tận dụng các nguồn vốn trong dân và Nhà nước để phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Đã quan tâm đầu tư để phát triển sản xuất kinh doanh. Song số hộ vươn lên phát triển kinh tế trong huyện còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có, còn nhiều hộ nông dân vẫn sản xuất - kinh doanh theo lối làm ăn "ăn chắc, mặc bền", mang tính tự cung, tự cấp. Đặc biệt, một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số mặc dù đã được quan tâm hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương trong chuyển giao kỹ thuật canh tác sản xuất, vốn, vật tư, nhưng đời sống vẫn gặp nhiều khó khăn, thậm chí thường xuyên thiếu ăn khi giáp hạt, sản phẩm chưa làm ra, nhưng các hộ đã bán "ngô non hoặc lúa non", tức là thế chấp với giá rẻ. Như vậy, chỉ sau khoảng 2 - 3 tháng, người nông dân đã thiệt mất trên một nửa số tiền. Ngoài ra người nông dân phải mua phân, giống, thuốc trừ sâu với giá rất cao và phải chịu lãi suất. Chi tiêu của một số hộ nông dân thiếu tính toán, không cân đối trong tiêu dùng là khi có tiền thì tiêu bằng hết, không có kế hoạch chi tiêu lâu dài cho tương lai; không tính đến việc gì cần làm trước, việc gì làm sau (ở một số hộ nông dân, nhất là những hộ đồng bào dân tộc thiểu số thường khi được mùa là tổ chức ăn uống linh đình, lãng

phí. Chi tiêu không tính toán đã dẫn đến tình trạng nhiều hộ nông dân khi ngô, lúa thu hoạch xong cũng vừa đủ để trả nợ. Hết tiền, họ lại đi làm thuê; ăn uống cho qua ngày và lại đi vay tiếp để bắt đầu một mùa ngô mới. Cứ như vậy, cái đói, cái nghèo cứ như một vòng luẩn quẩn không thoát ra được, bởi sự tính toán làm ăn và chi tiêu không hợp lý...).

Xuất phát từ thực trạng đó, để kinh tế hộ nông dân trong huyện Yên Châu phát triển đúng hướng, cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, để họ chuyển biến trong nhận thức và có tư duy mới trong phát triển kinh tế hộ nông dân, đưa cuộc sống của những hộ nông dân ngày càng được nâng lên rõ rệt, cụ thể là:

- + Việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá là đúng đắn, trao đổi sản phẩm hàng hoá để có tiền và hàng tiêu dùng, phục vụ đời sống và tích lũy tái sản xuất mở rộng và mở rộng thị trường.

- + Việc phát triển kinh tế hộ nông dân theo vùng, miền sẽ tạo ra lượng hàng hoá lớn kéo theo các dịch vụ thu mua, cung ứng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ khác, đáp ứng nhu cầu của hộ nông dân trong sản xuất kinh doanh.

- + Phát triển kinh tế hộ nông dân gắn với việc chuyển đổi một phần diện tích đất được giao với các công ty cổ phần cao su, chè, bò sữa, tạo cho hộ nông dân có nguồn thu ổn định từ cổ tức và sử dụng lao động của chính hộ nông dân trong các công ty (là công nhân của công ty), hàng tháng đều có lương.

- + Kinh tế hộ gắn với trang trại, hộ nông dân tận dụng thời gian lao động nhàn rỗi (thời gian gieo trồng, thời gian làm cỏ, thời gian không phải chăm sóc rừng, huy động được các nguồn vốn trong dân và sức lao động nhàn rỗi của lực lượng lao động trong xã hội).

- + Giúp nông dân nhận thức được muốn thoát nghèo phải ổn định sản xuất - kinh doanh, mạnh dạn đầu tư vốn và bỏ thời gian để nghiên cứu học tập, tiếp thu những mô hình kinh tế mới phù hợp với hộ nông dân miền núi, phù hợp với điều kiện xã hội, tự nhiên của địa phương.

Để làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền hộ nông dân phát triển sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường, cấp uỷ, chính quyền địa phương thông qua các kênh thông tin đại

chúng, các tổ chức chính trị - xã hội để tiếp cận với hộ nông dân, kết hợp biện pháp tuyên truyền với giải thích, động viên. Ngoài ra, có thể thông qua các gương điển hình hoặc các mô hình phát triển kinh tế hộ nông dân ở các tỉnh, các địa phương khác. Từ đó làm thay đổi nhận thức trong nông dân: Muốn làm giàu phải chuyển đổi kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường (có thể sử dụng hình ảnh qua việc trình chiếu bằng đèn chiếu, PowerPoint đầu Video, băng tư liệu về phát triển cây cao su, cây chè, chăn nuôi gia súc, gia cầm của các hộ nông dân làm ăn giỏi) để những người nông dân họ trực tiếp "mắt thấy, tai nghe" và làm theo.

### **3.2.2. Thực hiện việc sử dụng, chuyển đổi đất đai theo các chương trình dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Căn cứ vào quyết định số 147 - QĐ/TTg, ngày 10/9/2007 của Thủ Tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015; Thông tư số 1270/2008 - TT/BNN, ngày 31/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quy hoạch phát triển nông - lâm ngư nghiệp giai đoạn 2007- 2011 và tầm nhìn 2010. Thực hiện Kết luận số 524 - KH/TW, ngày 05/12/2008 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về chủ trương phát triển cây cao su, cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La. Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Châu giai đoạn 2008-2010 và 2015. Trong đó có chỉ tiêu hình thành và phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với kinh tế hộ nông dân với doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, huyện Yên Châu cơ bản đã giao đất giao rừng đến từng hộ nông dân quyền sử dụng quản lý, bảo vệ gắn với việc tập chung tích tụ đất đai để khuyến khích việc sử dụng đất có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và tính đến hiệu quả lâu dài, theo tinh thần đó, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

- Tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai để kiểm soát các biến động về đất đai. Cần bảo vệ diện tích lúa nước và rừng phòng hộ xung yếu và rừng đặc dụng. Sử dụng các nguồn nước tự nhiên, các khe núi, đồi có nước để đào ao thả cá khai thác thủy sản. Việc tập trung và tích tụ đất cần được quản lý chặt chẽ của Nhà nước, phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, không để quá trình này diễn ra tự phát dẫn đến một bộ phận nông dân mất đất mà không tìm được việc làm, lại trở về cuộc sống nghèo khổ.

- Giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho người nông dân sản xuất, sớm hoàn thành việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nông dân, để những hộ nông dân đó yên tâm đầu tư phát triển sản xuất. Việc giao đất, giao rừng phải cân đối giữa các hộ nông dân (nhất là hiện nay có bổ sung các hộ tái định cư thủy điện Sơn La) và gắn với việc quy hoạch vùng nuôi trồng và quy hoạch cơ sở hạ tầng của mỗi địa phương, đảm bảo việc thuận tiện phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Ngoài diện tích đất rừng giao đến hộ nông dân, số diện tích đất, nhất là đất trồng, đồi núi trọc có thể giao theo dạng cho thuê có điều kiện, đối tượng cho thuê trước tiên phải đáp ứng được nhu cầu phát triển và mở rộng sản xuất.

### **3.2.3. Tập trung thu hút nguồn nhân lực của hộ nông dân gắn với các chương trình dự án**

Để kinh tế hộ nông dân chuyển sang kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường, đòi hỏi sản phẩm hàng hoá đáp ứng được nhu cầu thị trường cả về số lượng và chất lượng. Sự thiếu vốn trong quá trình sản xuất và kinh doanh là một trong những nguyên nhân chủ yếu hạn chế sự phát triển của kinh tế hộ nông dân miền núi. Vì vậy, cùng với các giải pháp khác, giải pháp khả thi về vốn, nhân lực có vị trí rất quan trọng. Để đáp ứng nhu cầu về vốn, ngoài vốn tự có được huy động trong nông dân, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp uỷ, chính quyền, các ngành và toàn xã hội cần thực hiện tốt chính sách cho kinh tế hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh. Trong địa bàn miền núi nên phân chia ra các loại hộ để có những biện pháp cho vay phù hợp. Khuyến khích các hộ nông dân làm ăn giỏi ra sức làm giàu trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời hỗ trợ các hộ nông dân nghèo, làm ăn kém hiệu quả về kinh nghiệm, vốn, khoa học kỹ thuật... để họ vươn lên trở thành hộ khá giả.

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn trong sản xuất kinh doanh đối với hộ nông dân, chúng ta cần quan tâm sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của hộ nông dân trong các chương trình dự án phát triển sản xuất ở cơ sở. Đối với kinh tế hộ nông dân miền núi Yên Châu trong những năm qua chủ yếu mang tính thuần nông, sản xuất theo mùa vụ tạo ra sự lãng phí nguồn nhân lực trong những khoảng thời gian nhàn rỗi sau khi gieo trồng, sau khi làm cỏ,

sau khi thu hoạch cũng như những hộ nông dân chăn thả gia súc... Để tận dụng nguồn nhân lực của hộ nông dân, ngoài việc phát triển mô hình VAC, VACR, thì đưa nhân khẩu của hộ nông dân vào làm công nhân trong các doanh nghiệp. Ngoài ra cần quan tâm thu hút nguồn nhân lực vào các chương trình, dự án phát triển sản xuất, các dự án xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế hộ nông dân với các ngành nghề truyền thống... có như vậy nguồn lao động dư thừa mới được sử dụng triệt để, có hiệu quả giúp hộ nông dân làm giàu nhanh và bền vững, góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội đối với các cơ sở xã, bản, đặc biệt là ổn định và giữ vững an ninh biên giới, đối với các xã, bản vùng cao biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Để thu hút nguồn nhân lực của các hộ nông dân, ngoài các chính sách ưu tiên, khuyến khích của Đảng, Nhà nước, huyện Yên Châu cần có những chính sách riêng để động viên các hộ nông dân sử dụng thời gian lao động dư thừa vào các quá trình sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, các doanh nghiệp bằng lao động trực tiếp hoặc gián tiếp trong các khâu của quá trình sản xuất- kinh doanh, sử dụng nguồn nhân lực nhàn rỗi trong nhân dân đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp và lợi ích kinh tế của các hộ nông dân.

#### **3.2.4. Xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội của huyện Yên Châu**

Để thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường trên địa bàn huyện, thì việc củng cố và phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn là hết sức quan trọng.

Kết cấu hạ tầng nông thôn là toàn bộ các cấu trúc vật chất kỹ thuật như đường xá, cầu cống, mương phai, thuỷ lợi, hệ thống thông tin liên lạc, kho bãi... Thực tế trong những năm qua, kết cấu hạ tầng nông thôn ở huyện miền núi Yên Châu có nhiều bất cập. Với địa hình bị chia cắt ngang dọc, đi lại khó khăn, hệ thống thông tin liên lạc bị hạn chế, đường xá đi lại chủ yếu là dốc cao và đất đá... việc thu hoạch và sản xuất của hộ nông dân chủ yếu lại vào mùa mưa lũ đã làm thiệt hại không nhỏ đến lợi ích kinh tế của hộ nông dân, (bình thường mỗi sản phẩm sản xuất được thì chi phí khâu vận chuyển chiếm mất 50% chi phí sản xuất. Ngoài ra do thiếu thông tin nên người nông dân phải mua giá vật tư cao so với thông thường và giá bán sản phẩm lại bị thương ép giá...) điều đó làm

cho kinh tế hộ nông dân lại càng chậm phát triển, Nhà nước vẫn phải có chính sách hỗ trợ để xoá đói giảm nghèo cho nông dân trong huyện.

Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn là rất cần thiết. Trước thực tế đó, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, huyện Yên Châu đã có chủ trương: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, phấn đấu đến năm 2010 cơ bản các xã có đường rải nhựa vào đến trung tâm xã, cơ bản có đường ô tô đến trung tâm bản, các khu quy hoạch phát triển chè, cây ăn quả, cây công nghiệp có đường ô tô phục vụ cho công tác chăm sóc, tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác để đảm bảo ổn định và phát triển kinh tế xã hội trên toàn địa bàn huyện cần quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho các chương trình của ngành giáo dục, như: xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và Trung học cơ sở. Cần tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các trung tâm thương mại... Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo các chủ hộ gia đình nông dân tiếp thu những tiến bộ khoa học công nghệ mới, có trình độ quản lý, hạch toán trong sản xuất kinh doanh.

Về điện, đến nay cơ bản các trung tâm xã đã có điện lưới quốc gia, song trong những năm tới cần đề nghị Chính phủ đầu tư phát triển mạng lưới điện đến các bản, đặc biệt là bản vùng cao biên giới. Hoặc đầu tư để xây dựng những trạm thủy điện nhỏ hoặc các nguồn năng lượng khác cho các hộ nông dân đáp ứng nhu cầu đời sống và sản xuất của các hộ nông dân. Bên cạnh đó để đảm bảo nhu cầu tưới tiêu của các hộ sản xuất ngoài việc đầu tư để tận dụng các nguồn nước ngầm, Nhà nước cần có những dự án giúp các vùng xây dựng các đập nước và hệ thống thủy lợi phục vụ cho công tác tưới tiêu chăm sóc hoa màu.

Nhằm đáp ứng đòi hỏi của sự tăng trưởng và phát triển, huyện cần đẩy nhanh xây dựng các Trung tâm cụm xã, phát triển thêm các thị trấn, thị tứ, trong đó có chợ và các tổ chức dịch vụ cho nông nghiệp nông thôn.

Để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, nông nghiệp về điện, đường, trường, trạm... huyện cần tranh thủ các nguồn vốn, các dự án hỗ trợ của tỉnh, Trung ương và tranh thủ sự đầu tư giúp đỡ của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện có cơ sở phù hợp để các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển. Ngoài ra cần phải khai thác tốt các nguồn

nội lực trong các hộ nông dân và địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư mua sắm các phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.

### **3.2.5. Huy động các nguồn lực, các tổ chức kinh tế - xã hội của huyện để thực hiện các công trình dự án**

\* *Hoàn thành công tác quy hoạch phát triển*: Đây là một chủ trương chung của Đảng và Nhà nước trong phát triển nông nghiệp nông thôn ở nước ta hiện nay. Đối với huyện Yên Châu, hoàn thành công tác quy hoạch phát triển là cơ sở để tạo đà cho sự phát triển kinh doanh của hộ nông dân, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Quy hoạch là sự bố trí sắp xếp một cách cụ thể khoa học có kế hoạch cho các đơn vị sản xuất, các cụm, các điểm dân cư với kết cấu hạ tầng... Từ đó xác định bước đi phù hợp với nhu cầu trước mắt và cả những mục tiêu lâu dài.

Công tác quy hoạch đã tác động mạnh mẽ đến sự ổn định sản xuất kinh doanh, nhất là quy hoạch đất đai. Kinh tế hộ nông dân thời kỳ tự cung tự cấp ít có yêu cầu về quy hoạch. Nhưng hiện nay phát triển theo cơ chế thị trường, theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá việc quy hoạch đã ổn định, lâu dài phù hợp là điều kiện để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư có hiệu quả. Ngoài ra việc quy hoạch có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển bền vững, giữ vững ổn định kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, cân đối giữa các vùng, nhất là việc dân dân ở các thành thị, trung tâm huyện, tiết kiệm nguồn tài nguyên, lao động, tiền của. Cơ sở để quy hoạch xây dựng kế hoạch phải gắn với điều kiện tự nhiên, xã hội, sinh thái, thổ nhưỡng, con người, nhu cầu hợp tác, phát triển, như việc quy hoạch sản xuất phải đảm bảo sản xuất cái gì? sản xuất cho ai? sản xuất như thế nào?... tránh tình trạng đua nhau sản xuất ồ ạt làm mất cân đối cung - cầu, làm thiệt hại kinh tế hộ nông dân và Nhà nước.

#### **\* Hoàn thiện cơ chế chính sách về đất đai**

Trong luật Đất đai năm 2003, pháp luật nước ta quy định rất rõ và khẳng định: "*Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả. Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng và ổn định lâu dài*"



Do vậy, việc giao đất đai giao rừng cần căn cứ vào tình hình thực tế để đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân sao cho phù hợp và khắc phục được tình trạng những năm trước đây với quan điểm bình đẳng - đất tốt, đất xấu, đã làm cho việc sản xuất kinh doanh của hộ nông dân manh mún (có hộ có trên 10 mảnh ruộng nương khác nhau) dẫn đến công sức bỏ ra nhiều nhưng hiệu quả kinh tế mang lại thấp... Để khắc phục tình trạng đó, cần phải có qui hoạch, kế hoạch hợp lý để thực hiện tốt chính sách giao quyền sử dụng đất ổn định và lâu dài. Có như vậy hộ nông dân mới yên tâm sản xuất - kinh doanh và khắc phục được tình trạng du canh, du cư của người nông dân.

#### **\* Tạo và thu hút nguồn vốn**

Sự thiếu vốn trong sản xuất - kinh doanh là một trong những nguyên nhân chủ yếu hạn chế sự phát triển của kinh tế hộ nông dân miền núi. Vì vậy, cùng với các giải pháp khác, nguồn vốn có ý nghĩa rất quan trọng. Để nhu cầu vay vốn được thuận lợi, cần có sự quan tâm phối hợp giữa chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội trong toàn xã hội. Cần thực hiện tốt chính sách cho kinh tế hộ nông dân vay vốn phát triển sản xuất (Đối với miền núi cần phân ra các loại hộ khác nhau để có biện pháp cho vay phù hợp). Đồng thời có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ các hộ nông dân gặp khó khăn có điều kiện để đổi mới cách làm ăn có hiệu quả. Có thể dẫn ra một số biện pháp cụ thể:

- Phát triển quỹ cho vay đối với hộ nông dân của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện với quan điểm của Đảng và Nhà nước, là hình thức giúp đỡ trực tiếp của Nhà nước đối với hộ nông dân, là sự ưu tiên so với các hình thức tín dụng khác.

- Phát triển các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn: Đối với hình thức này mặc dù chưa phát triển phổ biến ở miền núi, nhưng cũng cần quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để cho ra đời Hợp tác xã tín dụng nhằm huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân và các cá nhân thuộc hộ giàu, khá...

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư theo các chương trình dự án 661, 135, 133, 120; dự án phát triển cây chè, cây cao su; dự án định canh, định cư; dự án phát triển cơ sở hạ tầng...

- Thực hiện cho vay vốn đúng đối tượng: Các tổ chức tín dụng khi cho vay cần có quan điểm cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng đối tượng, từng lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, từng vùng và việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả. Tránh việc vay vốn sử dụng sai mục đích, không hiệu quả dẫn đến không có khả năng thanh toán, mà trước đây đã có nhiều bài học kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng, (đối với Yên Châu vùng thấp dọc quốc lộ 6 nên ưu tiên cho vay để mở rộng, sản xuất, áp dụng kỹ thuật mới, cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, mở rộng và phát triển chăn nuôi đại gia súc. Đối với các hộ vùng cao, vùng sâu, vùng xa chủ yếu là các dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp nên đầu tư cho vay theo quan điểm kinh tế hàng hóa, sản xuất - kinh doanh tổng hợp. Nên ưu tiên về giềng, kỹ thuật công nghệ tiên tiến để hộ nông dân đổi mới trong sản xuất - kinh doanh; hình thức cho vay chủ yếu là ngắn hạn hoặc trung hạn.

- Áp dụng thế chấp linh hoạt với từng loại hộ: Hiện nay vấn đề thế chấp của hộ nông dân trong quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng về cơ bản đã được giải quyết thỏa đáng. Đối với các hộ nông dân nghèo, hộ nông dân thuộc diện dân tộc ít người đã được vay vốn nhờ "Tín chấp" thông qua sự thừa nhận, bảo đảm của chính quyền địa phương hoặc tổ chức quần chúng cơ sở mà ở đó hộ nông dân có tham gia. Mặt khác cũng đã khắc phục khuynh hướng không thích vay mượn, nợ nần của một số hộ nghèo hoặc một số hộ vay mượn có tài sản thế chấp nhưng lại thế chấp ở nhiều cơ sở tín dụng khác nhau... Do vậy trong thời gian tới, ngoài việc phát huy vai trò của các tổ chức cơ sở, chính quyền cơ sở, hệ thống tín dụng ngân hàng cần tạo điều kiện để hộ nông dân có điều kiện vay vốn và thủ tục vay vốn cần nhanh gọn, ổn định và bảo đảm an toàn của các nguồn vốn.

Tóm lại, để phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa trong cơ chế thị trường như hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ, giúp các hộ nông dân vay vốn và sử dụng vốn vay một cách có hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh.

\* **Về thị trường:** Thực tế thời gian qua thị trường vừa thiếu, lại vừa kém phát triển, cản trở lớn đến sự phát triển kinh tế hộ nông dân. Thực tế đó đòi hỏi phải đẩy mạnh phát triển của hệ thống thị trường trong toàn huyện. Để thị trường phát triển trong thời gian tới, cần tập trung làm tốt một số biện pháp sau:

- Tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông các xã, cụm xã và khu sản xuất của hộ nông dân.

- Quan tâm đầu tư mở rộng liên doanh, liên kết, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp, hệ thống bao tiêu sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch nhanh, đúng thời vụ, hạn chế thấp nhất khâu hao thất thoát sau thu hoạch.

- Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào những ngành sản xuất chủ lực, như: chè, cao su, tằm tơ, bò sữa, cây ăn quả...

- Đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm thị trường, mở rộng thị trường cung ứng vật tư, tiêu thụ nông sản gắn với việc dự báo định hướng quy mô, cơ cấu sản xuất, kinh doanh.

- Có chính sách đầu tư và có biện pháp tổ chức lại hệ thống lưu thông hàng hoá nông - lâm sản mà trước đây hoàn toàn bị cô lập trong thời bao cấp và trôi nổi khi mở ra cơ chế thị trường.

\* Về chính sách khoa học kỹ thuật, công nghệ, công tác khuyến nông: Trong điều kiện sự chi phối tác động mạnh mẽ của các quy luật đặc thù của kinh tế hàng hoá, thì việc ứng dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và sự chi phối tốt với các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm là giải pháp cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ nông dân.

Trong những năm tới, cần tập trung khảo sát, nghiên cứu cách để đưa những loại vật nuôi, cây trồng phù hợp với từng vùng gắn với lợi thế tự nhiên và bảo vệ môi trường, ứng dụng các công nghệ tiên bộ để xác định bố trí mùa vụ thích hợp theo hướng thâm canh tăng năng suất, từng bước tạo dựng một sự phát triển bền vững phù hợp với vùng thấp, vùng cao.

Hàng năm cần tổ chức tốt các Hội nghị, Hội thảo, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm sản xuất của các vùng, các loại vật nuôi, cây trồng... Để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tạo những động lực mới cho kinh tế hộ nông dân, để làm được các yêu cầu, nhiệm vụ đó, cần:

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho khoa học kỹ thuật, công nghệ phù hợp với trình độ nhận thức, canh tác của hộ nông dân miền núi.

+ Tạo ra một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ nhận thức, canh tác của hộ nông dân miền núi.

+ Tạo ra một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ năng lực, phẩm chất tốt giúp các hộ nông dân trong đổi mới kinh tế hộ.

+ Có hệ thống chính sách ưu tiên đối với những cán bộ giỏi trong công tác nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ để phát triển kinh tế hộ nông dân.

+ Hoàn thiện đội ngũ cán bộ khuyến nông ở các cơ sở xã, bản để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ đến hộ nông dân một cách có hiệu quả.

#### **\* Thực hiện tốt công tác định canh định cư**

Việc định canh định cư là yếu tố quan trọng để người nông dân ổn định làm ăn sinh sống và phát triển kinh tế, nhất là đối với vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới khi quỹ đất còn nhiều, trong khi nông dân vẫn còn tư tưởng: sử dụng đất mà không có sự cải tạo đất, đất xấu, đất bạc màu thì bỏ đi, tìm đất mới phá rừng để tiếp tục canh tác... Để làm tốt công tác định canh, định cư trên địa bàn huyện, cần làm tốt các nội dung:

- Làm tốt công tác định canh, định cư gắn việc giao đất giao rừng một cách khẩn trương, thống nhất và hợp lý, nhất là đối với các hộ nông dân mới tái định cư của thủy điện Sơn La.

- Định canh định cư gắn với các cơ sở kinh tế của Nhà nước, phù hợp với điều kiện sản xuất, phong tục tập quán và những di sản, truyền thống văn hoá của từng dân tộc.

- Kiện toàn bộ máy quản lý công tác định canh, định cư, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho định canh, định cư.

#### **2.2.6. Kết hợp dự án, lồng ghép các chương trình đối với nông nghiệp, nông thôn miền núi huyện Yên Châu**

Những năm qua, kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu đã có bước chuyển biến tích cực từ việc sản xuất mang tính tự cung, tự cấp đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường, góp phần đáng kể phát triển kinh tế xã hội địa phương. Song

thực tế kinh tế hộ nông dân Yên Châu phát triển vẫn còn chậm, đơn điệu, chưa sử dụng hết và triệt để các nguồn lực hoặc các chương trình dự án, hiệu quả mang lại thấp, nhiều khi còn đưa hộ nông dân đến nghèo đói nợ nần, không có khả năng thanh toán... Xuất phát từ thực tế đó, để kinh tế hộ nông dân phát triển nhanh theo hướng sản xuất hàng hoá, mang lại hiệu quả kinh tế cao, ngoài việc tăng cường phát triển kinh tế theo hướng hợp tác, hợp tác xã và cổ phần hoá một phần quyền sử dụng đất với các công ty doanh nghiệp, sản xuất trên địa bàn. đưa kinh tế hộ nông dân phát triển có hiệu quả và theo kịp nhịp độ phát triển kinh tế của các vùng Đông Bắc và Trung du, thì cần tập trung làm tốt những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Tận dụng và sử dụng tối đa các nguồn lực để mang lại hiệu quả cao nhất đối với hộ nông dân trong sản xuất kinh doanh; tranh thủ các dự án của Trung ương, của tỉnh trong việc đầu tư, chuyên đổi phát triển kinh tế hộ nông dân và lồng ghép các chương trình trong phát triển kinh tế hộ nông dân.

- Cần mở rộng và đa dạng hoá các loại hình chuyên canh sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn thả đàn gia súc theo mô hình VAC, VACR, nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, vốn, tay nghề và trình độ áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ.

- Khuyến khích các hộ nông dân phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã nhằm tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, kết hợp các mô hình kinh tế, như: các hợp tác xã nông nghiệp tham gia trồng, chế biến, tiêu thụ các nông sản từ cây công nghiệp.

- Tăng cường vai trò kinh tế nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế Nhà nước, thực hiện hình thức kí hợp đồng với hộ nông dân tiêu thụ sản phẩm và làm dịch vụ vốn, vật tư... phục vụ cho sản xuất, đặc biệt cần giúp đỡ các hộ nông dân tổ chức sản xuất theo mô hình các hợp tác xã kiểu mới để phát triển và kinh doanh cây công nghiệp, xây dựng phương thức tổ chức đồng bộ: sản xuất - chế biến - tiêu thụ trong quá trình phát triển kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường.

Để thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án trong kinh tế hộ nông dân cần:

- Quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch, có thể nói việc quy hoạch phát triển các vùng chuyên canh cây, con nhằm hình thành và duy trì việc chuyên

môn hoá sản xuất gắn với việc kiểm tra, hướng dẫn hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, tổ chức sản xuất, chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm...

- Tổ chức tốt các dịch vụ cung ứng các yếu tố đầu vào cho sản xuất, như: vật tư, giống cây, con phù hợp và đảm bảo chất lượng. Song cũng cần đề phòng việc tăng trưởng quá lớn về quy mô vùng chuyên canh làm mất cân đối giữa cung - cầu.

- Quá trình phát triển kinh tế hộ theo vùng chuyên canh, ngoài việc quan tâm giúp đỡ, thì cấp uỷ, chính quyền huyện Yên Châu cần phải làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích và thông tin về thị trường để hộ nông dân ổn định phát triển, đặc biệt cần xây dựng chính sách bảo hiểm, chính sách hỗ trợ người sản xuất khi gặp rủi ro.

- Việc tổ chức phát triển kinh tế hộ nông dân trong huyện cần gắn với chương trình, dự án quy hoạch của tỉnh, của vùng cũng như địa phương, đảm bảo tính khả thi, ổn định, lâu dài.

### **3.2.7. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút, động viên và tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia có hiệu quả về mô hình sản xuất mới**

Những năm qua, kinh tế hộ nông dân cơ bản vẫn là hình thức làm ăn nhỏ lẻ, manh mún, mạnh hộ nào thì hộ đó phát triển, thiếu sự đồng bộ liên kết, dẫn đến tình trạng mất cân đối trong sản xuất, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, gây thiệt hại không nhỏ cho hộ nông dân, nhất là những hộ nông dân nghèo, thường phải vay vốn để sản xuất - kinh doanh. Những hộ này, ngày ngày họ cố gắng lao động để mong thoát khỏi đói nghèo, nhưng càng làm lại càng nợ nần chồng chất, có những hộ không có khả năng trả nợ, phải bán ruộng đất, đi làm thuê kiếm sống. Xuất phát từ thực tế kinh tế hộ nông dân trong huyện, để kinh tế hộ ở đây có bước đi mới, mang lại hiệu quả kinh tế bền vững cho hộ nông dân trong huyện thời gian tới, cần giải quyết tốt những vấn đề cốt lõi:

*Một là*, tập trung giải quyết việc xoá đói, giảm nghèo, ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho hộ nông dân, như: Vấn đề định canh, định cư, xoá mù chữ, chăm sóc sức khoẻ y tế cộng đồng, phát triển giao lưu văn hoá văn nghệ, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Có chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh đối với đồng bào vùng cao, vùng dân tộc thiểu số đời sống còn khó khăn, lạc hậu.

*Hai là*, hoàn thiện nhanh việc giao đất, giao rừng đến hộ nông dân với những chính sách cụ thể, để hộ nông dân yên tâm sản xuất, kinh doanh trên diện tích đất được giao quyền bảo vệ, sử dụng. Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích hộ nông dân đến canh tác, mở mang sản xuất, khai hoang những vùng đất mới, đất gần biên giới gắn phát triển kinh tế hộ nông dân với bảo vệ an ninh biên giới.

*Ba là*, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ các hộ nông dân chuyển diện tích canh tác sang trồng một số cây công nghiệp, như: cây cao su, cây mía, cây chè... để tạo vùng nguyên liệu tập trung, nhất là những diện tích đất canh tác, rừng canh tác kém hiệu quả gắn với cơ chế tuyển dụng lao động từ các hộ nông dân, góp đất vào các Công ty làm công nhân (theo Luật Lao động).

*Bốn là*, tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương nhận thức có ý nghĩa chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói chung và kinh tế hộ nông dân nói riêng, nhằm thay đổi tập quán sản xuất nhỏ lẻ. Nêu cao ý thức tự lực, vươn lên làm giàu trong sản xuất nông nghiệp của hộ nông dân. Đổi mới kinh tế hộ nông dân theo hướng hợp tác, hợp tác xã, gắn kinh tế hộ nông dân với các doanh nghiệp Công ty đóng trên địa bàn. Từng bước đưa nông dân thành những người sản xuất, kinh doanh có trình độ để áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, theo tinh thần sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước là đẩy mạnh, phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

*Năm là*, tăng cường đào tạo nghề và nâng cao kiến thức làm ăn cho hộ nông dân. Trước mắt, cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, phổ cập kỹ thuật mới cho nông dân. Từng bước mở các lớp dạy nghề ở tỉnh, ở huyện, nhằm đáp ứng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế nông nghiệp, nông thôn miền núi.

### **3.2.8. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội cho công cuộc chuyển đổi cơ cấu kinh tế mới**

Làng, bản là nơi sinh tồn, sản xuất, sinh hoạt xã hội và văn hoá cộng đồng hộ gia đình nông dân, là thiết chế xã hội cơ bản của đồng bào các dân tộc miền núi. Củng cố và đổi mới cơ cấu làng, bản và xác định là đơn vị tổ chức xã hội, nó luôn là nhân tố kh«ng

những đảm bảo sự ổn định về xã hội, mà còn là động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế hộ nông dân. Việc củng cố làng bản có ý nghĩa là củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các hộ nông dân để cùng phát triển. Tuy nhiên cũng cần xem xét một cách thấu đáo những hạn chế yếu kém của tổ chức làng, bản miền núi huyện Yên Châu, là tổ chức xã hội nông nghiệp, tiểu nông, tự cung, tự cấp, tự lập và khép kín trong nhiều năm qua, đã tạo cho nông dân nơi đây có tư tưởng bình quân cao bằng, không ưa vượt trội, anh phải hơn em đã cản trở không nhỏ đến giải phóng sức lao động, sáng tạo của từng cá nhân, từng hộ gia đình nông dân và trong từng thôn, bản.

Vấn đề đặt ra, bên cạnh việc củng cố hệ thống chính trị thôn, bản nhằm phát huy tính cộng đồng, tạo điều kiện để từng hộ nông dân tự chủ, sáng tạo, có nhận thức và tư duy mới trong đổi mới phát triển kinh tế hộ nông dân. Trong cộng đồng làng bản, cần quan tâm đến vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng họ, bởi tiếng nói của họ có tác động không nhỏ đến những hộ gia đình nông dân. Do vậy, cần phối hợp giữa các thiết chế văn hoá xã hội truyền thống với các tổ chức chính quyền, đoàn thể để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giải quyết những mâu thuẫn tồn tại giữa các cá nhân, giữa các hộ nông dân, nhằm ổn định trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy hộ nông dân đổi mới phát triển sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm việc hướng dẫn hộ nông dân làm ăn đúng pháp luật, đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kinh tế, chính trị xã hội trong công cuộc đổi mới cơ cấu kinh tế huyện Yên Châu cần tập trung:

- Hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội ở thôn, bản có đủ trình độ năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở cơ sở.

- Phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ, dòng tộc, đặc biệt là vị trí, vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở trong việc tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn giúp đỡ hộ nông dân về nhận thức trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, trong việc đầu tư, áp dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ vào trong sản xuất và kinh doanh.

- Phối hợp giữa các tổ chức chính trị, kinh tế - xã hội, các đoàn thể, nhất là ở vùng cao biên giới cần khai thác và có chính sách phối hợp với ngành Giáo dục - Đào tạo, Bộ



đội Biên phòng, sử dụng đội ngũ cán bộ, giáo viên cắm bản, các chiến sĩ lực lượng bộ đội biên phòng tham gia vào việc động viên, giúp đỡ hộ nông dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, của huyện, của xã và của bản, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, giúp các hộ nông dân ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất và kinh doanh.

## KẾT LUẬN

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với cơ chế thị trường là chủ trương lớn gắn liền với sự phát triển của đất nước đã và đang được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, đặc biệt là kinh tế hộ nông dân ở miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Đảng ta đã có quan điểm rõ ràng: Coi trọng thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong phát triển nông nghiệp (gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, doanh nghiệp) và xây dựng nông thôn. Đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong cả nước, trong trước mắt cũng như lâu dài, là cơ sở để ổn định nền kinh tế, chính trị - xã hội, củng cố liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức. Đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một trong những nội dung quan trọng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn là chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá nhưng phải trên cơ sở đảm bảo giữ vững an ninh lương thực. Hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá tập trung với quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến cho cây trồng, vật nuôi đạt năng suất, chất lượng cao, đáp ứng cho công nghiệp chế biến, cho xuất khẩu nông sản, thực phẩm... Thực hiện chủ trương chung của Đảng và Nhà nước những năm qua, đối với huyện Yên Châu là một huyện miền núi, chủ yếu là kinh tế thuần nông nghiệp, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương, nông nghiệp, nông thôn huyện Yên Châu cũng đã có những bước phát triển nhất định, kinh tế hộ nông dân đã dần trở lại đúng vị trí của nó trong toàn bộ nền kinh tế chung, khẳng định hộ nông dân là hộ sản xuất kinh doanh tự chủ. Kinh tế hộ nông dân đóng một vai trò quan trọng trong kinh tế nông nghiệp của huyện Yên Châu. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế hộ nông dân trong quá trình phát triển không phải là sự phát triển vô hạn, nó có những giới hạn, những hạn chế mà phạm vi kinh tế hộ không tự tháo gỡ, tự giải quyết được. Nó đòi hỏi cần thiết phải có sự hợp tác trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và đúng pháp luật. Đồng thời kinh tế hộ nông dân đòi hỏi sự quan tâm, hỗ trợ của Đảng, Nhà

nước tạo điều kiện cho kinh tế hộ nông dân phát huy vai trò của nó trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá cùng với sự phát triển chung của từng vùng miền, của cả nước.

Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển kinh tế hộ nông dân đã phát huy tốt ở nhiều địa phương, nhiều nơi, nhất là các tỉnh đồng bằng, trung du dưới dạng các trang trại đa loại hình sản xuất kinh doanh, đã khuyến khích kinh tế hộ nông dân phát triển mạnh mẽ, người nông dân làm giàu chính đáng bằng sức lao động của mình gắn với mục tiêu xoá đói giảm nghèo ở nông thôn. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "*Người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người giàu thì giàu thêm...*" Với chính sách dân chủ, bình đẳng trước pháp luật trong sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế đã khơi dậy, tạo ra một động lực mới để phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn với mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Cùng với sự phát triển chung của sự nghiệp đổi mới của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, người nông dân huyện Yên Châu đã đóng góp một phần nhỏ bé vào phong trào phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, xây dựng quê hương ngày thêm giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc, trong đó vai trò của kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu là cơ sở quan trọng. Những năm qua, kinh tế hộ nơi đây đã đóng góp một phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà. Số hộ nghèo giảm nhanh (năm 1996 có 70% số hộ nghèo, năm 2000 còn 50% thì đến năm 2008 còn xấp xỉ 30% số hộ nghèo ...). Tuy nhiên, kinh tế hộ nông dân trong huyện còn phát triển chậm, thiếu đồng bộ và quy mô sản xuất nhỏ bé, manh mún. Khắc phục những hạn chế, tồn tại đó và phát huy những ưu điểm, tích cực của kinh tế hộ nông dân, qua nghiên cứu đề tài, căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của huyện Yên Châu, chúng tôi xin mạnh dạn kiến nghị với huyện Yên Châu, với tỉnh Sơn La và Trung ương một số vấn đề, đó là:

**1-** Ruộng đất là tư liệu sản xuất chính của hộ nông dân, nhưng trong điều kiện ruộng đất còn manh mún, nhỏ lẻ, vì vậy huyện Yên Châu cần có biện pháp hỗ trợ để các hộ nông dân tự đổi đất cho nhau (*dồn điền, đổi thửa*) để tiện cho việc đầu tư, canh tác phát triển sản xuất, chuyển đổi vật nuôi, cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá.

2- Nhà nước cùng với tỉnh Sơn La và huyện Yên Châu cần có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp và trong quản lý cho hộ nông dân. Cần có chính sách ưu đãi và tăng cường cán bộ khoa học ở cơ sở để giúp đỡ các hộ nông dân ứng dụng, chuyển giao những tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường.

3- Nhà nước cần quan tâm hơn nữa cho nông nghiệp - nông thôn, nhất là kết cấu hạ tầng nông thôn, như: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, bảo quản chế biến vùng sản phẩm, hệ thống trường học, trạm y tế... Ngoài ra, cần có chính sách bảo hiểm sản xuất, giúp các hộ nông dân khi gặp thiên tai, rủi ro. Có chính sách ưu đãi vay vốn cho hộ nông dân, nhất là các hộ nông dân nghèo, những hộ nông dân gặp khó khăn trong sản xuất...

4- Các ngân hàng cần cải tiến thủ tục cho vay, chú ý đến mức vay vốn, thời hạn vay vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất của từng loại cây trồng, vật nuôi. Lưu ý đến việc phát triển hợp tác xã tín dụng ở nông thôn để huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cũng như đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nông dân...

**Tóm lại**, thực trạng về trình độ phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Yên Châu nhìn chung còn nghèo nàn, lạc hậu, vẫn mang nặng tính tự nhiên - tự cung, tự cấp. Đời sống của một phận không nhỏ hộ nông dân trong huyện còn gặp nhiều khó khăn, nhất là những hộ nông dân ở vùng cao biên giới, vùng sâu, vùng xa. Để sớm khắc phục những tình trạng đó cần tiến hành đồng bộ, có hiệu quả và bằng những giải pháp tích cực, trong đó có một số những giải pháp quan trọng, đó là: Giải quyết vấn đề lương thực theo quan điểm sản xuất hàng hoá, phát triển những vùng chuyên canh, đa canh, phát triển kinh tế trang trại hộ nông dân và kinh tế hợp tác mà nòng cốt là hợp tác xã, kinh tế hộ gắn với các doanh nghiệp, hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, vấn đề về vốn, thị trường, khoa học công nghệ sản xuất, công tác định canh, định cư, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Hoàn thiện hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội ở cơ sở đủ mạnh, để động viên, giúp đỡ hộ nông dân sản xuất kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả về lợi ích kinh tế. Tăng cường vai trò của cấp uỷ, chính quyền địa phương, vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ, dòng tộc trong việc phát triển kinh tế hộ nông dân... Nhằm từng bước đưa kinh tế nông nghiệp, nông thôn huyện Yên Châu phát triển nhanh, mạnh,

vững chắc và đi đúng hướng, góp phần xây dựng quê hương Yên Châu ngày thêm giàu đẹp, hướng tới mục tiêu dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

\*

\* \*

Phát huy truyền thống lịch sử vẻ vang của mình, trong những năm qua vận dụng sáng tạo những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình cụ thể của địa phương, nhất là sau hơn 20 năm đất nước ta thực hiện công cuộc đổi mới, huyện Yên Châu phát huy mọi tiềm năng, nhanh chóng nắm bắt, tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào sản xuất, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, tăng hệ số sử dụng đất đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá phù hợp với yêu cầu thị trường. Từng bước xoá bỏ nền kinh tế tự cấp, tự túc, đẩy nhanh xoá đói, giảm nghèo, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc. Cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư, nâng cấp, bộ mặt nông thôn không ngừng được đổi mới. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định.

Để phấn đấu xây dựng Yên Châu trở thành một huyện văn minh, kinh tế phát triển của tỉnh Sơn La cùng cả nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội trong chặng đường tiếp theo, bên cạnh những thời cơ và thuận lợi mới, Yên Châu cũng đứng trước những khó khăn và thử thách mới, trước mắt còn nhiều vấn đề cần giải quyết về kinh tế - xã hội, đó là: điểm xuất phát từ một nền kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém, mặt bằng dân trí thấp, các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn còn nặng nề... nhưng xây dựng phát triển kinh tế - xã hội là ý chí, là nguyện vọng và quyết tâm cao của huyện Yên Châu trong những năm trước mắt cũng như lâu dài, để hướng tới mục tiêu: Dân giàu, huyện mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1997), *Kinh tế hộ - Lịch sử và triển vọng phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu tỉnh Sơn La lần thứ XII*, Sơn La.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Châu (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu huyện Yên Châu lần thứ XVII*, Yên Châu.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Châu (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu huyện Yên Châu lần thứ XVIII*, Yên Châu.
5. Nguyễn Văn Bích, Chu Tiến Quang (1996), *Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (1998), *Nghị quyết 06 - NQ/TW, ngày 10/11/1998 về một số vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn*.
7. Nguyễn Hữu Đạt (1995), *Đầu tư hỗ trợ của Nhà nước cho nông dân phát triển kinh tế hộ gia đình*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

13. Nguyễn Điền (1990), *Công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. *Đông Á con đường dẫn đến phục hồi* (1999) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. *Đổi mới và phát triển nông nghiệp nông thôn* (1996), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
16. *Đổi mới và hoàn thiện một số chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn* (1996), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
17. Trần Đức (1998), *Kinh tế trang trại vùng đồi núi*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
18. Hoàng Hải (1996), *Nông nghiệp châu Á, những bài học kinh nghiệm phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1996), "Về dịch chuyển cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nước ta hiện nay", *Tạp chí Thông tin chuyên đề*, (6).
20. Chử Văn Lâm (1995), *Những vấn đề kinh tế cơ bản trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. V.I.Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
22. Nguyễn Tiến Mạnh (1995), *Vùng Tây Bắc Việt Nam, tiềm năng và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
23. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Nguyễn Xuân Nguyên (1995), *Khuyh hướng phân hoá hộ nông dân trong phát triển sản xuất hàng hoá*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Nguyễn Thế Nhã (1995), *Những vấn đề lý luận cơ bản về dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
26. *Những bài học thành công của Đông Nam Á* (1996), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
27. Nguyễn Huy Oánh (1998), "Kinh tế trang trại với vấn đề thực hiện CNTB Nhà nước trong nông nghiệp", *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (số 5).
28. Phòng Thống kê huyện Yên Châu (2000), *Niên giám Thống kê huyện Yên Châu năm 2000*.
29. Phòng Thống kê huyện Yên Châu (2005), *Niên giám Thống kê huyện Yên Châu năm 2005*.



30. Phòng Thống kê huyện Yên Châu (2008), *Niên giám Thống kê huyện Yên Châu năm 2008*.
31. Vũ Hồng Phúc (1999), "Một số vấn đề công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn", *Tạp chí Nghiên cứu trao đổi*, (7).
32. Chu Hữu Quý (1996), *Phát triển toàn diện kinh tế nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La (2000), *Định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2001 – 2010 và 2015 tỉnh Sơn La*.
34. Đinh Thành (2003), "Tiêu thụ nông sản gắn với phát triển thị trường tiêu thụ nông sản", *Tạp chí Thương mại*, (7).
35. Hữu Thọ (2002), "Một số vấn đề quan trọng đối với nông nghiệp - nông thôn và nhiệm vụ công tác tư tưởng", *Tạp chí Công tác tư tưởng - văn hoá*.
36. *Thúc đẩy phát triển nông thôn Việt Nam vượt lên thử thách*. Báo cáo Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam.
37. Nguyễn Văn Tiêm (1995), *Chính sách Nhà nước đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn ở nước ta*. Hội thảo khoa học về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn Việt Nam.
38. Nguyễn Quang Tú (1995), *Phát triển kinh tế hộ nông dân trong phát triển sản xuất hàng hoá*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
39. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (1996), *Báo cáo quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La thời kỳ 1996 - 2010*.
40. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2001), *Đề án công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn tỉnh Sơn La đến năm 2010*.
41. Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu (2001), *Báo cáo tổng kết mô hình kinh tế hộ nông dân huyện Yên Châu 2001-2006 và dự kiến quy hoạch phát triển đến 2010*.
42. Chu Văn Vũ (1995), *Kinh tế hộ nông thôn Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.